

DANH MỤC TÀI SẢN THANH LÝ THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 850/QĐ-ĐHYD NGÀY 13/02/2026
(kèm Công văn số 1492/ĐHYD-QTGT ngày 30/3/2026 của phòng Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh)

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỐ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
I	Trường Y					299		2.809.558.910			0					
1	Máy đo độ bão hòa oxy máu -Hãng SX: Mediad-Mỹ S/N: EF13G01399 S/N: EF13G01397 S/N: EF13G01400 S/N: EF12B01300 S/N: EF12B01306 S/N: EF12B01305	Mỹ	2013	2013	cái	6	36.708.000	220.248.000	220.248.000		0		6		hư, không sử dụng được	
2	Máy đo Lipit máu S/N: AA58201 S/N:C062100104		2006	2006	cái	2	62.000.000	124.000.000	124.000.000		0		2		hư, không sử dụng được	
3	Mô hình làm PAP'S Hãng sx: nasco	Mỹ	2013	2013	cái	2	81.800.000	163.600.000		163.600.000	0		2		hư, không sử dụng được	
4	Mô hình chọc dò dịch não tủy và bộ thay thế gồm có da, cơ và tủy sống -Hãng SX: Nasco	Mỹ	2013	2013	cái	5	62.300.000	311.500.000		311.500.000	0		5		hư, không sử dụng được	
5	Mô hình đặt CVP Hãng SX: Nasco	Mỹ	2013	2013	cái	5	46.100.000	230.500.000		230.500.000	0		5		hư, không sử dụng được	
6	Valy cấp cứu chuyên dụng ULM Case Basic Nước SX: Weinmann-Đức	Mỹ	2017	2017	cái	1	52.053.840	52.053.840		52.053.840	0		1		hư, không sử dụng được	
7	Máy cắt nước 1 lần Model: W400 -Hãng SX: Bibby scientific-Anh -Hiệu: Bibby -S/N: M17138	Anh	2015	2015	cái	1	42.460.000	42.460.000		42.460.000	0		1		hư, không sử dụng được	
8	Bàn pha bệnh phẩm làm xét nghiệm vi thể		2015	2015	cái	1	56.520.000	56.520.000		56.520.000	0		1		hư, không sử dụng được	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
9	Máy photo Sharp AR56200		2014	2014	cái	1	39.193.000	39.193.000	39.193.000		0		1		hư, không sử dụng được	
10	Máy nước nóng lạnh Hundai S/N: W2_360E		2004	2004	cái	1	6.590.000	6.590.000	6.590.000		0		1		hư, không sử dụng được	
11	Máy chụp ảnh KTS Sony Model: DSC-W180 S/N: 5015384546L		2009	2009	cái	1	7.491.000	7.491.000	7.491.000		0		1		hư, không sử dụng được	
12	Tivi Samsung Model:LA32B350F1XXV S/N: 13273YHSB07886N		2009	2009	cái	1	9.499.600	9.499.600	9.499.600		0		1		hư, không sử dụng được	
13	Micro dây TOA DM+1300		2015	2015	cái	2	2.576.970	5.153.940		5.153.940	0		2		hư, không sử dụng được	
14	Máy đo HA thủy ngân Mercurial Sprygmomanometer S/N: 600		2009	2009	cái	1	1.102.500	1.102.500	1.102.500		0		1		hư, không sử dụng được	
15	Ghế xếp inox		2001	2001	cái	18	290.250	5.224.500	5.224.500		0		18		hư, không sử dụng được	
16	Ghế đơn inox		2009	2009	cái	20	369.600	7.392.000	7.392.000		0		20		hư, không sử dụng được	
17	Máy chiếu Sony DX100 S/N: 7035755		2013	2013	cái	1	10.890.000	10.890.000	10.890.000		0		1		hư, không sử dụng được	
18	Máy chiếu Sony DX100 S/N: 7035755		2013	2013	cái	1	10.890.000	10.890.000	10.890.000		0		1		hư, không sử dụng được	
19	Máy in Laser Canon 2900 S/N: LPMA 289834		2008	2008	cái	1	1.848.000	1.848.000	1.848.000		0		1		hư, không sử dụng được	
20	Bộ máy tính nPlus (CPU, bàn phím, chuột, màn hình)		2008	2008	cái	1	6.993.000	6.993.000	6.993.000		0		1		hư, không sử dụng được	
21	Máy in trắng đen Fuji xerox P255DW S/N: 106307		2014	2014	cái	1	7.538.837	7.538.837	7.538.837		0		1		hư, không sử dụng được	
22	Bộ máy vi tính CPU Samsung (CPU, bàn phím, chuột, màn hình)		2010	2010	cái	1	6.667.500	6.667.500	6.667.500		0		1		hư, không sử dụng được	
23	Máy chiếu Dell 4220 S/N: 7N8C1S1		2013	2013	cái	1	24.140.000	24.140.000	24.140.000		0		1		hư, không sử dụng được	
24	Máy tính xách tay Acer Model: Travel Mate P246M-MG S/N: NXVADSV00354702CE7600		2015	2015	cái	1	20.892.500	20.892.500		20.892.500	0		1		hư, không sử dụng được	
25	Bộ máy vi tính Samsung (CPU, bàn phím, chuột, màn hình)		2010	2010	cái	1	6.667.500	6.667.500	6.667.500		0		1		hư, không sử dụng được	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
26	Máy chiếu Sony EX242 S/N: S01-5004289-E		2014	2014	cái	1	20.240.000	20.240.000		20.240.000	0		1		hư, không sử dụng được	
27	Ghế có bàn viết KT: 540x460x860		2013	2013	cái	2	520.000	1.040.000	1.040.000		0		2		hư, không sử dụng được	
28	Ghế sinh viên KT: 440x480 Ghế mặt xoay tròn, đệm gỗ		2013	2013	cái	1	349.000	349.000		349.000	0		1		hư, không sử dụng được	
29	Máy photo Canon IR2525		2015	2015	cái	1	37.900.000	37.900.000		37.900.000	0		1		hư, không sử dụng được	
30	Máy scan HP 5590 S/N: MY1975R1DG		2013	2013	cái	1	9.500.000	9.500.000	9.500.000		0		1		hư, không sử dụng được	
31	Máy in màu HP laserJet Pro 200 S/N:VNC3F02462		2015	2015	cái	1	9.900.000	9.900.000	9.900.000		0		1		hư, không sử dụng được	
32	Bộ âm thanh Tiến Đạt (ampli, loa)		2012	2012	cái	2	5.600.400	11.200.800	11.200.800		0		2		hư, không sử dụng được	
33	Máy chiếu Sony Ex241 Seri 5003116		2013	2013	cái	1	24.520.400	24.520.400	24.520.400		0		1		hư, không sử dụng được	
34	Máy ảnh KTS Sony S/N: 5067685 DSC-W730 năm 2013		2013	2013	cái	1	3.839.000	3.839.000	3.839.000		0		1		hư, không sử dụng được	
35	Máy in HP 1200		2003	2003	cái	1	5.942.750	5.942.750	5.942.750		0		1		hư, không sử dụng được	
36	Bộ máy vi tính Vern (CPU, bàn phím, chuột, màn hình) Model: STU-DE7500 S/N: VEAF 1300617		2013	2013	cái	1	8.708.700	8.708.700	8.708.700		0		1		hư, không sử dụng được	
37	Micro không dây CAF gồm: 02 micro và 01 đầu thu Model: CA-A8		2015	2015	cái	3	5.225.000	15.675.000	15.675.000		0		3		hư, không sử dụng được	
38	Tủ sắt 6 ngăn		2016	2016	cái	2	3.500.000	7.000.000	7.000.000		0		2		hư, không sử dụng được	
39	Máy chiếu Sony S/N: 7000403		2012	2012	cái	1	13.680.000	13.680.000	13.680.000		0		1		hư, không sử dụng được	
40	Bộ camera ghi hình microphone, đầu ghi KTS, cấu hình dùng dạy và thi Hãng SX: Samsung S/N: KH9J6V2GC0000DL		2016	2016	cái	1	85.602.000	85.602.000	85.602.000		0		1		hư, không sử dụng được	
41	KHV Olympus S/N: CX21FS1		2011	2011	cái	1	12.105.500	12.105.500	12.105.500		0		1		hư, không sử dụng được	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
42	Bộ amply dạy học TĐ gồm: amply, loa (4 cái), micro không dây, micro có dây)		2015	2015	cái	1	5.600.400	5.600.400	5.600.400		0		1		hư, không sử dụng được	
43	Máy vi tính (CPU, bàn phím, chuột, màn hình) Màn hình Dell 19" CPU hiệu Thành Nhân		2016	2016	cái	1	12.560.000	12.560.000	12.560.000		0		1		hư, không sử dụng được	
44	Máy in trắng đen Fuji Xerox O255DW S/N: 106092		2014	2014	cái	1	7.538.837	7.538.837	7.538.837		0		1		hư, không sử dụng được	
45	Máy in Canon 6200 S/N: MTGA113876		2015	2015	cái	1	4.499.000	4.499.000	4.499.000		0		1		hư, không sử dụng được	
46	Máy chiếu Sony EX242 S/N: 5003122		2013	2013	cái	1	24.520.400	24.520.400	24.520.400		0		1		hư, không sử dụng được	
47	Máy in Canon 6200 S/N: MTGA107413		2013	2013	cái	1	3.850.000	3.850.000	3.850.000		0		1		hư, không sử dụng được	
48	Máy vi tính (CPU, bàn phím, chuột, màn hình) Màn hình Dell 19" CPU hiệu Thành Nhân		2018	2018	cái	1	12.560.000	12.560.000	12.560.000		0		1		hư, không sử dụng được	
49	Máy vi tính nPlus G31-E5200 (CPU, bàn phím, chuột, màn hình)		2009	2009	cái	1	11.999.400	11.999.400	11.999.400		0		1		hư, không sử dụng được	
50	Ghế xếp inox		2001	2001	cái	9	145.200	1.306.800	1.306.800		0		9		hư, không sử dụng được	
51	Ghế đơn		2001	2001	cái	30	369.600	11.088.000	11.088.000		0		30		hư, không sử dụng được	
52	Micro không dây CAF gồm: 02 micro và 01 đầu thu		2016	2016	cái	1	5.225.000	5.225.000	5.225.000		0		1		hư, không sử dụng được	
53	Loa cột hiệu Nam Cường		2010	2010	cái	2	3.190.000	6.380.000	6.380.000		0		2		hư, không sử dụng được	
54	Máy tính xách tay - Travel Mate P246M-MG Hãng SX: Acer S/N: NXVADSV00354702CED7600		2015	2015	cái	1	20.892.500	20.892.500	20.892.500		0		1		hư, không sử dụng được	
55	Ghế tron, có gác lưng, có gập xếp		2011	2011	cái	20	400.000	8.000.000	8.000.000		0		20		hư, không sử dụng được	
56	Màn chiếu Dalite 2m1		2011	2011	cái	1	8.316.000	8.316.000	8.316.000		0		1		hư, không sử dụng được	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
57	Màn chiếu 3 chân 84*84 Dalite		2016	2016	cái	1	1.100.000	1.100.000	1.100.000		0		1		hư, không sử dụng được	
58	Bàn giảng viên 1.4x0.9		2011	2011	cái	1	3.000.000	3.000.000	3.000.000		0		1		hư, không sử dụng được	
59	Máy in HP1200		2002	2002	cái	1	6.426.084	6.426.084	6.426.084		0		1		hư, không sử dụng được	
60	Máy vi tính E6300		2009	2009	cái	1	6.667.500	6.667.500	6.667.500		0		1		hư, không sử dụng được	
61	Máy chiếu DELL S/N: 3B314P1		2019	2019	cái	1	18.150.000	18.150.000	18.150.000		0		1		hư, không sử dụng được	
62	Máy vi tính core E5200 (CPU, bàn phím, chuột, màn hình) S/N: Q933A264 Màn hình LCD 17inch S/N: EH80404693804F354314		2009	2009	cái	1	9.991.800	9.991.800	9.991.800		0		1		hư, không sử dụng được	
63	Máy chiếu DELL 1510XP S/N: 20K04P1		2012	2012	cái	1	18.150.000	18.150.000	18.150.000		0		1		hư, không sử dụng được	
64	Máy chiếu Sony EX100 S/N: 7037816		2013	2013	cái	1	10.890.000	10.890.000	10.890.000		0		1		hư, không sử dụng được	
65	Máy chiếu Sony EX242 S/N: S01-50047436-8		2014	2014	cái	1	20.240.000	20.240.000	20.240.000		0		1		hư, không sử dụng được	
66	Máy vi tính (CPU, bàn phím, chuột, màn hình) Màn hình Dell 19" CPU hiệu Thành Nhân		2016	2016	cái	1	12.560.000	12.560.000	12.560.000		0		1		hư, không sử dụng được	
67	Máy chiếu DELL 1510XP S/N1: 60514P1 S/N2: FG314P1		2012	2012	cái	2	18.150.000	36.300.000	36.300.000		0		2		hư, không sử dụng được	
68	Micro không dây (02 micro, 1 đầu thu)CA-A8 Hãng SX: CAF		2015	2015	cái	1	10.450.000	10.450.000	10.450.000		0		1		hư, không sử dụng được	
69	Tivi LCD Samsung 40" LA40C530		2011	2011	cái	1	11.880.000	11.880.000	11.880.000		0		1		hư, không sử dụng được	
70	Máy vi tính Dell Vostro 270 S/N: CN-07C2R4-72872-2AU-F12M ; CN-07C2R4-72872-2AU-AAAM (CPU, bàn phím, chuột, màn hình)		2012	2012	cái	1	11.081.400	11.081.400	11.081.400		0		1		hư, không sử dụng được	
71	Bộ máy vi tính Vern (CPU, bàn phím, chuột, màn hình) Model: STU-DE7500 S/N: VEA1300609		2013	2013	cái	1	8.708.700	8.708.700	8.708.700		0		1		hư, không sử dụng được	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
72	Máy chiếu Sony DX100 S/N: 7000340		2012	2012	cái	1	10.890.000	10.890.000	10.890.000		0		1		hư, không sử dụng được	
73	Tủ lạnh sanyo 180 lít		2008	2008	cái	1	4.550.000	4.550.000	4.550.000		0		1		hư, không sử dụng được	
74	Máy in HP1200 S/N: CNCJM68284		2003	2003	cái	1	5.942.750	5.942.750	5.942.750		0		1		hư, không sử dụng được	
75	Máy scan HP3770 S/N: CN47QASSWN		2004	2004	cái	1	2.016.000	2.016.000	2.016.000		0		1		hư, không sử dụng được	
76	Bộ vi tính Samsung 52X Max (CPU, bàn phím, chuột, màn hình)		2009	2009	cái	1	10.973.695	10.973.695	10.973.695		0		1		hư, không sử dụng được	
77	Máy scan HP 3770 S/N: CN47QAS08T		2004	2004	cái	1	2.016.000	2.016.000	2.016.000		0		1		hư, không sử dụng được	
78	Máy tính dùng cho sinh viên Model: VZ2660G -Hãng SX: Acer		2014	2014	cái	36	12.782.000	460.152.000		460.152.000	0		36		hư, không sử dụng được	
79	Amply PA 100W-100V X/X: Asia		2015	2015	cái	1	3.520.000	3.520.000	3.520.000		0		1		hư, không sử dụng được	
80	Ghế sinh viên -Loại ghế đôi, mặt xoay tròn, đệm gỗ -KT: R 440mm x Cao 480mm -Hãng SX: Hòa Phát		2015	2015	cái	40	349.000	13.960.000		13.960.000	0		40		hư, không sử dụng được	
81	Máy in Canon LBP6200D		2013	2013	cái	1	3.850.000	3.850.000	3.850.000		0		1		hư, không sử dụng được	
82	Máy in laser HP 1020		2006	2006	cái	1	3.104.000	3.104.000	3.104.000		0		1		hư, không sử dụng được	
83	Máy tính Acer Aspire Z3-610		2017	2017	cái	3	21.120.000	63.360.000		63.360.000	0		3		hư, không sử dụng được	
84	Bộ camera ghi hình, microphone, đầu ghi KTS, cầu hình dùng dạy và thi Model: SRN-1000P Hãng SX: Samsung S/N: KH9J6V2GC0000DL		2015	2015	cái	1	85.602.000	85.602.000		85.602.000	0		1		hư, không sử dụng được	
85	Máy tính FPT T59i (CPU, chuột, bàn phím, màn hình)		2010	2010	cái	1	9.856.000	9.856.000		9.856.000	0		1		hư, không sử dụng được	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
86	máy tính để bàn (CPU, chuột, bàn phím, màn hình) CPU: Intel Pentium Dual-Core E5500 2,8GH Mainboard: Asus P5KPL-AMSE HDD: 320Gb SataII RAM: DDR2 2x2Gb DVD-RW LG-GH22NS		2010	2010	cái	5	10.559.640	52.798.200	52.798.200		0		5		hư, không sử dụng được	
87	Máy in Fuji xerox DOCUPRINT S/N: 106471	TQ	2014	2014	cái	1	7.538.837	7.538.837		7.538.837	0		1		hư, không sử dụng được	
88	UPS BX1100CI APC S/N1: 3B1516X20561 S/N2: 3B1516X20545	TQ	2010	2010	cái	2	3.100.000	6.200.000		6.200.000	0		2		hư, không sử dụng được	
89	Màn hình LG L1750SQ		2007	2007	cái	4	3.222.044	12.888.176		12.888.176	0		4		hư, không sử dụng được	
90	Ghế tựa lưng xanh		2015	2015	cái	5	565.200	2.826.000	2.826.000		0		5		hư, không sử dụng được	
91	Máy vi tính FPT (CPU, chuột, bàn phím, màn hình)	VN	2014	2014	cái	3	9.856.000	29.568.000	29.568.000		0		3		hư, không sử dụng được	
92	Máy tính xách tay Hãng SX: Acer S/N: NXVADSV00354702CF77600	TQ	2015	2016	cái	1	20.892.500	20.892.500		20.892.500	0		1		hư, không sử dụng được	
93	Bộ trang âm gồm: Ampli 360W, Loa hộp treo tường 30W (2), micro có dây		2015	2015	cái	1	17.642.020	17.642.020		17.642.020	0		1		hư, không sử dụng được	
94	Màn hình máy tính 17 inch (1280x1024)		2011	2011	cái	1	3.222.044	3.222.044		3.222.044	0		1		hư, không sử dụng được	
II	Trường Được					124		3.941.247.695			0					
1	Kính hiển vi hai mắt Olympus CH 20; S/N 16586	Nhật	2000	2002	cái	1	11.678.814	11.678.814	11.678.814		0		1		Hư không còn sửa chữa và không thể sử dụng được	
2	Kính hiển vi 2 mắt Olympus	Nhật	2000	2002	cái	1	11.678.814	11.678.814	11.678.814		0		1		Hư không còn sửa chữa và không thể sử dụng được	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN			HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ		
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp		HD khác	
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD			Không KD
3	Kính hiển vi 2 mắt Olympus CH 20 ; S/N BD 16636	Nhật	2000	2002	cái	1	11.678.814	11.678.814	11.678.814		0		1		Hư không còn sửa chữa và không thể sử dụng được	
4	Kính hiển vi 2 mắt Olympus TQ - Model CX 21FS1- SN 4K01167, 4L01376	Trung Quốc	2003	2003	cái	2	11.577.059	23.154.118	23.154.118		0		2		Hư không còn sửa chữa và không thể sử dụng được	
5	Kính hiển vi hai mắt Nikon YS 100 ; S/N 518832; 519 158	Nhật	2002	2002	cái	2	10.427.550	20.855.100	20.855.100		0		2		Hư không còn sửa chữa và không thể sử dụng được	
6	Kính hiển vi sinh học Nikon; S/N 617634, 617009, 616894	Nhật	2007	2007	cái	3	11.951.984	35.855.953	35.855.953		0		3		Hư không còn sửa chữa và không thể sử dụng được	
7	Cân xác định độ ẩm SATORIUS- Model MA45; S/N 15507209 - DLDHCT	Đức	2005	2005	cái	1	36.624.000	36.624.000	36.624.000		0		1		Đã hư không còn sử dụng	
8	Máy cô quay BUCHI Rotovapor R-200S29.2/32PLG (dạng V); S/N 0400027962/140031033 - DLDHCT	Thụy Sĩ	2003	2004	hệ thống	1	45.987.500	45.987.500	45.987.500		0		1		Hư không còn sửa chữa và không thể sử dụng được	
9	Máy cô quay BUCHI Rotovapor R-200S29.2/32PLG (dạng S); S/N 0400027963/140031034 - DLDHCT	Thụy Sĩ	2004	2005	hệ thống	1	52.124.500	52.124.500	52.124.500		0		1		Hư không còn sửa chữa và không thể sử dụng được	
10	Máy khử khoáng Ultra Clear Basic/SG Water Germany; S/N 944692 - DLDHCT	Đức	2007	2007	Hệ thống	1	62.026.972	62.026.972	62.026.972		0		1		Đã hư không còn sử dụng	
11	Máy cất nước 2 lần A4000D/Bibby/Anh; S/N R000101322 - DLDHCT	Anh	2007	2007	Hệ thống	1	78.069.418	78.069.418	78.069.418		0		1		Đã hư không còn sử dụng	
12	Máy tạo áp suất dùng nước VELP JP; S/N 3800-65- DLDHCT	Ý	2016	2016	cái	1	31.900.000	31.900.000	31.900.000		0		1		Hư không còn sửa chữa và không thể sử dụng được	
13	Máy tạo áp suất dùng nước (Bơm tuần hoàn), Model: JPV, Hãng: Velp – Ý - không có - DLDHCT	Ý	2018	2018	cái	2	56.650.000	113.300.000	113.300.000		0		2		Hư không còn sửa chữa và không thể sử dụng được	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
14	Bơm chân không loại bơm màng 2 tầng chịu hóa chất (Bơm màng chân không kháng hóa chất), Model: N 840.3 FT.18, Hãng: KNF – Đức; S/N: 11699301 - DLDHCT	Đức	2018	2018	cái	1	99.000.000	99.000.000	99.000.000		0		1		Đã hư không còn sử dụng	
15	Tủ sấy 250oC, 150 L PANASONIC MOV-212-PK; S/N 13080022 - DLDHCT	Nhật	2014	2014	cái	1	70.053.192	70.053.192	70.053.192		0		1		Đã hư không còn sử dụng	
16	Tủ đựng hoá chất 0,8 x 0,48 x 2,15 m. Model: CHC-062. Hãng: CHC lab Co.Ltd/Korea - không có - DLDHCT	Hàn	2006	2007	cái	1	27.492.672	27.492.672	27.492.672		0		1		Đã hư không còn sử dụng	
17	Tủ đựng hoá chất 1,8 x 0,55 x 2,2 m - không có - DLDHCT Model: CHC-062		2002	2002	cái	2	14.910.000	29.820.000	29.820.000		0		2		Đã hư không còn sử dụng	
18	Cân kỹ thuật -TE 412 Sartorius, Đức; S/N 21704973,6141,6143,6146,6147,6773,6776,7305,7308,8213,8214,8217,8669,8671,9088,9933,21709936	Đức		2008		17	6.630.000	112.710.000	112.710.000		0		17		Hư, không còn sử dụng được	
19	Cân độ ẩm Kern&Sohn GmbH, MLS50-3 HA 250N, Germany; S/N WL 082515	Đức		2008		1	39.088.000	39.088.000	39.088.000		0		1		Hư, không còn sử dụng được	
20	Máy bơm chân không. NKF NO22AN, Neuberger, Đức; S/N 2168819	Đức		2008		1	13.125.000	13.125.000	13.125.000		0		1		Hư, không còn sử dụng được	
21	Máy đo pH CYBER; S/N ion 510			2002		1	10.402.938	10.402.938	10.402.938		0		1		Hư, không còn sử dụng được	
22	Máy truyền động đa năng ERWEKA AR 402, (Đức); S/N 109335044E	Đức		2002		1	69.846.147	69.846.147	69.846.147		0		1		Hư, không còn sử dụng được	
23	Tủ vô trùng pha chế thuốc tiêm, thuốc nhỏ mắt, VN	Việt Nam		2006		1	26.250.000	26.250.000	26.250.000		0		1		Hư, không còn sử dụng được	
24	Máy đóng ống thuốc tiêm đầu lọc			2004		1	57.750.000	57.750.000	57.750.000		0		1		Hư, không còn sử dụng được	
25	Kính hiển vi 2 mắt Stratalab; S/N 3361 CU			1996		1	27.742.000	27.742.000	27.742.000		0		1		Hư, không còn sử dụng được	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
26	Tủ sấy chân không SHELLAB SL 1430 D; S/N 1200699 + Bom chân không Leybold S15; S/N Z 032399			2000		1	60.574.713	60.574.713	60.574.713		0		1		Hư, không còn sử dụng được	
27	Máy cô quay chân không Buchi R-200 ; S/N 702175010002 + Máy bơm chân không Buchi V-500 ; S/N 702175020001	Đức		2000		1	49.869.937	49.869.937	49.869.937		0		1		Hư, không còn sử dụng được	
28	Đèn UV 2 bước sóng Viber-Lourmat CN-15 ; S/N V00 7395	Đức		2000		1	12.903.527	12.903.527	12.903.527		0		1		Hư, không còn sử dụng được	
29	Máy đo PH để bàn pH 2700-EUTECH- Singapore; S/N 2606610	Singapore		2017		1	39.000.000	39.000.000	39.000.000		0		1		Hư, không còn sử dụng được	
30	Bếp đun bình cầu 500ml; S/N EM 500	Anh		1999	cái	1	3.087.600	3.087.600	3.087.600		0		1		Hư, không còn sử dụng được	
31	Máy cô quay chân không IKA; S/N 07.477271 - nồi đun HB 10 S99; S/N 07.484769	Trung Quốc		2014	cái	1	64.000.000	64.000.000	64.000.000		0		1		Hư, không còn sử dụng được	
32	Máy cô quay chân không - Buchi - R210S - 0600005019 - HD	Thụy sĩ	-	2007	Cái	1	87.464.432	87.464.432	87.464.432		0		1		Hư, không còn sử dụng được	
33	Máy cô quay - Buchi - R210C - 600005516 - HD	Thụy sĩ	-	2007	Cái	1	64.801.508	64.801.508	64.801.508		0		1		Hư, không còn sử dụng được	
34	Bể bẫy lạnh thể tích 10 lít - WiseCircu WCT-40 - 04009481215006 - HD	Hàn Quốc	-	2012	Cái	1	61.014.800	61.014.800	61.014.800		0		1		Hư, không còn sử dụng được	
35	Tủ sấy chân không - Jeiotech - OV-12/TRP-6 - M09131/00984 - HD	Hàn Quốc	-	2007	Cái	1	59.887.530	59.887.530	59.887.530		0		1		Hư, không còn sử dụng được	
36	Bể cách thủy có điều nhiệt 29L - Memmert - WNB 29 - L612.0055 - HD	Đức	-	2012	Cái	1	57.816.000	57.816.000	57.816.000		0		1		Hư, không còn sử dụng được	
37	Thiết bị làm lạnh sâu với đầu làm lạnh linh hoạt - Polyscience - IP-40 - 1A1231656 - HD	Mỹ		2012	Cái	1	39.800.000	39.800.000	39.800.000		0		1		Hư, không còn sử dụng được	
38	Máy đo điểm chảy - Kleinfeld/Germany - APA II - 1170-1006 - HD	Đức		2007	Cái	1	38.846.876	38.846.876	38.846.876		0		1		Hư, không còn sử dụng được	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
39	Bộ cột sắc ký HPLC S/N 00B0049404S00689, 00B0049704S00692	Nhật		2012	Cái	2	16.392.200	32.784.400	32.784.400		0		2		Hư, không còn sử dụng được	
40	Bể dầu có khuấy từ; S/N R600003269, R600003315	Trung Quốc		2012	Cái	2	12.819.400	25.638.800	25.638.800		0		2		Hư, không còn sử dụng được	
41	Tủ sấy - Memmert - ULM500 - F503.0187 - HD	Đức		2003	Cái	1	21.597.820	21.597.820	21.597.820		0		1		Hư, không còn sử dụng được	
42	Máy đo pH - WTW - pH7110 - 12030736 - HD	Đức		2012	Cái	1	20.790.000	20.790.000	20.790.000		0		1		Hư, không còn sử dụng được	
43	Máy bơm chân không - Woosung - TRP-6 - 00982 - HD	Hàn Quốc		2007	Cái	1	20.518.428	20.518.428	20.518.428		0		1		Hư, không còn sử dụng được	
44	Máy khuấy đĩa cơ - VELP - EU F20100152 - 37247 - HD	EU		2005	Cái	1	14.408.000	14.408.000	14.408.000		0		1		Hư, không còn sử dụng được	
45	Máy khuấy STUART (BIBBY) - CB162 - R300003956 - HD	Trung Quốc		2012	Cái	1	12.625.000	12.625.000	12.625.000		0		1		Hư, không còn sử dụng được	
46	Bơm chân không - Rocker - 400 - 167400-22-ADJ849 - HD	Đài loan		2015	Cái	1	11.320.000	11.320.000	11.320.000		0		1		Hư, không còn sử dụng được	
47	Máy khuấy từ gia nhiệt - Stuart (Bibby) - CD 162 - D162/010261 - HD	Anh		2002	Cái	1	11.275.000	11.275.000	11.275.000		0		1		Hư, không còn sử dụng được	
48	Bàn thí nghiệm 3,6m , có tủ dưới chân bàn	Việt Nam		2006	Bộ	1	45.000.000	45.000.000	45.000.000		0		1		Đã hư hỏng, được tháo rời để chờ thanh lý	
49	Máy đo pH và Ion Cyber Scan 510; S/N 104795, 104794, 104792	Singapore			Cái	3	10.402.938	31.208.814	31.208.814		0		3		Đã hư, không còn sử dụng được trong thời gian dài	
50	Máy đo Ph Istek PH200L; S/N 200LAA12/18	Hàn Quốc		2010	Cái	1	23.404.286	23.404.286	23.404.286		0		1		Đã hư, không còn sử dụng được trong thời gian dài	
51	Tủ hút 1,5x0,95x2,45 HC01-1			2006	Cái	1	43.125.000	43.125.000	43.125.000		0		1		Đã hư hỏng, được tháo rời để chờ thanh lý	
52	Bộ điện di đôi OW, P8DS + Nguồn cấp OWL, OSP-500; S/N 160881-921692			2002	Bộ	1	29.297.585	29.297.585	29.297.585		0		1		Đã hư, không còn sử dụng được trong thời gian dài	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
53	Máy điện di nhúng chìm và bộ cấp năng điện di Horizontal Device/ CLP/ USA; S/N 13718	Mỹ		2007	Bộ	1	37.903.500	37.903.500		37.903.500	0		1		Đã hư, không còn sử dụng được trong thời gian dài	
54	Máy ly tâm - Mikro 200, S/N 0004683-12	Đức	2014	2014		1	59.158.000	59.158.000	59.158.000		0		1		Hư main board	
55	Máy ly tâm HETTICH MIKRO 200; S/N 221	Đức	2004	2004		1	31.680.680	31.680.680	31.680.680		0		1		Hư main board	
56	Cân đo độ ẩm bằng hồng ngoại EB340MOC Libor Shimadzu; S/N D20050	Nhật		1999		1	25.000.000	25.000.000	25.000.000		0		1		Hư hỏng. Không sửa chữa được.	
57	Máy đo độ cứng Erweka, TBH30; S/N 1024560A89	Đức		1998		1	87.544.000	87.544.000	87.544.000		0		1		Hư hỏng. Không sửa chữa được.	
58	Máy đo độ chảy thuốc cốm GTL, ERWEKA, Germany; S/N 116715.1455	Đức		2005		1	99.991.500	99.991.500	99.991.500		0		1		Hư hỏng. Không sửa chữa được.	
59	Máy đo tỷ trọng cốm SVM, ERWEKA, Germany; S/N 115875	Đức		2006		1	65.982.000	65.982.000	65.982.000		0		1		Hư hỏng. Không sửa chữa được.	
60	Máy quang phổ UV-Vis 1700 SHIMADZU, Nhật; S/N A11023900249 - DLDHCT	Nhật	2002	2002	bộ	1	139.582.000	139.582.000	139.582.000		0		1		Đã hư không còn sử dụng	
61	Máy quang phổ UV-VIS SP 8001 AXIOM - Đức; S/N: 800 189 492 - DLDHCT	Đức	2016	2016	bộ	1	168.900.000	168.900.000	168.900.000		0		1		ĐTDC 2015, hiệu chuẩn 2024 nhưng đã hư không sử dụng được và đề nghị thanh lý	
62	Thiết bị tuần hoàn nhiệt độ thấp (shaking water bath) - Stuart - SBS40 - R000100616 - HD	Anh		2012		1	106.917.800	106.917.800	106.917.800		0		1		Hư, không còn sử dụng được	
63	Máy quang phổ UV-Vis U2010 (Hitachi); S/N 121-0042	Nhật		1996		1	147.639.000	147.639.000	147.639.000		0		1		Hư, không còn sử dụng được	
64	Máy quang phổ UV-VIS (1 chùm tia) UV-1280-Shimadzu- Nhật Bản P/N: 207-20800; S/N: A 120653 01439 (2 cuvet thạch anh)	Nhật Bản	2016	2016		1	167.200.000	167.200.000	167.200.000	0			1		Hư main board	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
65	Server HP Proliant ML 370T G4 3.2 GHz, Intel Xeon 3.2 GHz, FDD, CDRom 48X, HDD 36 GB SCSI Hotswap, 775 power supply, 15" monitor, keyboard, mouse, FSB 800MHz, 1 GB PC 3200 ECC DDR	HP Proliant ML 370T	2006	2006	cái	1	64.945,110	64.945,110	64.945,110		0		1		Hư, không còn sử dụng được	
66	Máy chiếu Panasonic PT-LB 55 NTEA; S/N SB 71110024R	Panasonic PT-LB 55 NTEA	2007	2007	cái	1	21.753,600	21.753,600	21.753,600		0		1		Hư, không còn sử dụng được	
67	Máy vi tính Pentium IV 1,6GB: CPU 1,6GHz; HDD 40GB; RAM 512GB; DVD A-05; DVD RW; màn hình 17, card màn hình: on board; S/N: HZ14700665		2003	2002	cái	1	19.233.900	19.233.900	19.233.900		0		1		Hư, không còn sử dụng được	
68	Màn hình LCD Dell 17, S/N CN-OP421N-64180-07V-ONH4		2012	2012	cái	2	2.585.000	5.170.000	5.170.000		0		2		Hư, không còn sử dụng được	
69	Màn hình LCD Dell 17, S/N CN-OP421N-64180-07V-ONHU		2014	2014	cái	1	2.255.000	2.255.000	2.255.000		0		1		Hư, không còn sử dụng được	
70	Máy scanner Epson P. 1640 SU EPSON, Nhật/Phil	Nhật	2001	2001	cái	1	8.872.138	8.872.138	8.872.138		0		1		Đã hư không còn sử dụng	
71	Máy in HP LaserJet 1200 HP Mỹ/Sing	Singapor	2001	2001	cái	1	6.162.300	6.162.300	6.162.300		0		1		Đã hư không còn sử dụng	
72	Máy in HP Laser P 1102 KP-108 ; S/N VNF 7R.58070	Nhật	2014	2014	cái	1	2.530.000	2.530.000	2.530.000		0		1		Đã hư không còn sử dụng	
73	Tủ lạnh Sanyo, dung tích 150 lít	Nhật	1999	1999	cái	1	3.700.000	3.700.000	3.700.000		0		1		Đã hư không còn sử dụng	
74	Máy vi tính HP P & phụ kiện: in Epson EPL 5800L, Scanner HP 160CQ	HP		2001		1	8.428.838	8.428.838	8.428.838		0		1		Hư, không còn sử dụng được	
75	Máy vi tính Celeron -Samsung; S/N 551	Hàn Quốc		2004		1	5.530.000	5.530.000	5.530.000		0		1		Hư, không còn sử dụng được	
76	Máy vi tính P4,2,8GB,1 thanh ram 512 MB			2012		1	12.574.800	12.574.800	12.574.800		0		1		Hư, không còn sử dụng được	
77	CPU Assus H81MCS, Intel Core i3-4160 (3,6Ghz), DDRam III 2GB-Bus 1600, HDD 500 GB, DVD RW	VN		2016		1	7.620.000	7.620.000	7.620.000		0		1		Hư, không còn sử dụng được	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỐ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
78	Máy vi tính P4-2,4 GHz, DDRam 256 MB, DVD GDR 8162B, HDD 4G CDRW, FDD, Scanner Canon, Monitor 17" Kyeboard, Mouse			2003		1	11.984.700	11.984.700	11.984.700		0		1		Hư, không còn sử dụng được	
79	Máy điều hòa nhiệt độ LG Goldstar Korea 1,5HP, 2 cục; S/N Không có	Hàn Quốc		1997		1	11.616.000	11.616.000	11.616.000		0		1		Hư, không còn sử dụng được	
80	Ôn áp	Việt Nam		2001	cái	1	3.080.000	3.080.000	3.080.000		0		1		Hư hỏng	
81	Quạt đứng	Việt Nam		2003	cái	5	1.870.000	9.350.000	9.350.000		0		5		Hư hỏng	
82	Ghế xếp GM 01	Việt Nam		2004	cái	3	107.317	321.951	321.951		0		3		Hư hỏng	
83	Máy vi tính IPRO Core Duo EO 2,7Ghz, Ram 1Gb, HDD 160 Gb, DVD rom LG, LCD AOC 16"wide; S/N WO1AAJA003851	Việt Nam		2010	bộ	1	6.994.990	6.994.990	6.994.990		0		1		Hư hỏng	
84	Máy vi tính P4, 3 GHz Intel, mainboard GIGA P5GC-MX, HDD 160GB, DVD RW, Ram 1GB, Monitor 720 N LCD 17" Samsung, Card GIGA 256MB.			2007	Cái	1	11.818.800	11.818.800	11.818.800		0		1		Hư, không còn sử dụng được	
85	Máy vi tính P4, 3 GHz Intel, Mainboard GIGA P5GC-MX, HDD 160GB, DVD RW, Ram 1GB			2007	Cái	1	8.104.320	8.104.320	8.104.320		0		1		Hư, không còn sử dụng được	
86	Máy vi tính; cấu hình: CPU Core Duo EO 2,7Ghz, Ram 1GB, HDD 160 GB, DVD rom LG, LCD AOC 16"wide; S/N WO1AAJA004148			2010	Cái	1	6.994.990	6.994.990	6.994.990		0		1		Hư, không còn sử dụng được	
87	Tủ lạnh Sharp SJ X 346DS	Nhật	2019	2020		1	8.100.000	8.100.000	8.100.000		0		1		Không làm lạnh	
88	Máy vi tính P4 (3,2GHZ,FDD,HDD 80GB,CDRW,DVD,DDRam 256MB, Monitor...); S/N LB17HYAP604740Y			2005		1	13.209.840	13.209.840	13.209.840		0		1		Hư hỏng. Không sửa chữa được.	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
89	Máy vi tính P4, 3 GHz, HDD 80Gb, 512 Mb RAM, monitor 17 inch Samsung			2007		1	8.396.640	8.396.640	8.396.640		0		1		Hư hỏng. Không sửa chữa được.	
90	Máy sấy phun sương LAB PLANT; S/N 1781299-DLDHCT và Phụ kiện cho thiết bị phun sương - không có - DLDHCT		2000	2000	Hệ thống	1	284.657.000	284.657.000	284.657.000		0		1		Hư hỏng. Không sửa chữa được.	
91	Tủ vi khí hậu CARON; S/N M6010			2000		1	236.769.000	236.769.000	236.769.000		0		1		Hư, không còn sử dụng được	
III	Trường Điều dưỡng - Kỹ thuật Y học					53	3.294.212.206				0					
1	Máy sóng ngắn CURAPUL 970 - ENRAFNONIUS , Model CURAPUL 970 S/N 27730		2006	2006	Cái	1	192.000.000	192.000.000			0		1		hư, không sử dụng được	
2	Máy sóng ngắn CURAPUL 970 - ENRAFNONIUS , Model CURAPUL 970 S/N 27447		2006	2006	Cái	1	192.000.000	192.000.000			0		1		hư, không sử dụng được	
3	Máy sóng ngắn CURAPULS 970, Model: Curapuls 970, S/N: 27724, Made in The Netherlands		2006	2006	Cái	1	192.000.000	192.000.000			0		1		hư, không sử dụng được	
4	Giường và máy kéo Cột sống TRITON CHATTANOOGA, Made in China, S/N 4749/T1458		2012	2012	Cái	1	112.000.000	112.000.000			0		1		hư, không sử dụng được	
5	Máy điện trị liệu Endomed 982, Model: Endomed 982, S/N: 01452, Made in Holland		2006	2006	Cái	1	494.500.000	494.500.000			0		1		hư, không sử dụng được	
6	Máy điện trị liệu 2 kênh Enraf Nonius 982, S/N 13080		2006	2006	Cái	1	494.500.000	494.500.000			0		1		hư, không sử dụng được	
7	Máy điện trị liệu 2 kênh Enraf Nonius 982, S/N 13081		2006	2006	Cái	1	494.500.000	494.500.000			0		1		hư, không sử dụng được	
8	Máy photo RICOH MP2591	Trung Qu	2013	2014	Cái	1	58.000.000	58.000.000			0		1		hư, không sử dụng được	
9	Máy quay Sony HDV			2009	Cái	1	78.100.000	78.100.000			0		1		hư, không sử dụng được	
10	Máy quay Sony HDR-XR100			2013	Cái	1	31.425.000	31.425.000			0		1		hư, không sử dụng được	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
11	Máy hút đàm New Askir 30			2006	Cái	4	8.500.000	34.000.000			0		4		hư, không sử dụng được	
12	Máy oxymeter				Cái	1	12.500.000	12.500.000			0		1		hư, không sử dụng được	
13	CPU Máy vi tính Dell Vostro 3670 Core i5 8400 R8GB, HDD 1TB			2009	Cái	1	11.000.000	11.000.000			0		1		hư, không sử dụng được	
14	Bộ máy vi tính: HP L1710 - Màn hình: 1 - CPU: 1 - Bàn phím: 1 - Con chuột: 1			2008	Cái	2	3.270.000	6.540.000			0		2		hư, không sử dụng được	
15	Máy in Canon 2900			2006	Cái	1	2.870.000	2.870.000			0		1		hư, không sử dụng được	
16	Amply TD 91 100W			2006	Cái	2	2.014.513	4.029.026			0		2		hư, không sử dụng được	
17	Loa 4T Model : TDL - 4T			2006	Cái	4	1.911.000	7.644.000			0		4		hư, không sử dụng được	
18	Đầu đĩa DVD Sony DVP- NS 52P			2020	Cái	1	1.500.000	1.500.000			0		1		hư, không sử dụng được	
19	Máy giặt Sanyo 8,5kg ASW 55MT			2009	Cái	1	34.500.000	34.500.000			0		1		hư, không sử dụng được	
20	Máy chiếu Panasonic PT-LB60 EA			2015	Cái	1	27.664.180	27.664.180			0		1		hư, không sử dụng được	
21	Máy chiếu 4300 lumens Dell 4320				Cái	1	5.290.000	5.290.000			0		1		hư, không sử dụng được	
22	Máy vi tính DELL Core I5 và Màn hình DELL, Made in: CHINA, S/N: CN-OXOT4K-72872-491-H8CB		2015	2015	Cái	1	15.000.000	15.000.000			0		1		hư, không sử dụng được	
23	Máy Photocopy TOSHIBA Studio 2505		2015	2015	Cái	1	16.100.000	16.100.000			0		1		hư, không sử dụng được	
24	Máy vi tính SAMSUNG Core I5 và Màn hình SAMSUNG Model: E1720NRX, Made in: SAMSUNG VINA, S/N: MPFRHYTZA05010T		2006	2006	Cái	1	13.550.000	13.550.000			0		1		hư, không sử dụng được	
25	Máy siêu âm kèm điện trị liệu Enraf Nonius 491, Model Sonopuls 491, 15736		2015	2015	Cái	1	90.000.000	90.000.000			0		1		hư, không sử dụng được	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
26	Máy vi tính bàn HP Pavilion Desktop, Model No 550-1621 S/N 4CE55002N4. USAID và Màn hình 19us Monitor S/N 3CQ52322ND		2004	2004	Cái	1	17.000.000	17.000.000			0		1		hư, không sử dụng được	
27	Máy kích thích điện Therapy Neuroton 827, Model 4538005, S/N 1803 Made in Germany		2004	2004	Cái	1	95.000.000	95.000.000			0		1		hư, không sử dụng được	
28	Máy và giường kéo cột sống Megatrac 101, S/N 0467808		2006	2006	Cái	1	92.000.000	92.000.000			0		1		hư, không sử dụng được	
29	Thiết bị tập đa năng KETTLER basic		2018	2018	Cái	1	48.000.000	48.000.000			0		1		hư, không sử dụng được	
30	Máy chiếu PANASONIC, Model PT-LB360, S/N DA5410850		2006	2006	Cái	1	36.000.000	36.000.000			0		1		hư, không sử dụng được	
31	Máy chiếu Overhead Kinder main, Model: 9502-1, S/N : 9051300021, Made in Germany		2006	2006	Cái	1	28.000.000	28.000.000			0		1		hư, không sử dụng được	
32	Máy chiếu Overhead projector 3M-9100, Model 9000AHBV, S/N: 1078831, Made in USA		2006	2006	Cái	1	32.000.000	32.000.000			0		1		hư, không sử dụng được	
33	Máy chiếu Overhead projector 3M-2770, Model 9000AHBV, S/N: 862837, Made in USA		1998	1998	Cái	1	32.000.000	32.000.000			0		1		hư, không sử dụng được	
34	Máy sóng ngắn Ultrathern 608, Model: 608, S/N: Q508730905		2004	2004	Cái	1	38.000.000	38.000.000			0		1		hư, không sử dụng được	
35	Máy chiếu Slide IKOLUX, Model: IKON AG, S/N 262846		2004	2004	Cái	1	26.000.000	26.000.000			0		1		hư, không sử dụng được	
36	Máy chiếu Overhead Lampa, Made in Sweden, S/N 2564011		2006	2006	Cái	1	25.000.000	25.000.000			0		1		hư, không sử dụng được	
37	Máy chiếu DA-LITE, Model: G-100-LT, S/N: 218081, Made in USA		2008	2008	Cái	1	22.000.000	22.000.000			0		1		hư, không sử dụng được	
38	Máy chiếu DELL, Model 1510X, S/N 19873035865, Made in China		2008	2008	Cái	1	24.000.000	24.000.000			0		1		hư, không sử dụng được	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
39	Máy chiếu DELL, Model 1510X, S/N 6630943321, Made in China		2004	2004	Cái	1	24.000.000	24.000.000			0		1		hư, không sử dụng được	
40	Máy kích thích điện Physiomed Expert, S/N: PME-0306510gb, Made in Germany		2006	2006	Cái	1	42.000.000	42.000.000			0		1		hư, không sử dụng được	
41	Máy chiếu Slide KODAK EKTALITE Projector, Model 500TUV, S/N 8108, Made in USA		2004	2004	Cái	1	22.000.000	22.000.000			0		1		hư, không sử dụng được	
42	Máy chiếu KODAK EXTAGRAPHIC III BR Projector, S/N:B-136863, Made in USA		2008	2008	Cái	1	18.000.000	18.000.000			0		1		hư, không sử dụng được	
43	Máy chiếu EIKI, Model: LC-XB24, S/N: H76A2905, Made in Japan		2004	2004	Cái	1	22.000.000	22.000.000			0		1		hư, không sử dụng được	
44	Máy Photocopy TOSHIBA, Model: MODELE 2880, S/N: CRG210208		2006	2006	Cái	1	18.000.000	18.000.000			0		1		hư, không sử dụng được	
45	Máy Photocopy RICOH, Model: FT4215.					1	12.000.000	12.000.000			0		1		hư, không sử dụng được	
IV	Khoa Y tế Công cộng					219		579.970.400			0					
1	Tủ sách kính lúp(1,6m x 2m)		1999	1999	cái	2	4.600.000	9.200.000	9.200.000		0		2		hư, không sử dụng được	
2	Ghế xếp Inox có bàn		2001	2001	cái	17	480.000	8.160.000	8.160.000		0		17		hư, không sử dụng được	
3	Máy lạnh Trane 2.0HP S/N: 3T090300088		2002	2002	cái	1	17.970.000	17.970.000	17.970.000		0		1		hư, không sử dụng được	
4	Máy photocopy Canon NP6130 S/N: F12980Z		2004	2004	cái	1	47.611.000	47.611.000	47.611.000		0		1		hư, không sử dụng được	
5	Máy vi tính xách tay Compaq NC6000 S/N:CNV4340R7B		2004	2004	cái	1	31.185.000	31.185.000	31.185.000		0		1		hư, không sử dụng được	
6	Máy chiếu Projector Sony S/N: 3036852636		2004	2004	cái	1	18.500.000	18.500.000	18.500.000		0		1		hư, không sử dụng được	
7	Ghế xếp sắt		2004	2004	cái	15	210.000	3.150.000	3.150.000		0		15		hư, không sử dụng được	
8	Máy chiếu Eiki S200 S/N: E7YA1175		2007	2007	cái	1	11.836.000	11.836.000	11.836.000		0		1		hư, không sử dụng được	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
9	Máy lạnh Hitachi 1HP S/N: 773229685		2007	2007	cái	1	8.150.000	8.150.000	8.150.000		0		1		hư, không sử dụng được	
10	Photo Canon IR2230 S/N:KJE01834		2008	2008	cái	1	63.349.000	63.349.000		63.349.000	0		1		hư, không sử dụng được	
11	Ampli		2008	2008	cái	5	2.500.000	12.500.000	12.500.000		0		5		hư, không sử dụng được	
12	Máy chiếu Acer S/N: DB35931		2008	2008	cái	1	22.400.000	22.400.000	22.400.000		0		1		hư, không sử dụng được	
13	Máy in HP P2015d S/N: CNBW8682PQ		2009	2009	cái	1	7.350.000	7.350.000		7.350.000	0		1		hư, không sử dụng được	
14	Máy in HP 1006 S/N: VNF3T16839		2009	2009	cái	1	3.000.000	3.000.000	3.000.000		0		1		hư, không sử dụng được	
15	Cân xác định lượng mỡ		2009	2009	cái	1	6.000.000	6.000.000	6.000.000		0		1		hư, không sử dụng được	
16	Máy vi tính để bàn để bàn Core2 Duo E7400@2.8GhzDDR2.0Gb,HDD 250Gb,DVD-RW, LCD-DELL19" S/N: 72872-99M-0C9S		2009	2009	cái	1	10.867.000	10.867.000		10.867.000	0		0	1		hư, không sử dụng được
17	Máy lạnh Reetech 1.5HP		2009	2009	cái	1	8.000.000	8.000.000		8.000.000	0		1		hư, không sử dụng được	
18	Máy in Hp officejet pro S/N: TH99122008		2009	2009	cái	1	9.500.000	9.500.000	9.500.000		0		1		hư, không sử dụng được	
19	Máy vi tính để bàn CPU Intel Core2duo E5500 2.8Ghz, Ram 1Gb, HD 250Gb, LCD LG 19" S/N: 010VNTDON817 S/N: 010VNGTOJ055		2010	2010	cái	2	7.500.000	15.000.000	15.000.000		0		2		hư, không sử dụng được	
20	Máy photocopy Bizhub-164 S/N: A0XX041003838		2010	2010	cái	1	21.989.000	21.989.000		21.989.000	0		1		hư, không sử dụng được	
21	Máy in Canon LBP - 3300 S/N: LQHA199424		2010	2010	cái	1	4.862.000	4.862.000		4.862.000	0		1		hư, không sử dụng được	
22	Máy vi tính để bàn để bàn Core Duo E5200@2.5Ghz Ram2.0Gb,HDD320Gb,CD, LCD-LG19" S/N: 911VNKEOA533		2010	2010	cái	1	10.000.000	10.000.000	10.000.000		0		1		hư, không sử dụng được	
23	Máy in Brother MFC-7360 S/N: E69906L1N286081		2012	2012	cái	1	6.380.000	6.380.000		6.380.000	0		1		hư, không sử dụng được	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
24	Máy tính Venr Intel Core I5-3470, HDD 500Gb, Ram 4Gb, LCD 18" S/N: VECK1301958		2013	2013	cái	1	11.078.000	11.078.000	11.078.000	0		1		hư, không sử dụng được		
25	Máy vi tính để bàn CPU G2020@2.9GHz, HDD 360, Ram 2.0Gb, S/N:DEUM A7YM		2013	2013	cái	4	12.579.000	50.316.000	50.316.000	0		4		hư, không sử dụng được		
26	Ghế gấp liền bàn		2013	2013	cái	50	478.500	23.925.000	23.925.000	0		50		hư, không sử dụng được		
27	Máy nước nóng lạnh		2014	2014	cái	1	4.899.400	4.899.400	4.899.400	0		1		hư, không sử dụng được		
28	Bàn vi tính		2014	2014	cái	1	2.145.000	2.145.000	2.145.000	0		1		hư, không sử dụng được		
29	Máy vi tính để bàn HP Pro 400G2 Pentium G3250 CPU@3.0Ghf, HDD 500, Ram 2.0Gb, LCD 17" 3CQ52601M1; 3CQ52601HC		2015	2015	cái	2	13.600.000	27.200.000	27.200.000	0		2		hư, không sử dụng được		
30	Máy chiếu Panasonic PT -VX42Z S/N: DC5340254 DC5340205	china	2015	2015	cái	2	22.174.000	44.348.000	44.348.000	0		2		hư, không sử dụng được		
31	Ghế Inox		2015	2015	cái	90	120.000	10.800.000	10.800.000	0		90		hư, không sử dụng được		
32	Ghế văn phòng		2016	2016	cái	6	550.000	3.300.000	3.300.000	0		6		hư, không sử dụng được		
33	Máy vi tính để bàn Intel I5 7400, Ram 8Gb, HDD 1T, LCD Dell18" S/N: C49B-A06 DJLI-A06 DCTI-A06		2018		cái	3	15.000.000	45.000.000	45.000.000	0		3		hư, không sử dụng được		
V	Khoa Y học Cổ truyền					74		3.788.384.509		0						
1	Máy điện tim 6 cần EGC 3 channels - Nihon Koden - ECG 1250K - 03847	Nhật Bản	2010	2010	Cái	1	46.500.000	46.500.000	46.500.000	0		1		Không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, không đủ điều kiện để đưa vào sử dụng (có giấy kiểm tra máy)		

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
2	Máy châm cứu Laser 10 đầu châm - Viện Vật lý Y sinh - M320A - N/A	Việt Nam	2015	2015	cái	1	27.500.000	27.500.000	27.500.000		0		1		Hư không sửa chữa được	
3	Máy cô quay chân không-EYELA-N1200BSW-SN 61306854	Nhật Bản	2014	2014	cái	1	189.399.600	189.399.600	189.399.600		0		1		Hỏng, không sử dụng được	
4	Máy xét nghiệm nước tiểu - Ireland -Bayer Heatheare - CLINITEK 500 - 10019111	Ireland	2007	2007	Cái	1	145.751.592	145.751.592	145.751.592		0		1		Hỏng, không sử dụng được	
5	Máy phân tích chuyên hóa ăn uống - UGO - BASILE - 41700 43 - 028810 10009	Đức	2010	2010	Cái	1	88.279.800	88.279.800	88.279.800		0		1		Hỏng, không sử dụng được	
6	Bể nuôi cơ quan cô lập - UGO BASILE - 4000 0845C09 9098	Italia	2010	2010	Cái	1	135.887.850	135.887.850	135.887.850		0		1		Hỏng, không sử dụng được	
7	Thiết bị tránh né thụ động - UGO BASILE - 2600 0161A 9150	Italia	2010	2010	Cái	1	97.521.900	97.521.900	97.521.900		0		1		Hỏng, không sử dụng được	
8	Máy đo chức năng hấp		2004	2004	cái	1	99.000.300	99.000.300	99.000.300		0		1		Hỏng, không sử dụng được	
9	Máy vi tính - Vern - Corei3 S/N: 18VEBE 1300865	Việt Nam	2013	2013	bộ	1	8.708.700	8.708.700	8.708.700		0		1		Hỏng, không sử dụng được	
10	Máy vi tính bộ - VENR - i3-3470 - 18VECK13000443	Việt Nam	2013	2013	bộ	1	11.086.900	11.086.900	11.086.900		0		1		Hỏng, không sử dụng được	
11	Máy vi tính - Robo Angela - DA 30615 S/N: CN-40P3DP-72872-569-AU9M	Việt Nam	2015	2015	bộ	1	12.661.682	12.661.682	12.661.682		0		1		Hỏng, không sử dụng được	
12	Máy vi bộ - VENR - Main HC1 Intel/CPUi3 -S/N: VEAF 1300603 -SN: VEAF1300604	Việt Nam	2013	2013	bộ	2	8.708.700	17.417.400	17.417.400		0		2		Hỏng, không sử dụng được	
13	Máy vi tính - LG - Core 2 Duo -S/N: 111VNAXOT424	Việt Nam	2012	2012	bộ	1	9.230.000	9.230.000	9.230.000		0		1		Hỏng, không sử dụng được	
14	Máy vi tính - VENR -CPUi3- 2120 /ram2Gb -S/N: VEAF 1300626	Việt Nam	2013	2013	bộ	1	8.708.700	8.708.700	8.708.700		0		1		Hỏng, không sử dụng được	
15	Máy vi tính - ROBO - i5 4460 - CN-40P3DP-72872-569-ARFM	Việt Nam	2015	2015	bộ	1	12.661.682	12.661.682	12.661.682		0		1		Hỏng, không sử dụng được	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
16	Laptop - Asus - K45VD VX294 - D3NDCJ91876611D	Đài Loan		2013	cái	1	14.245.000	14.245.000	14.245.000		0		1		Hỏng, không sử dụng được	
17	Giường y tế 1 tay quay (200cm x 90cm x 55cm)	Việt Nam	2015	2015	cái	1	2.400.000	2.400.000	2.400.000		0		1		Hỏng, không sử dụng được	
18	Máy in phun màu - Epson - Stylus 1390 S/N: JSTY029701	Japan	2015	2015	cái	1	9.900.000	9.900.000	9.900.000		0		1		Hỏng, không sử dụng được	
19	Máy đóng sách	Việt Nam	2001	2001	cái	1	1.913.000	1.913.000	1.913.000		0		1		Hỏng, không sử dụng được	
20	Bàn vi tính (Mẫu xám tro- chân sắt - 02bản/bộ)	1,2 x0,5x0,7 5 (cm)	2004	2004	Cái	2	574.111	1.148.222	1.148.222		0		2		Bung mặt bàn	
21	Máy vi tính - Intel - Core (TM2) Duo CPU E 7500 - NW-1920 (510004M) - 605545	China	2010	2010	Cái	1	9.230.000	9.230.000	9.230.000		0		1		Hư mainboard (bo mạch chủ), không sử dụng được	
22	Máy điều hòa - REETECH - 2HP - 2100491	Việt Nam		2002		1	12.870.000	12.870.000	12.870.000		0		1		Máy hư Block, không sử dụng được	
23	Máy điều hòa - REETECH - 2HP - 2100492	Việt Nam		2002		1	12.870.000	12.870.000	12.870.000		0		1		Máy hư Block, không sử dụng được	
24	Bộ Máy vi tính bộ thương hiệu VENR Mã tài sản: 69A/2013 Seri: 18VECK130486	Việt Nam	2012	2013	Bộ	1	11.086.900	11.086.900	11.086.900		0		1		Màn hình hỏng CPU không khởi động được	
25	Máy điều hòa nhiệt độ Mã tài sản: 3A-2008 Seri: 02100486	Việt Nam	2001	2002	Cái	1	12.870.000	12.870.000	12.870.000		0		1		Hỏng, không sử dụng được	
26	Máy tính để bàn - LG - G31T M7 - 911VNZCOA429	Việt Nam	2010	2010	Bộ	1	10.973.695	10.973.695	10.973.695		0		1		Hỏng, không sử dụng được	
27	Máy tính xách tay - Acer - P643 M - A2B86600	Đài Loan		2014	cái	1	24.411.473	24.411.473	24.411.473		0		1		Hỏng, không sử dụng được	
28	MÁY HỤY GIẤY - INNO - 3008 - SN: T 004404	Việt Nam	2009	2009	cái	1	3.815.462	3.815.462	3.815.462		0		1		Hỏng, không sử dụng được	
29	Máy lạnh 1HP - SN: 15093180 Nhãn hiệu: Reetech Model: RT12DD	Việt Nam	2015	2015		1	9.427.101	9.427.101	9.427.101		0		1		Hỏng, không sử dụng được	
30	Máy vi tính - LG SN: 111VNMUOT443	Hàn Quốc	2012	2012	cái	1	9.230.000	9.230.000	9.230.000		0		1		Hỏng, không sử dụng được	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
31	Tủ sấy 150L - panasonic - mov212PK - 13080027	Thái Lan	2014	2014	cái	1	70.053.192	70.053.192	70.053.192		0		1		Hỏng, không sử dụng được	
32	Tủ lạnh - Toshiba - GR-R 12VPT/VT- 20804202	Nhật bản	2002	2002		1	3.700.000	3.700.000	3.700.000		0		1		Hỏng, không sử dụng được	
33	Máy in - HP - LaserJet 5200DTN - CNRXT15657	TQ	2013	2013	bộ	1	50.050.000	50.050.000	50.050.000		0		1		Hỏng, không sử dụng được	
34	Bộ máy lạnh - toshiba - 1Hp1/2 2 cục - 72292930	VN	1999	1999	bộ	1	16.783.000	16.783.000	16.783.000		0		1		Hỏng, không sử dụng được	
35	Máy điều hòa nhiệt độ - TOSIBA - HP 2 cục - 02691098	VN	2000	2000	bộ	1	15.151.000	15.151.000	15.151.000		0		1		Hỏng, không sử dụng được	
36	Máy vi tính - Sam Sung - Core2Dao E7500 - 509949J	TQ	2010	2010	bộ	1	10.800.000	10.800.000	10.800.000		0		1		Hỏng, không sử dụng được	
37	Máy vi tính bộ - VENR - i3-3470 - 18VECK130496	VN	2013	2013	bộ	1	11.086.900	11.086.900	11.086.900		0		1		Hỏng, không sử dụng được	
38	Laptop - Asus - K45VD VX294 - 951116	TQ	2013	2013	bộ	1	14.245.000	14.245.000	14.245.000		0		1		Hỏng, không sử dụng được	
39	Máy in - Hp - 4350n SN: 4897-3; 4897-4	TQ	2006	2006	cái	2	29.988.000	59.976.000	59.976.000		0		2		Hỏng, không sử dụng được	
40	Máy hủy giấy SN:C01826400506	TQ	2019	2019	cái	1	3.498.000	3.498.000	3.498.000		0		1		Hỏng, không sử dụng được	
41	Máy tán được liệu - VN - BC 2002	Việt Nam	2002	2002	Cái	1	12.800.000	12.800.000	12.800.000		0		1		Hư không sửa được.	
42	Tủ sấy - VN - 1 cửa - BC 03	Việt Nam	2002	2002	Cái	1	20.000.000	20.000.000	20.000.000		0		1		Hư không sửa được.	
43	Máy đánh bóng viên hoàn - VN - BC 08	Việt Nam	2004	2004	Cái	1	26.250.000	26.250.000	26.250.000		0		1		Hư không sửa được.	
44	Máy ép màng co - Taiwan - VN - FIR 3315	Taiwan	2003	2003	Cái	1	24.000.000	24.000.000	24.000.000		0		1		Hư không sửa được.	
45	Nồi sắc thuốc hơi nước - VN - BC 15	Việt Nam	2008	2008	Cái	1	75.000.000	75.000.000	75.000.000		0		1		Hư không sửa được.	
46	Lòng lưới nấu cao 120 lít - VN - BC 16	Việt Nam	2009	2009	Cái	1	18.000.000	18.000.000	18.000.000		0		1		Hư không sửa được.	
47	Lò nung - LENTON - EF 11/88 - 20 800312	Việt Nam	2007	2007	Cái	1	40.674.000	40.674.000	40.674.000		0		1		Hư không sửa được.	
48	Máy điều hòa 2 cục - REETECH - SHP	VN	2002	2002	Cái	1	35.700.000	35.700.000	35.700.000		0		1		Hư không sửa được.	
49	Máy vi tính - SAMSUNG E7500- NW-1920 - 605131	VN	2010	2010	Cái	1	10.800.000	10.800.000	10.800.000		0		1		Hư không sửa được.	
50	Máy vi tính - Samsung - Intel Core 2 Duo - OT058	TQ	2012	2012	Cái	1	9.230.000	9.230.000	9.230.000		0		1		Hư không sửa được.	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
51	Máy chiếu overhead ALPHA (Đức) SN: 9052	Đức	2002	2002	Cái	1	5.644.384	5.644.384	5.644.384		0		1		Hư không sửa được.	
52	Máy chiếu overhead Fanulus Beta 400 (Đức) SN: 9005	Đức	2002	2002	Cái	1	9.967.000	9.967.000	9.967.000		0		1		Hư không sửa được.	
53	Máy chiếu overhead Fanulus Beta 400 (Đức) SN: 9005	Đức	2002	2002	Cái	1	9.967.000	9.967.000	9.967.000		0		1		Hư không sửa được.	
54	Màn chiếu điện từ Dalite 200 inch		2014	2014	Cái	1	7.735.800	7.735.800	7.735.800		0		1		Hư không sửa được.	
55	Power Amply MT 900 TEXA, NAMP19K (Màu đen) SN: A0503169		2005	2005	Cái	1	3.350.000	3.350.000	3.350.000		0		1		Hư không sửa được.	
56	Mixer Mx 802S, NAM P21K SN: A0504007		2005	2005	Cái	1	3.200.000	3.200.000	3.200.000		0		1		Hư không sửa được.	
57	Máy phát điện - Hyundai - 6,6 KVA - 13060311	HQ	2013	2013	Cái	1	28.284.000	28.284.000	28.284.000		0		1		Hư không sửa được.	
58	Moteur bom nước GP-200 JXK		2017	2017	Cái	1	2.970.000	2.970.000	2.970.000		0		1		Hư không sửa được.	
59	Máy bơm Pentax 3HP SN: CBT310	Italia	2013	2013	Cái	1	5.800.000	5.800.000	5.800.000		0		1		Hư không sửa được.	
60	Máy bơm Mitsubishi 1,5HP SN: A012116		2014	2014	Cái	1	3.685.000	3.685.000	3.685.000		0		1		Hư không sửa được.	
61	Hệ thống xử lý nước trực tiếp		2003	2003	Cái	1	12.710.000	12.710.000	12.710.000		0		1		Hư không sửa được.	
62	Máy phát điện - Hyundai - 2,2 KVA - 11041548	HQ	2013	2013	Cái	1	15.250.000	15.250.000	15.250.000		0		1		Hư không sửa được.	
63	Amply CALI HITECH PRO (Màu vàng)VN SN: 4646		2005	2005	Cái	1	6.550.000	6.550.000	6.550.000		0		1		Hư không sửa được.	
64	Laptop - Asus - K45VD VX294 - 911116		2013	2013	Cái	1	14.245.000	14.245.000	14.245.000		0		1		Hư không sửa được.	
65	Máy sóng ngắn - PHYSIOMED - PHYSIOTHERM S - 2259(2)	Đức	2012	2012	cái	1	289.000.000	289.000.000	289.000.000		0		1		Hư bo mạch, không thể sửa chữa	
66	Máy thử nghiệm chỉ nhiệt tổ - UGO ASILE - Probes BOX 30/15 - 803610	Spain	2010	2010	Cái	1	260.669.850	260.669.850	260.669.850		0		1		Hư không sửa được.	
67	Dụng cụ thiết lập hành vi và phụ kiện - Italia - UGOBASILE - 7533 - 076909 9086	Italia	2010	2010	Cái	1	274.980.300	274.980.300	274.980.300		0		1		Hư không sửa được.	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN			HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ		
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp		HD khác	
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD			Không KD
68	Máy đo huyết áp đuôi chuột - Indirect Blood Pressure Met - 6R 22931 - 120306-316/120106-229	USA	2006	2006	Cái	1	259.428.400	259.428.400	259.428.400	0		1		Hư không sửa được.		
69	Máy xét nghiệm sinh hóa - EOS BRAVO PLUS - REF LICG 890 - 100277	Italia	2008	2008	Cái	1	424.165.434	424.165.434	424.165.434	0		1		Hư không sửa được.		
70	Máy đồng khô - Martinchrist - Alpha 1,4 LD PLUS - 13008	Đức	2008	2008	Cái	1	284.259.404	284.259.404	284.259.404	0		1		Hư không sửa được.		
71	Máy ly tâm lạnh - Satorius - Sigman 3k30 - 117295	Đức	2007	2007	Cái	1	282.018.886	282.018.886	282.018.886	0		1		Hư không sửa được.		
VI	Khoa Răng Hàm Mặt					575		2.477.509.545		0						
1	Máy mài thạch cao (hiệu Tooth Master)	USA		1976	Cái	1	500.000	500.000	500.000	0		1		Hư, không sử dụng được.		
2	Máy rung thạch cao (NO.22856)	USA		1976	Cái	1	500.000	500.000	500.000	0		1		Hư, không sử dụng được.		
3	Máy rung thạch cao (Không số)	USA		1976	Cái	1	500.000	500.000	500.000	0		1		Hư, không sử dụng được.		
4	Máy mài siêu tốc Demco B1-230 (N0.2B.032, N0.2B.036)	Đức		2001	cái	2	12.502.267	25.004.534	25.004.534	0		2		Hư, không sử dụng được.		
5	Máy mài cao tốc Demco (2B047 C8)	Đức		2002	cái	1	17.995.158	17.995.158	17.995.158	0		1		Hư, không sử dụng được.		
6	Máy rung (SYNTRON)	Đức		1992	cái	1	1.650.000	1.650.000	1.650.000	0		1		Hư, không sử dụng được.		
7	Máy nén khí hiệu Fusheng Model:D3-2HP	TaiWan		2014	cái	1	10.780.000	10.780.000	10.780.000	0		1		Hư, không sử dụng được.		
8	Máy mài thạch cao hiệu Dayton ,4K852F	USA		1976	cái	1	1.500.000	1.500.000	1.500.000	0		1		Hư, không sử dụng được.		
9	Máy đánh bóng hiệu Baldor	USA		1976	cái	1	1.000.000	1.000.000	1.000.000	0		1		Hư, không sử dụng được.		
10	Bếp điện 220 v (1 vuông + 1 tròn)	VN		2018	cái	2	160.000	320.000	320.000	0		2		Hư, không sử dụng được.		

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN			HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ		
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp		HD khác	
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD			Không KD
11	Mould răng Silicon cho phantom			2017	cái	10	367.500	3.675.000	3.675.000		0		10		Hư, không sử dụng được.	
12	Nắp nhựa đậy mould			2017	cái	10	147.000	1.470.000	1.470.000		0		10		Hư, không sử dụng được.	
13	Đèn rọi sáng			2007	cái	4	75.000	300.000	300.000		0		4		Hư, không sử dụng được.	
14	Thùng rửa phim			2002	cái	1	520.000	520.000	520.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
15	Máy mài Micro Motor (9985-327)			2002	cái	1	21.765.429	21.765.429	21.765.429		0		1		Hư, không sử dụng được.	
16	Bộ kiểm tốc Nha khoa + (1Airtoreq + 1 TK Higspeed)	JAPAN		2012	Bộ	6	24.150.000	144.900.000	144.900.000		0		6		Hư, không sử dụng được.	
17	Bộ kiểm tốc Nha khoa OLI - AIR	JAPAN		2011	Bộ	3	24.150.000	72.450.000	72.450.000		0		3		Hư, không sử dụng được.	
18	Máy cạo vôi răng (BOBCAT-PRO)	USA		2005	Máy	1	10.109.000	10.109.000	10.109.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
19	Máy cạo vôi R + 1 mũi (BOBCAT-PRO)	USA		2010	Máy	1	11.017.500	11.017.500	11.017.500		0		1		Hư, không sử dụng được.	
20	Máy cạo vôi răng + 3 mũi cạo vôi R hiệu Densply .	Đức		2010	Máy	3	11.017.500	33.052.500	33.052.500		0		3		Hư, không sử dụng được.	
21	Ghế Nha sĩ xoay (các loại)	USA		2000	Cái	4	500.000	2.000.000	2.000.000		0		4		Hư, không sử dụng được.	
22	Ghế chữa răng bom dầu SS.WHITE	USA		1972	Cái	1	3.056.000	3.056.000	3.056.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
23	Ghế nha khoa hiệu MORITA Signo Grand 2 Over arm Foof bending 90 and sliding Type.	JAPAN		2014	Ghế	1	2.081.030	2.081.030	2.081.030		0		1		Hư, không sử dụng được.	
24	Máy cạo vôi răng (BOBCAT-PRO)	USA		2007	Máy	1	9.852.000	9.852.000	9.852.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
25	Máy cạo vôi R hiệu Dentsly + 2 mũi cạo vôi	Đức		2011	Máy	1	6.810.225	6.810.225	6.810.225		0		1		Hư, không sử dụng được.	
26	Đèn trám răng thẩm mỹ Dentsply	Đức		1995	Cái	1	4.500.000	4.500.000	4.500.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
27	Đèn soi sáng + cần đèn	Đức		1976	Cái	30	50.000	1.500.000	1.500.000		0		30		Hư, không sử dụng được.	
28	Đầu Phantom cho SV Thực tập	VN		2015	Cái	10	7.000.000	70.000.000	70.000.000		0		10		Hư, không sử dụng được.	
29	Máy mài cao tốc Demco (model E.76)	Đức		2001	Cái	1	12.502.267	12.502.267	12.502.267		0		1		Hư, không sử dụng được.	
30	Máy hút bụi labo D (DC.5)	VN		2003	Cái	2	51.000.000	102.000.000	102.000.000		0		2		Hư, không sử dụng được.	
31	máy rung thạch cao Syntron (có mâm)	Taiwan		1992	Cái	1	8.000.000	8.000.000	8.000.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
32	Máy đúc cao tần Bego-Fornax (No.257232)	Đức		1980	Cái	1	120.000.000	120.000.000	120.000.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
33	Micromotor K.9 [EWL.920/950] (N0.2300172,133,160 N0.2300153,171,178 N0.2300181,155,175 N0.2300162)	Đức		2001	Cái	10	14.355.000	143.550.000	143.550.000		0		10		Hư, không sử dụng được.	
34	Hệ thống máy hút bụi labo	Đức+VN		2003	Cái	1	54.390.000	54.390.000	54.390.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
35	Máng che bụi	VN		2010	Cái	4	55.000	220.000	220.000		0		4		Hư, không sử dụng được.	
36	Máy thông gió	USA		1976	Cái	1	100.000	100.000	100.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
37	Máy đánh bóng Baldor	USA		1976	Cái	1	1.000.000	1.000.000	1.000.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
38	Micromotor K.9 EWL 920/950 (N0.0000230 N0.0000218 N0.0000217 N0.2300161 N0.2300168)	Đức		2001	Cái	5	14.355.000	71.775.000		71.775.000	0		5		Hư, không sử dụng được.	
39	Hệ thống máy hút bụi Labo (DC.5)	Đức+VN		2003	Hệ thống	1	54.390.000	54.390.000	54.390.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
40	Máy cạo vôi R P5 (TPC)	USA		2016	cái	1	10.150.000	10.150.000	10.150.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
41	Tay cầm cạo vôi TPC	USA		2016	cái	1	3.197.500	3.197.500	3.197.500		0		1		Hư, không sử dụng được.	
42	Máy cạo vôi Master 400(EMS)	EU		2002	cái	1	7.238.700	7.238.700	7.238.700		0		1		Hư, không sử dụng được.	
43	Tay cạo vôi R_Model HW,3H	USA		2016	cái	1	3.197.000	3.197.000	3.197.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
44	Đèn Halogen Litex 680 Dentamerica	Đức		2010	cái	1	5.050.000	5.050.000	5.050.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
45	Đèn quang trung hợp Mini Led	France		2007	cái	1	6.180.000	6.180.000	6.180.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
46	Ghế ngồi nha sĩ			2005	cái	3	2.400.000	7.200.000	7.200.000		0		3		Hư, không sử dụng được.	
47	Tay khoan khuấy MiroMega			2005	cái	1	2.100.000	2.100.000	2.100.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
48	Tay khoan khuấy đặt pin			2005	cái	1	1.750.000	1.750.000	1.750.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
49	Tay khoan thẳng Miromega			2005	cái	1	2.000.000	2.000.000	2.000.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
50	Tay khoan thẳng Anthogyr			2005	cái	3	2.000.000	6.000.000	6.000.000		0		3		Hư, không sử dụng được.	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
51	Máy cạo vôi Cavitrion Bobcat	USA		2010	cái	1	11.107.500	11.107.500	11.107.500		0		1		Hư, không sử dụng được.	
52	Máy cạo vôi R Bobcat Pro Dentsply	EU		2010	cái	2	11.107.500	22.215.000	22.215.000		0		2		Hư, không sử dụng được.	
53	Máy cạo vôi R P5 TPC	USA		2016	cái	2	10.150.000	20.300.000	20.300.000		0		2		Hư, không sử dụng được.	
54	Máy cạo vôi di động có đèn Ultra Sonic Sealer Jade S2 Led	China		2017	cái	3	15.870.000	47.610.000	47.610.000		0		3		Hư, không sử dụng được.	
55	Đèn trám R Curing Light Deep Blue	China		2017	cái	1	4.255.000	4.255.000	4.255.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
56	Đèn Halogen trám R Litex 680A	Taiwan		2016	cái	5	4.950.000	24.750.000	24.750.000		0		5		Hư, không sử dụng được.	
57	Áo chì có cổ			2014	cái	1	2.850.000	2.850.000	2.850.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
58	Ghế nha sĩ xoay			2000	cái	1	500.000	500.000	500.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
59	Thân Torque thẳng	Japan		2013	cây	2	2.923.810	5.847.620	5.847.620		0		2		Hư, không sử dụng được.	
60	Tay khan thẳng (đoạn thẳng) của bộ tay khoan chậm T4	USA		2016	cái	1	10.200.000	10.200.000	10.200.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
61	Ghế máy nha khoa hiệu Morita Spaceline Feel 21	Japan		2014	cái	1	41.493.190	41.493.190	41.493.190		0		1		Hư, không sử dụng được.	
62	Máy hủy kim	VN		2000	cái	1	476.000	476.000	476.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
63	Máy lạnh 1 cục Panasonic 1,5HP	Malai	2006	2006	cái	1	5.749.999	5.749.999	5.749.999		0		1		Hư, không sử dụng được.	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
64	Bộ máy vi tính hiệu Dell Opiplex 3010 CPU Intel @ Pentium R G2020 Mainboard 2,9Ghz,3MB Ram 2Gb, HDD 500 Gb +Bàn phím + chuột Dell Monitor Dell 18,5 inch E. 1912 H	Malaysia		2013	Bộ	1	12.600.500	12.600.500	12.600.500	0			1		Hư, không sử dụng được.	
65	Máy chiếu đa năng - 3000 > Ansi Lumens No. 4018469	China		2014	Cái	1	40.685.788	40.685.788	40.685.788	0			1		Hư, không sử dụng được.	
66	Máy chiếu SONY - VPL - EX.570			2018	Cái	1	22.330.000	22.330.000	22.330.000	0			1		Hư, không sử dụng được.	
67	Máy Photocopy hiệu Kyocera Taskalfa 221 Platen - No 5000360	China		2013	Cái	1	54.600.000	54.600.000	54.600.000	0			1		Hư, không sử dụng được.	
68	Máy vi tính: CPU 13.3210 sx: Intel DVD Raw DDR 1333/2Gb King Max + HDD.500 Gb SX: Segate + Card Wifi PCI DWA 525 Monitor LCD 17" wide View Sonic	China		2013	Bộ	1	12.000.000	12.000.000	12.000.000	0			1		Hư, không sử dụng được.	
69	Máy vi tính: CPU FPT Samsung + Monitor LCD 17" LG hiệu Flatron	China		2010	Bộ	1	7.421.750	7.421.750	7.421.750	0			1		Hư, không sử dụng được.	
70	Monitor E74 - 17" CRT SV1 F6329 SAMTRON - LB17 HYAL404881M, N0 6329			2006	Bộ	1	1.850.000	1.850.000	1.850.000	0			1		Hư, không sử dụng được.	
71	Máy in Laser màu HP.D.4160	Thailand		2006	Cái	1	1.437.975	1.437.975	1.437.975	0			1		Hư, không sử dụng được.	
72	Máy in Laser hiệu Brother	Singapore		2015	Cái	1	3.740.000	3.740.000	3.740.000	0			1		Hư, không sử dụng được.	
73	Máy đánh chữ điện (ETP-2000)	Đức		1993	Cái	1	6.600.000	6.600.000	6.600.000	0			1		Hư, không sử dụng được.	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
74	Bộ lưu điện hiệu Santak - C2KVA	VN		2012	cái	1	14.600.000	14.600.000	14.600.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
75	Máy vi tính : hiệu ROBO + Monitor 19" Dell mã SP:Robo Angela DA.30615-X/X : VN	China		2015	cái	1	12.661.682	12.661.682	12.661.682		0		1		Hư, không sử dụng được.	
76	Máy vi tính: CPU Intel core Duo.Eo 2,6 Ghz Main board Asus P5 KPL , HDD 500 Gb DVD RW Sam sung , case Emaster 480 W Monitor LG 19 " L.1942 SE	China		2010	cái	1	7.421.750	7.421.750	7.421.750		0		1		Hư, không sử dụng được.	
77	Điện thoại để bàn hiệu NIPPON(NP.1203)	CHINA		2016	cái	1	179.000	179.000	179.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
78	Máy quay hiệu SONY XR-350V-MQ.BOX 26			2015	cái	1	cái	11.865.000	11.865.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
79	Máy quay phim hiệu SONY HDR-XR.350			2016	cái	1	cái	11.865.000	11.865.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
80	Tivi TCI Led + Khung treo Tivi			2018	cái	1	cái	13.864.000	13.864.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
81	Bộ máy Vitinh hiệu AOC CPU.Core i3 -4130-3,4 Ghz DDR.3 4Gb,HDD 500Gb, DVD, Monitor 19,5 " LCD AOC E.2050WN LED	China		2014	Bộ	1	10.907.017	10.907.017	10.907.017		0		1		Hư, không sử dụng được.	
82	Máy chiếu hiệu Panasonic PT.LB51EA	JAPAN		2010	Máy	1	35.000.000	35.000.000	35.000.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
83	Máy chiếu 3000 hiệu Lumens mã SP: BenQ	China		2015	Máy	1	15.950.000	15.950.000	15.950.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
84	Máy chiếu hiệu Sony VPL DX.100	China		2013	Máy	1	10.890.000	10.890.000	10.890.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
85	Màn chiếu 200 inch 4,5 x 3,5 m + khung treo máy chiếu 60 x100 cm	JAPAN		2011	Máy	1	12.012.000	12.012.000	12.012.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
86	Bàn sắt bọc simili	VN		1976	Cái	1	500.000	500.000	500.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
87	Bàn sắt làm việc	VN		1976	Cái	5	500.000	2.500.000	2.500.000		0		5		Hư, không sử dụng được.	
88	Bàn học simili bằng chân sắt	VN		1976	Cái	47	50.000	2.350.000	2.350.000		0		47		Hư, không sử dụng được.	
89	Bàn gỗ dài học sinh	VN		1999	Cái	17	666.600	11.332.200	11.332.200		0		17		Hư, không sử dụng được.	
90	Bục giảng bằng gỗ	VN		1996	Cái	1	120.000	120.000	120.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
91	Bàn meca có bánh xe (Úc)	VN		1997	Cái	1	520.000	520.000	520.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
92	Bảng viết	VN		2006	Cái	1	1.376.000	1.376.000	1.376.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
93	Bảng xanh	VN		2006	Cái	1	1.376.000	1.376.000	1.376.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
94	Bục thuyết trình bằng gỗ	VN		2011	Cái	1	4.279.000	4.279.000	4.279.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
95	Ghế dựa có nệm chân sắt	VN		1975	Cái	98	84.000	8.232.000	8.232.000		0		98		Hư, không sử dụng được.	
96	Ghế dựa có nệm inox	VN		2000	Cái	19	148.500	2.821.500	2.821.500		0		19		Hư, không sử dụng được.	
97	Ghế băng dài học sinh	VN		1995	Cái	77	400.000	30.800.000	30.800.000		0		77		Hư, không sử dụng được.	
98	Tủ sắt 2 cánh	USA		1975	Cái	6	800.000	4.800.000	4.800.000		0		6		Hư, không sử dụng được.	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
99	Tủ sắt 1 cánh	USA		1975	Cái	2	30.000	60.000	60.000		0		2		Hư, không sử dụng được.	
100	Tủ Sắt 10 ngăn (HS)	VN		2003	Cái	3	1.170.000	3.510.000	3.510.000		0		3		Hư, không sử dụng được.	
101	Kệ sắt VN	VN		1975	Cái	2	100.000	200.000	200.000		0		2		Hư, không sử dụng được.	
102	kệ treo loa	VN		2007	Cái	2	45.000	90.000	90.000		0		2		Hư, không sử dụng được.	
103	Màn che (màu vàng)	VN		2002	Cái	1	320.000	320.000	320.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
104	Máy in Lazer HP- 1000	China		2003	Máy	1	3.780.000	3.780.000	3.780.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
105	Máy in Lazer hiệu Canon	HQ		2006	Máy	1	2.887.500	2.887.500	2.887.500		0		1		Hư, không sử dụng được.	
106	Màn chiếu treo 96 " (96"x96") 136 "			2013	Máy	1	2.145.000	2.145.000	2.145.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
107	Màn chiếu	JAPAN		1996	Máy	1	1.200.000	1.200.000	1.200.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
108	Tủ lạnh 140 lít (hiệu SANYO)	Thailand		1996	Máy	1	5.600.000	5.600.000	5.600.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
109	Máy bơm nước hiệu Panasonic 200W	China		2013	Máy	1	1.500.000	1.500.000	1.500.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
110	Máy chám công bằng dầu vân tay (VN)	VN		2015	Máy	1	3.999.600	3.999.600	3.999.600		0		1		Hư, không sử dụng được.	
111	Bộ đèn LED	VN		2013	Cái	9	220.000	1.980.000	1.980.000		0		9		Hư, không sử dụng được.	
112	Biến điện 220V - 100AP	VN		2010	Cái	1	1.500.000	1.500.000	1.500.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
113	Biến điện 220V - 100AP	VN		2010	Cái	1	1.500.000	1.500.000	1.500.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
114	Loa âm thanh (hiệu TCN.201)	VN		2007	Cái	2	2.046.000	4.092.000	4.092.000		0		2		Hư, không sử dụng được.	
115	Ampli (hiệu TV.777)	VN		2007	Cái	2	725.000	1.450.000	1.450.000		0		2		Hư, không sử dụng được.	
116	Bộ thu phát sóng hiệu Shur	VN		2007	Cái	3	173.333	520.000	520.000		0		3		Hư, không sử dụng được.	
117	Micro Shur (0 dây)	VN		2007	Cái	2	520.000	1.040.000	1.040.000		0		2		Hư, không sử dụng được.	
118	Micro (0 dây)	VN		2007	Cái	4	1.350.000	5.400.000	5.400.000		0		4		Hư, không sử dụng được.	
119	Micro có dây (BM.920)	VN		2003	Cái	2	978.570	1.957.140	1.957.140		0		2		Hư, không sử dụng được.	
120	Ampli truyền thanh 650W -110-220 Vol	VN		2011	Cái	1	5.720.000	5.720.000	5.720.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
121	Loa phóng thanh công suất 800 W	VN		2011	Cái	4	1.320.000	5.280.000	5.280.000		0		4		Hư, không sử dụng được.	
122	Dàn máy âm thanh Sony (2 loa rời)	VN		1996	Cái	1	4.900.000	4.900.000	4.900.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
123	Ôn áp điện Lion 1KVA	VN		1998	Cái	1	1.300.000	1.300.000	1.300.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
124	Ôn áp điện Lion 2KVA	VN		1998	Cái	2	260.000	520.000	520.000		0		2		Hư, không sử dụng được.	
125	Ôn áp Lioa 2000 w	VN		2002	Cái	2	900.000	1.800.000	1.800.000		0		2		Hư, không sử dụng được.	
126	Quạt trần	VN		2006	Cái	8	365.000	2.920.000	2.920.000		0		8		Hư, không sử dụng được.	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
127	Quạt trần	VN		2012	Cái	12	420.000	5.040.000	5.040.000		0		12		Hư, không sử dụng được.	
128	Quạt treo tường	VN		2012	Cái	14	265.000	3.710.000	3.710.000		0		14		Hư, không sử dụng được.	
129	Ghế gỗ cao			2000	Cái	1	10.000	10.000	10.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
130	Ghế sắt xoay có nệm			1976	Cái	1	465.000	465.000	465.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
131	Tủ sắt 2 cánh			1976	Cái	2	750.000	1.500.000	1.500.000		0		2		Hư, không sử dụng được.	
132	Kệ sắt			1976	Cái	1	100.000	100.000	100.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
133	Cân bàn 5 kg			2000	Cái	1	350.000	350.000	350.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
134	Quạt điện trần			1996	Cái	1	300.000	300.000	300.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
135	Quạt treo tường hiệu SENKO			2016	Cái	1	340.000	340.000	340.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
136	Bảng viết Mica	VN		2002	Cái	1	1.370.000	1.370.000	1.370.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
137	Điện thoại bàn	VN		2006	Cái	1	65.000	65.000	65.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
138	Đèn neon để bàn	VN		1996	Cái	1	50.000	50.000	50.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
139	Đèn neon để bàn	VN		1990	Cái	2	90.000	180.000	180.000		0		2		Hư, không sử dụng được.	
140	Điện thoại để bàn	VN		2006	Cái	1	65.000	65.000	65.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
141	Ghế nhôm dựa có tay	USA		1976	Cái	4	1.200.000	4.800.000	4.800.000		0		4		Hư, không sử dụng được.	
142	Bộ ghế Sanlon nệm + Bàn tiếp khách	VN		1989	Cái	1	3.000.000	3.000.000	3.000.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
143	Máy điều hòa TRANE 6,5 HP_13,6 AP,380V	Thailand		2003	Cái	1	50.625.000	50.625.000	50.625.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
144	Màn hình LCD hiệu Asanzo 32S500	China		2016	Cái	1	4.730.000	4.730.000	4.730.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
145	Băng ghế nhựa có tựa			1997	Cái	1	580.000	580.000	580.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
146	Máy ép sữa EP.500 IPS. Empress.II (No.37602)	Đức		2000	Cái	1	224.958.400	224.958.400	224.958.400	224.958.400	0		1		Hư, không sử dụng được.	
147	Máy hàn Hydro Lazer Model : ALC Compact SX : Alpha Lazes Gmbh (N0.06041194)	Đức		2003	Cái	1	444.208.590	444.208.590	444.208.590	444.208.590	0		1		Hư, không sử dụng được.	
VII	Khoa Khoa học Cơ bản					287		1.188.506.000			0					
1	Máy in HP LaserJet M211d RC5-8031	Việt Nam	2021	2021	cái	1	3.500.000	3.500.000	3.500.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
2	Máy lạnh Reetech S/N: RUJ 369909018A Model:120-4110 EX	Thái Lan		2000	cái	1	3.000.000	3.000.000	3.000.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
3	Máy vi tính ROBO-Việt Nam S/N: Ram 4G, 500G 7.1 Bàn phím 7.2 Màn hình 17"	Việt Nam		2012	bộ	1	5.000.000	5.000.000	5.000.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
4	Máy vi tính để bàn (bộ) S/N: 22X6GY1	Malaysia		2013	bộ	1	12.000.000	12.000.000	12.000.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
5	Bếp đun điều chỉnh nhiệt độ S/N: GL-2002	Việt Nam		2015	cái	1	900.000	900.000	900.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
6	Máy vi tính bộ Màn hình: Venr CPU: Core i-STU-DF-7500	Trung Quốc	2019	2020	bộ	1	9.000.000	9.000.000	9.000.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
7	Máy quay phim Sony	Nhật Bản		2005	cái	1	12.500.000	12.500.000	12.500.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
8	Máy chụp hình Canon PC 1084	Nhật Bản		2005	cái	1	12.500.000	12.500.000	12.500.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
9	CPU IBM Thinkcenter A51	Trung Quốc		2008	cái	1	2.000.000	2.000.000	2.000.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
10	Máy quang phổ khả kiến	Nhật Bản	2013	2013	cái	2	69.552.000	139.104.000	139.104.000	x	0		2		Hư, không sử dụng được.	
11	Máy đo độ nhớt	Mỹ	2004	2004	cái	1	60.000.000	60.000.000	60.000.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
12	Thiết bị đo phóng xạ - YC 56	Mỹ	2012	2012	cái	1	34.800.000	34.800.000	34.800.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
13	Nhớt kế - Đo độ nhớt chất lỏng - DC 23	Mỹ	2002	2002	cái	1	8.500.000	8.500.000	8.500.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
14	Cân kỹ thuật - DC 22	Đức	2004	2004	cái	1	5.000.000	5.000.000	5.000.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
15	Bộ kết nối kính hiển vi - YC 47	Việt Nam	2006	2006	bộ	1	15.000.000	15.000.000	15.000.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
16	Bộ giao diện AD đơn kênh - chuyển đổi tín hiệu Isaar lên máy tính - YC 56	Việt Nam	2012	2012	bộ	1	24.900.000	24.900.000	24.900.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
17	Máy vi tính xách tay (Laptop)	Trung Quốc	2015	2015	cái	2	27.500.000	55.000.000	55.000.000	x	0		2		Hư, không sử dụng được.	
18	Màn chiếu điện DA-LITE	Trung Quốc		2016	cái	2	1.705.000	3.410.000	3.410.000		0		2		Hư, không sử dụng được.	
19	Bản học sinh viên 2 ngăn màu trắng	Việt Nam		2016	cái	2	1.012.000	2.024.000	2.024.000		0		2		Hư, không sử dụng được.	
20	Máy in HP LaserJet 1020	Trung Quốc	2006	2006	Cái	1	2.500.000	2.500.000	2.500.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
21	Máy in HP LaserJet 1006	Trung Quốc	2008	2008	Cái	1	2.500.000	2.500.000	2.500.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
22	Máy in HP LaserJet 1200	Trung Quốc	2004	2004	Cái	1	7.500.000	7.500.000	7.500.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
23	Bộ máy vi tính để bàn	Trung Quốc	2004	2004	Cái	2	22.000.000	44.000.000	44.000.000		0		2		Hư, không sử dụng được.	
24	Máy lạnh Inverter 2 HP (Lab 2)-LG-B18ENA-MEZ65278205	Thái Lan	2013	2013	Cái	1	22.000.000	22.000.000	22.000.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
25	Cân phân tích (cũ) Sartorius AG-TE153S-16910119	Đức	2005	2005	Cái	1	14.000.000	14.000.000	14.000.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
26	CPU Intel Pentium Dual Core E5200, 2.5Gz, Bus 800, Ram 1Gb, 160 HDD, DVD 16X Samsung	Trung Quốc		2010	cái	50	6.453.000	322.650.000	322.650.000		0		50		Hư, không sử dụng được.	
27	Màn hình FPT elead LCD 17"	Trung Quốc		2010	cái	10	3.290.000	32.900.000	32.900.000		0		10		Hư, không sử dụng được.	
28	Máy chiếu Sony VPL EX70	Trung Quốc		2010	cái	2	31.436.000	62.872.000	62.872.000		0		2		Hư, không sử dụng được.	
29	Máy chiếu DELL 1510X	Trung Quốc		2013	cái	1	20.599.000	20.599.000	20.599.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
30	MÁY IN xerox 3210	Trung Quốc		2012	cái	1	4.750.000	4.750.000	4.750.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
31	Mouse quang USB (Mitsumi)	Trung Quốc		2012	cái	100	70.000	7.000.000	7.000.000		0		100		Hư, không sử dụng được.	
32	Bộ chia VGA	Trung Quốc		2013	cái	1	223.000	223.000	223.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
33	DDRam II 2GB bus 800MHz	Trung Quốc		2013	cái	75	905.000	67.875.000	67.875.000		0		75		Hư, không sử dụng được.	
34	LinkPro Wireless USBs WL-G54SUB	Trung Quốc		2005	cái	1	1.200.000	1.200.000	1.200.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
35	LinkPro Wireless WL-G54AAR	Trung Quốc		2005	cái	1	2.000.000	2.000.000	2.000.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
36	CPU VENR® BSU - GI 3470 Core i5-3470 (6M Cache), 1x4 GB DDR3 Bus 1333 Kingston, 500 GB SATA III 7200 rpm Western Digital, DVD LG	Trung Quốc		2013	cái	5	8.197.000	40.985.000	40.985.000		0		5		Hư, không sử dụng được.	
37	Màn hình VENR LED 18.5"	Trung Quốc		2013	cái	3	2.890.000	8.670.000	8.670.000		0		3		Hư, không sử dụng được.	
38	Wireless - G model WRV210 - SG VPN Router With Range Booter	Trung Quốc		2005	cái	2	1.900.000	3.800.000	3.800.000		0		2		Hư, không sử dụng được.	
39	Máy điều hòa Toshiba 2HP 2 cục Model 18N3KPX	Trung Quốc		2013	cái	1	32.956.000	32.956.000	32.956.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
40	Máy laptop HP Probook 440G1; SN: - 2CE4130ZP9	Trung Quốc	2014	2014	cái	1	12.500.000	12.500.000	12.500.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
41	Máy laptop 350G1 15.6", CORE i5 4210u. Ram: 4GB. Ổ cứng: 500 GB. Ổ đĩa DVDRW Dell	Trung Quốc	2015	2015	cái	1	26.250.000	26.250.000	26.250.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
42	Máy in Laser màu Model: OKI C531 dn	Thái Lan	2013	2013	cái	1	17.648.000	17.648.000	17.648.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
43	Máy photocopy SHARP AR5618	Thái Lan	2013	2013	cái	1	22.990.000	22.990.000	22.990.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
VIII	Phòng Công tác sinh viên					4		50.490.900			0					
1	Máy nước nóng lạnh Alaska			2014	Cái	1	3.049.000	3.049.000	3.049.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
2	Máy photocopy canon IR1024. Model: F190500			2010	cái	1	27.995.000	27.995.000	27.995.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
3	Máy tính bàn CPU - VENR - Intel® Core™ i5-3470. RAM: 4GB Màn hình VENR - Model: 9098SSL			2013	Bộ	1	11.086.900	11.086.900	11.086.900		0		1		Hư, không sử dụng được.	
4	Máy tính bàn CPU - PF, Intel® Core™2Duo-E7500. RAM: 3GB Màn hình LG - Model: L177WSB			2010	Bộ	1	8.360.000	8.360.000	8.360.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
IX	Phòng Đảm bảo chất lượng và khảo thí					1	12.463.000				0					
1	Máy vi tính để bàn - Core I5 4460, bao gồm: - Thùng máy (Case) / CPU: RAM (bộ nhớ trong) 8GB; Ổ cứng SSD 120GB; - Màn hình (hỏng - Không sử dụng được)	Việt Nam	2014	2016	Cái	1	12.463.000	12.463.000	12.463.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
X	Phòng Hành chính Tổng hợp					2	4.789.000				0					
1	Máy điều hòa Toshiba		2013	2013	Cái	1	19.397.000	19.397.000	19.397.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
2	Máy nước nóng lạnh Alaska		2015	2015	Cái	1	4.789.000	4.789.000	4.789.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
XI	Phòng Thanh tra Pháp chế					1	12.298.000				0					
1	Bộ máy vi tính để bàn - Intel - View Sonic - UJS180421632	Việt Nam	2018	2018	Bộ	1	12.298.000	12.298.000	12.298.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
XII	Trung tâm Sapharcen					13	1.105.013.370				0					
1	Máy đo pH - Digimed - DM-21 - 33555			2007	Cái	1	9.517.990	9.517.990		9.517.990	0		1		Hư, không sử dụng được.	
2	Máy bơm chân không - Woosung - TRP-6 - 00979			2007	Cái	1	20.518.428	20.518.428		20.518.428	0		1		Hư, không sử dụng được.	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
3	Bộ rửa mắt cấp cứu - CHC Lab - CHC-101BN			2007	Cái	1	22.270.412	22.270.412		22.270.412	0		1		Hư, không sử dụng được.	
4	Bể cách thủy nhúng chìm tuần hoàn - Jeitech - CW-30G/HC-20 - M119274/M119507			2007	Cái	1	38.745.800	38.745.800		38.745.800	0		1		Hư, không sử dụng được.	
5	Bể điều nhiệt - Jeitech - RW-2025G - M089045			2007	Cái	1	40.093.480	40.093.480		40.093.480	0		1		Hư, không sử dụng được.	
6	Máy ly tâm - Hettich - Mikro 200 - 0001579-02-00			2007	Cái	1	57.764.934	57.764.934		57.764.934	0		1		Hư, không sử dụng được.	
7	Máy lắc có ủ nhiệt - Jeitech - SI 600 - M079020			2007	Cái	1	58.169.238	58.169.238		58.169.238	0		1		Hư, không sử dụng được.	
8	Máy khử khoáng - SG WATER - Ultra Clear Basic - 94469-1			2007	Cái	1	62.026.972	62.026.972		62.026.972	0		1		Hư, không sử dụng được.	
9	Máy PCR - CLP - ATC 401 - 00021			2007	Cái	1	82.208.480	82.208.480		82.208.480	0		1		Hư, không sử dụng được.	
10	Máy cô quay chân không - Buchi - R210S - 600005513			2007	Cái	1	87.464.432	87.464.432		87.464.432	0		1		Hư, không sử dụng được.	
11	Máy cô quay chân không - Buchi - R210S - 600005514			2007	Cái	1	87.464.432	87.464.432		87.464.432	0		1		Hư, không sử dụng được.	
12	Hệ thống lọc tế bào - Sonicator - 3000ICL - R1869			2007	Cái	1	262.494.372	262.494.372		262.494.372	0		1		Hư, không sử dụng được.	
13	Máy cắt mô lạnh - Leica - CM 1510S - 5595			2007	Cái	1	276.274.400	276.274.400		276.274.400	0		1		Hư, không sử dụng được.	
XIII	Trung tâm Đào tạo nhân lực y tế theo nhu cầu xã hội					17	255.351.963			0						
1	Photocopy Ricoh Model: MP1900, Seri: V8807250165	China		2010	cái	1	39.996.000	39.996.000	39.996.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
2	Photocopy Ricoh, Model MP 2501L, Seri: E356MA50126	China		2017	cái	1	43.450.000	43.450.000	43.450.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
3	Bộ vi tính - CPU Intel Core 2 Duo E7500 2,93GHz, RAM DDR4 2 GB, HDD 250GB - Màn hình Acer 18,5" Số Seri: 02104380840	China		2011	cái	1	8.791.995	8.791.995	8.791.995		0		1		Hư, không sử dụng được.	
4	Bộ vi tính - CPU Intel Core 2 Duo E7500 2,93GHz, RAM DDR4 2 GB, HDD 250GB - Màn hình Acer 18,5" Số Seri: 02104353240;02104324540	Q_ASUS		2011	cái	2	17.583.990	17.583.990	17.583.990		0		2		Hư, không sử dụng được.	
5	Bộ vi tính Desktop PV PDG 2136 - CPU Intel H61M, RAM DDR3 4Gb/1600, HDD 500GB sata; Keyboard + Mouse - Màn hình Acer 19,5"	TQ	HP	2014		1	8.429.960	8.429.960	8.429.960		0		1		Hư, không sử dụng được.	
6	Bộ vi tính - CPU Intel Core 2 Duo E7500 2,93GHz, RAM DDR4 2 GB, HDD 250GB - Màn hình Acer 18,5" Số Seri: 02104355040	Q_ASUS		2011		1	8.791.995	8.791.995	8.791.995		0		1		Hư, không sử dụng được.	
7	Bộ vi tính Desktop HP Pavilion 510-P007L - CPU Intel Pentium G4400T 2,9GHz RAM 4GB HDD 1TB, Keyboard, Mouse, - Màn hình LCD HP 18,5" 19ka	TQ	HP	2017		1	8.640.000	8.640.000	8.640.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
8	Bộ vi tính - CPU Intel Core 2 Duo E7500 2,93GHz, RAM DDR4 2 GB, HDD 250GB - Màn hình Acer 18,5" Số Seri: 02104377740	TQ_ASUS		2011		1	8.791.995	8.791.995	8.791.995		0		1		Hư, không sử dụng được.	
9	Máy vi tính CPU Intel Core I3 3240 3.4Gz 3M, HDD 500 GB, 4USB 2.0	TQ_ASUS		2014		1	8.100.004	8.100.004	8.100.004		0		1		Hư, không sử dụng được.	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
10	Đầu máy vi tính CPU Intel Core I3 3240 3.4Gz 3M, HDD 500 GB, 4USB 2.0	TQ_ASUS		2014		1	8.100.004	8.100.004	8.100.004		0		1		Hư, không sử dụng được.	
11	Máy chiếu Panasonic Model PT-LB3EA; Seri: TA2250034	TQ		2012		1	17.270.000	17.270.000	17.270.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
12	Máy chiếu Panasonic Model: PT-LX351; Seri : AK.8VT01GC1E-A14020551	TQ		2014		1	16.290.010	16.290.010	16.290.010		0		1		Hư, không sử dụng được.	
13	Máy chiếu Panasonic Model PTLB423 GX; Seri: DH7410122	TQ		2018		1	18.513.000	18.513.000	18.513.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
14	Máy chiếu Panasonic Model: PT-LX351; Seri: AK.8VT01GC1E-A13480124	TQ		2014		1	16.290.010	16.290.010	16.290.010		0		1		Hư, không sử dụng được.	
15	Máy chiếu Panasonic Model PTLB423 GX; Seri: DH7410322	Taiwan		2018		1	18.513.000	18.513.000	18.513.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
16	Máy vi tính Pavilion 570-p080d: CPU Intel Pentium G4560 3.5GHz 3M, HDD 500 GB	TQ_HP		2018		1	7.800.000	7.800.000	7.800.000		0		1		Hư, không sử dụng được.	
XIV	Trung tâm Kiểm chuẩn chất lượng xét nghiệm y học					37		720.230.371			0					
1	Lò sấy 300°C - UNE 500	Đức	2013	#####	Cái	1	69.550.000	69.550.000	69.550.000		0		1		Bị hư không sử dụng được	
2	Hệ Thống Máy Chủ - ML150G6		2011	#####	Cái	2	80.036.000	80.036.000	80.036.000		0		2		Bị hư không sử dụng được	
3	Bộ lưu điện (APC Back-UPS) RS 1100VA	Trung Quốc	2011	#####	Bộ	6	2.245.375	13.472.250	13.472.250		0		6		Bị hư không sử dụng được	
4	Máy vi tính để bàn	Hàn Quốc	2011	#####	Bộ	3	12.460.850	37.382.550	37.382.550		0		3		Bị hư không sử dụng được	
5	Máy Điều Hòa Không Khí 2.0 PH Hiệu Panasonic	Malaysia	2011	#####	Bộ	2	16.077.000	32.154.000	32.154.000		0		2		Bị hư không sử dụng được	
6	Máy Điều Hòa Không Khí 1.5 PH Hiệu Panasonic	Malaysia	2011	#####	Bộ	2	10.941.286	21.882.571	21.882.571		0		2		Bị hư không sử dụng được	
7	Máy Lọc Nước Nóng Lạnh Alaska Số S/N: 7411WD-12363; 7411WD-123000	Việt Nam	2012	#####	Cái	2	7.521.800	15.043.600	15.043.600		0		2		Bị hư không sử dụng được	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
8	Máy hút âm Edison ED-16B	Thái Lan	2011	#####	Cái	2	5.687.000	11.374.000	11.374.000		0		2		Bị hư không sử dụng được	
9	Máy tính xách tay Hãng : HP Pavilion DV3-4123TX (XV718PA)	Mỹ	2011	#####	Cái	1	30.800.000	30.800.000	30.800.000		0		1		Bị hư không sử dụng được	
10	Thiết Bị Mạng, Truyền Thông Số S/N: PV6D3131013872 Số S/N: PV6D3131013873 Hãng SX: Dlink	Trung Quốc	2011	#####	Cái	3	1.050.000	3.150.000	3.150.000		0		3		Bị hư không sử dụng được	
11	Thiết Bị Mạng, Truyền Thông Số S/N: PXOY1AC000224 PXOY1AC000117 PXOY1AC000118 Hãng sx: Dlink	Trung Quốc	2011	#####	Cái	3	460.000	1.380.000	1.380.000		0		3		Bị hư không sử dụng được	
12	Ghế nhân viên	Việt Nam	2011	#####	Cái	7	460.000	3.220.000	3.220.000		0		7		Bị hư không sử dụng được	
13	Phần mềm diệt vi rút an ninh cho hệ thống máy văn phòng và hệ thống máy chủ - ESET endpoint protection advance- Nga		2019	2019	Phần mềm	1	20.000.000	20.000.000	20.000.000		0		1		Hết hạn sử dụng	
14	Phần mềm diệt vi rút		2011		Phần mềm	1	5.000.000	5.000.000	5.000.000		0		1		Hết hạn sử dụng	
15	Máy biến thế		2011	#####	Cái	1	12.100.000	12.100.000	12.100.000		0		1		Hết hạn sử dụng	
16	Tổng đài điện thoại		2011	#####	Cái	1	5.000.000	5.000.000	5.000.000		0		1		Bị hư không sử dụng được	
17	Máy Fax		2011	#####	Cái	1	4.635.400	4.635.400	4.635.400		0		1		Bị hư không sử dụng được	
18	Máy ôn áp		2011	#####	Cái	1	12.100.000	12.100.000	12.100.000		0		1		Bị hư không sử dụng được	
19	Máy Khuếch Đại Gen PCR - Mastercycler ProS	Đức	2012	#####	Cái	1	341.950.000	341.950.000	341.950.000		0		1		Bị hư không sử dụng được	
XV	Trung tâm Y sinh học phân tử					28		1.894.799.230			0					
1	Hệ thống lọc nước sạch - Millipore - RiOs5 - F1EA80176F (Máy lọc nước Milli Q)	Pháp	2011	2011	Cái	1	100.100.000	100.100.000	100.100.000		0		1		Hư -không sử dụng đt	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
2	Tăng chứa - Millipore - TANKPE030 - F1CA50576 (Máy lọc nước Milli Q)	Pháp	2011	2011	Cái	1	85.536.000	85.536.000	85.536.000		0		1	Hư -không sử dụng đt		
3	Điện đi năm ngang - Takara - Mupid-exU - 72414, 72413, 72421	Nhật	2011	2011		3	13.475.000	40.425.000	40.425.000		0		3	Hư -không sử dụng đt		
4	Máy đo pH - Schott - Lab 850 - 11031447, 11031448	Đức	2011	2011		2	34.048.000	68.096.000	68.096.000		0		2	Hư -không sử dụng đt		
5	Cân chính xác 1-1000g - Sartorius - TE153S - 23805034	Đức	1998	1998	Cái	1	19.269.000	19.269.000	19.269.000		0		1	Hư -không sử dụng đt		
6	Máy lắc IKA - IKA - MS2S8 - 03229371	Đức	1998	1998	Cái	1	14.345.000	14.345.000	14.345.000		0		1	Hư -không sử dụng đt		
7	Nồi hấp Hirayamaha - Hirayama - HA300MIV - 981082640	Nhật	1998	1998	Cái	1	52.491.000	52.491.000	52.491.000		0		1	Hư -không sử dụng đt		
8	Hood Laminar nuôi cấy vi khuẩn Sanyo - Sanyo - MCV9BSU - 80200600	Nhật	1998	1998	Cái	1	66.383.000	66.383.000	66.383.000		0		1	Hư -không sử dụng đt		
9	Bộ nguồn điện đi - Fisher Scientific - ST608TR - 380997	Mỹ	2000	2000	Cái	1	11.142.996	11.142.996	11.142.996		0		1	Hư -không sử dụng đt		
10	Pin cho bộ lưu điện - Oneac - CBS2120 - 01467062	Mỹ	2011	2011	Cái	1	16.280.000	16.280.000	16.280.000		0		1	Hư -không sử dụng đt		
11	Bơm chân không - Neuberger - N0353AN18 - 1095117	Mỹ	1998	1998	Cái	1	9.395.000	9.395.000	9.395.000		0		1	Hư -không sử dụng đt		
12	Đèn gaz -Intergra Biosciences - Fireboy eco - 731429, 731424	Mỹ	1998	1998	Cái	2	5.637.000	11.274.000	11.274.000		0		2	Hư -không sử dụng đt		
13	Máy siêu âm Sonicator - Qsonica - Q700 - 36157C-05-11	Mỹ	2011	2011	Cái	1	129.753.000	129.753.000	129.753.000		0		1	Hư -không sử dụng đt		
14	UV Trannaluminator - Bausch&Lomb - TM-20E - 0502344	Mỹ	1998	1998	Cái	1	12.549.000	12.549.000	12.549.000		0		1	Hư -không sử dụng đt		
15	Bộ điện đi Fisher - Fisher Scientific - Cuve maxi type 4 - 0290397	Mỹ	1998	1998	Cái	1	45.601.000	45.601.000	45.601.000		0		1	Hư -không sử dụng đt		
16	Máy li tâm lạnh Hettich - Hettich - 1002 - 0000944	Đức	1998	1998	Cái	1	47.318.000	47.318.000	47.318.000		0		1	Hư -không sử dụng đt		
17	Máy sấy có quạt thông gió - Mermert - 700 - D06063	Đức	2000	2000	Cái	1	30.299.038	30.299.038	30.299.038		0		1	Hư -không sử dụng đt		
18	Bộ lưu điện - Santak - C3K - 06110800010009	Trung Quốc	2011	2011	Cái	1	27.214.000	27.214.000	27.214.000		0		1	Hư -không sử dụng đt		

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
19	VORTEX - Heidolph - Reax top - 071021608	Đức	2011	2011	Cái	1	6.533.000	6.533.000	6.533.000		0		1	Hư -không sử dụng đt		
20	Máy nhân gene tốc độ cao Eppendorf - Mastercycler pro S - 6325ZR411709	Đức	2011	2011	Cái	1	213.185.842	213.185.842	213.185.842		0		1	Hư -không sử dụng đt		
21	Máy nhân gene tốc độ cao Eppendorf - Mastercycler pro S - 6325ZR411707, 6325AJ413064	Đức	2011	2011	Cái	2	205.756.038	411.512.076	411.512.076		0		2	Hư -không sử dụng đt		
22	Máy nhân gene tốc độ cao Eppendorf - Mastercycler - 5333AK961258	Đức	2011	2011	Cái	1	264.897.278	264.897.278	264.897.278		0		1	Hư -không sử dụng đt		
23	Hệ thống lọc nước siêu sạch - Millipore - MilliQ Reference A+ - F1HA80209B (Máy lọc nước Milli Q)	Pháp	2011	2011	Cái	1	211.200.000	211.200.000	211.200.000		0		1	Hư -không sử dụng đt		
XVI	Bệnh viện ĐHYD TPHCM					1.557	33.548.939.859			68.707.306						
1	Máy bơm tiêm điện; model: Perfusor Compact S; seri: 39671; hãng sx: B. Braun	Đức	2008	2008	cái	1	16.779.000	16.779.000	16.779.000		0		1	Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
2	Máy bơm tiêm điện Bbraun; model: Perfusor compact 8714843; seri: 48764; hãng sx: Bbraun	Đức	2009	2010	cái	1	16.852.500	16.852.500	16.852.500		0		1	Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
3	Giường y tế 3 tay quay; model: HK-9007; hãng sx: Hong ky	Việt Nam	2013	2013	cái	1	11.896.500	11.896.500	11.896.500		0		1	Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
4	Máy đo SPO2; model: 2500A; seri: 501637748; hãng sx: Nonin	Mỹ	2014	2014	cái	1	14.490.000	14.490.000	14.490.000		0		1	Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
5	Máy bơm tiêm điện; model: Perfusor compact S; seri: 88991; hãng sx: B. Braun	Đức	2013	2013	cái	1	22.890.000	22.890.000		22.890.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
6	Máy bơm tiêm điện B. Braun; model: Perfusor compact S; seri: 30769; hãng sx: B. Braun	Đức	2006	2007	cái	1	16.485.000	16.485.000		16.485.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
7	Máy bơm tiêm điện; model: Perfusor compact S; seri: 89103; hãng sx: B. Braun	Đức	2013	2013	cái	1	22.890.000	22.890.000		22.890.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
8	Máy phun khí dung; model: ANBB26024; seri: TC18102200190; hãng sx: INQUAir	Trung Quốc	2018	2019	cái	1	2.940.000	2.940.000		2.940.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
9	Máy phun khí dung; model: ANBB26024; seri: TC18102200199; hãng sx: INQUAir	Trung Quốc	2018	2019	cái	1	2.940.000	2.940.000		2.940.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
10	Monitor theo dõi bệnh nhân; model: BSM-2301K; seri: 21220; hãng sx: Nihon Kohden	Nhật Bản	2006	2007	cái	1	82.500.000	82.500.000		82.500.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
11	Hệ thống X-Quang nha ; model: MAX-GLS; seri: GLS1308425; hãng sx: Shinhung	Hàn Quốc	2013	2014	hệ thống	1	99.500.000	99.500.000		99.500.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
12	Xe tiêm thuốc; model: YFS-006; hãng sx: Yongfa	Trung Quốc	2013	2013	cái	2	16.335.000	32.670.000		32.670.000	0		2		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
13	Xe tiêm thuốc; model: YFS-006; hãng sx: Yongfa	Trung Quốc	2013	2013	cái	4	16.335.000	65.340.000		65.340.000	0			4		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
14	Xe tiêm thuốc; model: YFS-006; hãng sx: Yongfa	Trung Quốc	2013	2013		2	16.335.000	32.670.000		32.670.000	0			2		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
15	Băng ca; model: HCB-E02A; hãng sx: Acare		2016	2016	cái	1	13.420.000	13.420.000		13.420.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
16	Máy phun khí dung; model: ANB26024; seri: TC8102200404; hãng sx: InQuarAir		2020	2020	cái	1	2.940.000	2.940.000		2.940.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
17	Bàn ăn; model: 300-CS; hãng sx: Acare	Đài Loan	2013	2013	cái	2	2.750.000	5.500.000		5.500.000	0			2		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
18	Máy monitor theo dõi BN 5 thông số + thông số thứ 6 IBP; model: B40; seri: SJF14030263WA; hãng sx: GE	Trung Quốc	2014	2014	cái	1	97.000.000	97.000.000		97.000.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
19	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số; model: B40; seri: SJF14030292WA; hãng sx: GE	Trung Quốc	2014	2014	cái	1	97.000.000	97.000.000		97.000.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
20	Máy bơm tiêm điện; model: Perfusor Compact S; seri: 89017; hãng sx: B. Braun	Đức	2013	2013	cái	1	23.940.000	23.940.000		23.940.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
21	Máy phun khí dung; model: Pari Boy SX; seri: 2W13J14956; hãng sx: Pari	Đức		2014	cái	1	5.880.000	5.880.000		5.880.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
22	Máy bơm tiêm điện; model: Perfusor Compact S; seri: 89010; hãng sx: B. Braun	Đức	2013	2013	cái	1	23.940.000	23.940.000		23.940.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
23	Máy bơm tiêm điện Bbraun; model: Perfusor compact 8714843; seri: 48767; hãng sx: B. Braun	Đức	2009	2010	cái	1	16.852.500	16.852.500		16.852.500	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
24	Máy bơm tiêm điện; model: Perfusor compact S; seri: 89007; hãng sx: B. Braun	Đức	2013	2013	cái	1	22.890.000	22.890.000		22.890.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
25	Monitor theo dõi bệnh nhân; model: BSM-2301K; seri: 29443; hãng sx: Nihon Kohden	Nhật Bản	2008	2009	cái	1	97.650.000	97.650.000		97.650.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
26	Máy phun khí dung; model: Pari Boy SX; seri: 2W14B05570; hãng sx: Pari	Đức		2014	cái	1	5.880.000	5.880.000		5.880.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
27	Monitor theo dõi bệnh nhân; model: Lifescope i- BSM 2301K; seri: 8210; hãng sx: Nihon-Koden	Nhật Bản	2003	2004	cái	1	82.500.000	82.500.000	82.500.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
28	Monitor theo dõi bệnh nhân; model: BSM 2301K; seri: 4206; hãng sx: Nihon-Koden	Nhật Bản	2002	2003	cái	1	82.500.000	82.500.000	82.500.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
29	Monitor theo dõi bệnh nhân; model: BSM-2301K; seri: 10595; hãng sx: Nihon Kohden	Nhật Bản	2003	2004	cái	1	82.500.000	82.500.000	82.500.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
30	Monitor theo dõi bệnh nhân; model: BSM 2301K; seri: 8208; hãng sx: Nihon Kohden	Nhật Bản		2004	cái	1	82.500.000	82.500.000	82.500.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
31	Monitor theo dõi bệnh nhân; model: BSM 2301K; seri: 10593; hãng sx: Nihon Kohden	Nhật Bản		2004	cái	1	82.500.000	82.500.000	82.500.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
32	Máy phun khí dung; model: Pari Boy SX; seri: 2W14D00081; hãng sx: Pari	Đức		2014	cái	1	5.880.000	5.880.000	5.880.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
33	Máy bơm thức ăn tự động; model: Kangaroo 924; seri: W1012421; hãng sx: Tyco Healthcare Covidien	Nhật Bản	2011	2011	cái	1	25.200.000	25.200.000	25.200.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
34	Máy bơm tiêm điện Bbraun; model: Perfusor Compact S; seri: 48633; hãng sx: B. Braun			2009	cái	1	17.199.000	17.199.000	17.199.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
35	Máy bơm tiêm điện; model: Perfusor compact S 8714843; seri: 48754; hãng sx: B. Braun	Đức	2010	2010	cái	1	16.852.500	16.852.500	16.852.500	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
36	Máy bơm tiêm điện B. Braun; model: Perfusor compact S; seri: 78567; hãng sx: B. Braun	Đức	2003	2004	cái	1	15.300.000	15.300.000	15.300.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
37	Máy bơm tiêm điện; model: Perfusor compact S; seri: 58893; hãng sx: B. Braun	Đức		2011	cái	1	18.500.000	18.500.000	18.500.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
38	Máy bơm tiêm điện Bbraun; model: Perfusor compact; seri: 48765; hãng sx: B. Braun	Đức	2009	2010	cái	1	16.852.500	16.852.500	16.852.500	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
39	Máy truyền dịch đếm giọt; model: Infusomat P; seri: 97485; hãng sx: Bbraun	Đức		2014	cái	1	32.760.000	32.760.000	32.760.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
40	Máy bơm tiêm điện; model: Perfusor compact S ; seri: 93140; hãng sx: B/Braun	Đức	2014	2014	cái	1	22.890.000	22.890.000	22.890.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
41	Máy bơm tiêm điện; model: Perfusor compact S ; seri: 93146; hãng sx: B/Braun	Đức	2014	2014	cái	1	22.890.000	22.890.000	22.890.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
42	Máy ly tâm - khoa XN; model: Rotofix 32A; seri: 5106; hãng sx: Hettich	Đức	2009	2009	cái	1	45.000.000	45.000.000	45.000.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
43	Băng ca; model: HCB-E02A; hãng sx: Acare	Đài Loan	2017	2017	cái	1	15.500.000	15.500.000		15.500.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
44	Máy phun khí dung; model: Pari boy SX; seri: 2W14E12091; hãng sx: Pari	Đức	2014	2014	cái	1	5.880.000	5.880.000		5.880.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
45	Bàn phẫu thuật (mô) vạng năng; model: BM-92; seri: 024/96; hãng sx: Meinfra	Việt Nam	2006	2006	cái	1	56.000.000	56.000.000		56.000.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
46	Máy đo SPO2; model: 2500A; seri: 501610046; hãng sx: Nonin	Mỹ	2013	2013	cái	1	14.490.000	14.490.000		14.490.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
47	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số; model: BSM 2351K; seri: 719; hãng sx: Nihon Kohden	Nhật Bản	2005	2006	cái	1	110.000.000	110.000.000		110.000.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
48	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số; model: BSM-2351K ; seri: 7651; hãng sx: Nihon Kohden	Nhật Bản		2011	cái	1	180.000.000	180.000.000		180.000.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
49	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số; model: BSM 2351K; seri: 7905; hãng sx: Nihon Kohden	Nhật Bản	2011	2012	cái	1	180.000.000	180.000.000		180.000.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
50	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số; model: G30; seri: CN12806886; hãng sx: Philips	Trung Quốc	2013	2013	cái	1	88.800.000	88.800.000		88.800.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
51	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số; model: G30; seri: CN12806885; hãng sx: Philips	Trung Quốc	2013	2013	cái	1	88.800.000	88.800.000		88.800.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
52	Xe tiêm thuốc; model: YFS-006; hãng sx: YongFa	Trung Quốc	2013		cái	1	16.335.000	16.335.000		16.335.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
53	Xe tiêm thuốc; model: YFS-006; hãng sx: YongFa	Trung Quốc	2013		cái	1	16.335.000	16.335.000		16.335.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
54	Ghế thân nhân; model: Y01; hãng sx: Hopefull	Trung Quốc	2013	2013	cái	15	3.375.900	50.638.500		50.638.500	0		15		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
55	Ghế thân nhân; model: Y01; hãng sx: Hopefull	Trung Quốc	2013	2013	cái	9	375.100	3.375.900		3.375.900	0		9		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
56	Máy điện chuyên ion; model: High vitalion; seri: 8103489; hãng sx: Indipa	Nhật Bản	2009	2009	cái	1	39.600.000	39.600.000		39.600.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
57	Ghế thân nhân; model: Y01; hãng sx: Hopefull	Trung Quốc	2013	2013	cái	10	3.375.900	33.759.000		33.759.000	0			10		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
58	Cây treo dịch truyền; model: IV01; hãng sx: Bailida	Đài Loan	2014	2014	cái	2	1.050.000	2.100.000		2.100.000	0			2		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
59	Băng ca; model: HCB-E02A; hãng sx: Acare	Đài loan	2015	2015	cái	7	13.420.000	93.940.000		93.940.000	0			7		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
60	Máy phun thuốc; model: SR 5600; seri: HDDT0003196; hãng sx: STIHL	Trung Quốc	2020	2021	cái	1	4.900.000	4.900.000		4.900.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
61	Máy (Bàn) cắt túi ép tiết trùng; model: HM631S; seri: 1724029; hãng sx: HAWO	Đức	2016	2017	cái	1	22.500.000	22.500.000		22.500.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
62	Máy phun khí dung; model: ANNBB26024; seri: TC2020041800024; hãng sx: Pari	Trung Quốc		2018	cái	1	2.940.000	2.940.000		2.940.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
63	Máy phun khí dung; model: ANNBB26024; seri: TC18102200464; hãng sx: Pari	Trung Quốc		2018	cái	1	2.940.000	2.940.000		2.940.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
64	Máy phun khí dung; model: ANNBB26024; seri: TC2020041800025; hãng sx: Pari	Trung Quốc		2018	cái	1	2.940.000	2.940.000		2.940.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
65	Máy phun khí dung; model: ANNBB26024; seri: TC2020041800026; hãng sx: Pari	Trung Quốc		2018	cái	1	2.940.000	2.940.000		2.940.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
66	Máy phun khí dung; model: ANNBB26024; seri: TC2020041800034; hãng sx: Pari	Trung Quốc		2018	cái	1	2.940.000	2.940.000		2.940.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
67	Máy phun khí dung; model: ANNBB26024; seri: TC2020041800035; hãng sx: Pari	Trung Quốc		2018	cái	1	2.940.000	2.940.000		2.940.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
68	Máy phun khí dung; model: ANNBB26024; seri: TC18102200467; hãng sx: Pari	Trung Quốc		2018	cái	1	2.940.000	2.940.000		2.940.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
69	Máy phun khí dung; model: ANNBB26024; seri: TC18102200468; hãng sx: Pari	Trung Quốc		2018	cái	1	2.940.000	2.940.000		2.940.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
70	Máy phun khí dung; model: ANNB26024; seri: TC2020041800188; hãng sx: Pari	Trung Quốc		2018	cái	1	2.940.000	2.940.000	2.940.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
71	Máy phun khí dung; seri: JK112018032600076; hãng sx: Pedo-care			2018	cái	1	2.940.000	2.940.000	2.940.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
72	Máy phun khí dung; model: ANNB26024; seri: TC18102200465; hãng sx: Pari	Trung Quốc		2018	cái	1	2.940.000	2.940.000	2.940.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
73	Máy phun khí dung; model: Pari boy SX; seri: 2W13F19384; hãng sx: Pari	Đức	2013	2013	cái	1	5.880.000	5.880.000	5.880.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
74	Máy phun khí dung; model: Pari boy SX; seri: 2W14B05579; hãng sx: Pari	Đức	2014	2014	cái	1	5.880.000	5.880.000	5.880.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
75	Máy phun khí dung; model: Pari boy SX; seri: 2W13K15737; hãng sx: Pari	Đức	2014	2014	cái	1	5.880.000	5.880.000	5.880.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
76	Monitor theo dõi bệnh nhân 05 thông số; model: BSM-2351K; seri: 9912; hãng sx: Nihon Kohden	Nhật Bản	2011	2012	cái	1	180.000.000	180.000.000	180.000.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
77	Máy thở BiPAP không xâm nhập chạy điện; model: Stellar 100; seri: 20140827474; hãng sx: Resmed	Úc	2014	2014	cái	1	99.750.000	99.750.000		99.750.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
78	Máy thở BiPAP không xâm nhập chạy điện; model: Stellar 100; seri: 20141143619; hãng sx: Resmed	Úc	2014	2014	cái	1	99.750.000	99.750.000		99.750.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
79	Máy thở BiPAP không xâm nhập chạy điện; model: Stellar 100; seri: 20141480338; hãng sx: Resmed	Úc	2014	2014	cái	1	99.750.000	99.750.000		99.750.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
80	Máy thở BiPAP không xâm nhập chạy điện; model: Stellar 100; seri: 20141480344; hãng sx: Resmed	Úc	2014	2014	cái	1	99.750.000	99.750.000		99.750.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
81	Máy thở BiPAP không xâm nhập chạy điện; model: Stellar 100; seri: 20150479575; hãng sx: Resmed	Úc	2014	2014	cái	1	99.750.000	99.750.000		99.750.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
82	Máy thở BiPAP không xâm nhập chạy điện; model: Stellar 100; seri: 20150479573; hãng sx: Resmed	Úc	2014	2014	cái	1	99.750.000	99.750.000		99.750.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
83	Máy thở BiPAP không xâm nhập chạy điện; model: Stellar 100; seri: 20150479574; hãng sx: Resmed	Úc	2014	2014	cái	1	99.750.000	99.750.000		99.750.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
84	Ghế thân nhân; model: Y01; hãng sx: Hopefull	Trung Quốc	2013	2013	cái	20	3.375.900	67.518.000		67.518.000	0			20		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
85	Ghế thân nhân; model: SKE-001; hãng sx: Saikang	Trung Quốc	2015	2015	cái	1	3.090.000	3.090.000		3.090.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
86	Băng ca; model: HCB-E02A; hãng sx: Acare	Đài Loan	2013	2013	cái	1	13.420.000	13.420.000		13.420.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
87	Máy phun khí dung; model: Pari boy SX; seri: 2W15C30520; hãng sx: Pari	Đức		2015	cái	1	5.880.000	5.880.000		5.880.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
88	Máy phun khí dung; model: Pari boy SX; seri: 2W15C30532; hãng sx: Pari	Đức		2015	cái	1	5.880.000	5.880.000		5.880.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
89	Ghế thân nhân; model: Y01; hãng sx: Hopefull	Trung Quốc	2013	2013	cái	21	3.375.900	70.893.900		70.893.900	0			21		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
90	Xe tiêm thuốc; model: YFS-006; hãng sx: Yongfa	Trung Quốc	2014	2014	cái	2	16.335.000	32.670.000		32.670.000	0		2		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
91	Xe tiêm thuốc; model: YFS-006; hãng sx: Yongfa	Trung Quốc	2017	2017	cái	1	16.720.000	16.720.000		16.720.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
92	Xe tiêm thuốc; model: NC3405; seri: BM13-03144; hãng sx: Bailida	Đài Loan	2013	2013	cái	5	22.000.000	110.000.000		110.000.000	0		5		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
93	Bộ phụ kiện đo nồng độ CO2 (EtCO2); hãng sx: Nihon Kohden	Nhật Bản	2014	2015	bộ	1	42.000.000	42.000.000		42.000.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
94	Bộ phụ kiện đo nồng độ CO2 (EtCO2); hãng sx: Nihon Kohden	Nhật Bản	2014	2015	bộ	1	42.000.000	42.000.000		42.000.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
95	Bộ phụ kiện đo nồng độ CO2 (EtCO2); hãng sx: Nihon Kohden	Nhật Bản	2014	2015	bộ	1	42.000.000	42.000.000		42.000.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
96	Bộ phụ kiện đo nồng độ CO2 (EtCO2); hãng sx: Nihon Kohden	Nhật Bản	2014	2015	bộ	1	42.000.000	42.000.000		42.000.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
97	Bộ phụ kiện đo nồng độ CO2 (EtCO2); hãng sx: Nihon Kohden	Nhật Bản	2014	2015	bộ	1	42.000.000	42.000.000		42.000.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
98	Bộ phụ kiện đo nồng độ CO2 (EtCO2); hãng sx: Nihon Kohden	Nhật Bản	2014	2015	bộ	1	42.000.000	42.000.000		42.000.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
99	Bộ phụ kiện đo nồng độ CO2 (EtCO2); hãng sx: Nihon Kohden	Nhật Bản	2014	2015	bộ	1	42.000.000	42.000.000		42.000.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
100	Monitor theo dõi bệnh nhân; model: BSM 2301K; seri: 10588; hãng sx: Nihon Kohden	Nhật Bản	2003	2004	cái	1	82.500.000	82.500.000		82.500.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
101	Xe lăn tay + cây dịch truyền; hãng sx: Kiến Tường	Việt Nam	2013	2017	cái	2	3.600.000	7.200.000		7.200.000	0			2		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
102	Máy phun khí dung; model: Pari boy SX; seri: 2W14D00117; hãng sx: Pari	Đức	2014	2014	cái	1	5.880.000	5.880.000		5.880.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
103	Máy phun khí dung; model: Pari boy SX; seri: 2W14E12083; hãng sx: Pari	Đức	2014	2014	cái	1	5.880.000	5.880.000		5.880.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
104	Máy phun khí dung; model: Pari boy SX; seri: 2W14B05591; hãng sx: Pari	Đức	2014	2014	cái	1	5.880.000	5.880.000		5.880.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
105	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số; model: BSM-2351K; seri: 00706; hãng sx: Nihon Kohden	Nhật Bản	2005	2006	cái	1	110.000.000	110.000.000		110.000.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
106	Máy bơm tiêm điện; model: Perfusor Compact S; seri: 25478; hãng sx: B/Braun	Đức	2005	2006	cái	1	17.400.000	17.400.000		17.400.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
107	Máy bơm tiêm điện; model: Perfusor compact S; seri: 93159; hãng sx: Bbraun	Đức	2014	2014	cái	1	22.890.000	22.890.000		22.890.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
108	Máy bơm tiêm điện; model: Perfusor Compact S; seri: 25447; hãng sx: B/Braun	Đức	2005	2006	cái	1	17.400.000	17.400.000		17.400.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
109	Máy bơm tiêm điện; model: Perfusor compact S; seri: 25489; hãng sx: B/Braun	Đức	2005	2006	cái	1	17.400.000	17.400.000		17.400.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
110	Máy bơm tiêm điện; model: Perfusor Compact-8714827; seri: 66200; hãng sx: BBraun	Đức	2003	2003	cái	1	16.254.000	16.254.000		16.254.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
111	Máy bơm tiêm điện; model: Perfusor Compact S; seri: 38836; hãng sx: Bbraun	Đức	2008	2008	cái	1	16.779.000	16.779.000		16.779.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
112	Máy bơm tiêm điện; model: Perfusor compact S; seri: 93152; hãng sx: Braun	Đức	2014	2014	cái	1	22.890.000	22.890.000		22.890.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
113	Ghế thân nhân; model: SKE-001; hãng sx: Saikang	Trung Quốc	2015	2016	cái	18	3.090.000	55.620.000		55.620.000	0			18		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
114	Xe đẩy cấp cứu; model: YFS-001; hãng sx: Yongfa	Trung Quốc	2013	2013	cái	1	16.335.000	16.335.000		16.335.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
115	Xe tiêm thuốc; model: YFS-006; hãng sx: Yongfa	Trung Quốc	2013	2013	cái	3	16.335.000	49.005.000		49.005.000	0			3		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
116	Xe tiêm thuốc; model: YFS-006; hãng sx: Yongfa	Trung Quốc	2015	2016	cái	3	16.720.000	50.160.000		50.160.000	0			3		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
117	Xe tiêm thuốc; model: NC3405; seri: BM13-06938; hãng sx: Bailida	Đài Loan	2013	2013	cái	1	22.000.000	22.000.000		22.000.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
118	Xe tiêm thuốc; model: NC3405; seri: BM13-03141; hãng sx: Bailida	Đài Loan	2013	2013	cái	1	22.000.000	22.000.000		22.000.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
119	Xe tiêm thuốc; model: NC3405; seri: BM13-06936; hãng sx: Bailida	Đài Loan	2013	2013	cái	1	22.000.000	22.000.000		22.000.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
120	Xe đẩy cấp cứu; model: YFS-001; hãng sx: Yongfa	Trung Quốc	2015	2015	cái	1	16.335.000	16.335.000		16.335.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
121	Máy ép tiệt trùng tự động; model: Hawo HD650D; seri: 473179; hãng sx: Hawo	Đức	2014	2014	cái	1	49.000.000	49.000.000		49.000.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
122	Máy ép túi tiệt trùng tự động; model: HAWO HD650D; seri: 481402; hãng sx: Hawo	Đức	2015	2015	cái	1	55.000.000	55.000.000		55.000.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
123	Máy đo SpO2 loại cầm tay(có bảo động); model: 2500A; seri: 502183779; hãng sx: Nonin	Mỹ	2016	2017	cái	1	14.490.000	14.490.000		14.490.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
124	Máy phun khí dung; model: ANBB26024; seri: 18102200063 18102200405 18102200408 18102200451 18102200322 18102200450 18102200447 18102200409 18102200412; hãng sx: Inquair Bluespa	Trung Quốc	2018	2018	cái	9	2.940.000	26.460.000		26.460.000	0		9		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
125	Xe tiêm thuốc; model: YFS-006; hãng sx: Yongfa	Trung Quốc	2014	2015	cái	1	16.335.000	16.335.000		16.335.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
126	Xe tiêm thuốc; model: YFS-006; hãng sx: Yongfa	Trung Quốc	2014	2015	cái	1	16.335.000	16.335.000		16.335.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
127	Xe tiêm thuốc; model: YFS-006; hãng sx: Yongfa	Trung Quốc	2014	2015	cái	1	16.335.000	16.335.000		16.335.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
128	Xe tiêm thuốc; model: YFS-006; hãng sx: Yongfa	Trung Quốc	2013	2013	cái	4	16.335.000	65.340.000		65.340.000	0			4		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
129	Xe tiêm thuốc; model: YFS-006; hãng sx: Yongfa	Trung Quốc	2017		cái	1	16.720.000	16.720.000		16.720.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
130	Xe tiêm thuốc; model: YFS-006; hãng sx: Yongfa	Trung Quốc	2013	2013	cái	2	16.335.000	32.670.000		32.670.000	0			2		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
131	Xe tiêm thuốc; model: YFS-006; hãng sx: Yongfa	Trung Quốc	2015	2015	cái	2	16.720.000	33.440.000		33.440.000	0			2		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
132	Máy bơm tiêm điện; model: Perfusor compacts; seri: 48779; hãng sx: Bbraun	Đức	2009	2010	cái	1	16.852.500	16.852.500		16.852.500	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
133	Ghế thân nhân; model: DFP; hãng sx: Defeng	Trung Quốc	2013	2013	cái	35	3.563.450	124.720.750		124.720.750	0			35		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
134	Ghế thân nhân; model: Y01; hãng sx: Hopefull	Trung Quốc	2013	2013	cái	3	3.375.900	10.127.700		10.127.700	0			3		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
135	Ghế thân nhân; model: Y01; hãng sx: Hopefull	Trung Quốc	2013	2014	cái	41	3.375.900	138.411.900		138.411.900	0			41		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
136	Băng ca; model: HCB-E02A; hãng sx: Acre	Đài Loan	2013	2013	cái	1	13.420.000	13.420.000		13.420.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
137	Máy bơm tiêm điện B. Braun; model: Perfusor Compact S; seri: 48755; hãng sx: B. Braun	Đức	2009	2010	cái	1	16.852.500	16.852.500	16.852.500	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
138	Giường 3 tay quay; model: DR-G839-1; hãng sx: Dunrui	Trung Quốc	2013	2013	cái	1	11.627.000	11.627.000	11.627.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
139	Xe tiêm thuốc; model: YFS-006; hãng sx: Yongfa	Trung Quốc	2013	2013	cái	5	16.335.000	81.675.000	81.675.000	0			5		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
140	Ghế thân nhân; model: Y01; hãng sx: Hopefull	Trung Quốc	2013	2013	cái	8	3.375.900	27.007.200	27.007.200	0			8		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
141	Bảng ca cấp cứu; model: HCB-E02A; hãng sx: Aicare	Đài Loan	2013	2013	cái	2	13.420.000	26.840.000	26.840.000	0			2		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
142	Ghế thân nhân; model: SKE-001; hãng sx: Saikang	Trung Quốc	2015	2015	cái	28	3.090.000	86.520.000	86.520.000	0			28		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
143	Ghế thân nhân; model: DFP; hãng sx: Defeng	Trung Quốc	2013	2013	cái	39	3.563.450	138.974.550		138.974.550	0			39		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
144	Ghế thân nhân; model: Y01; hãng sx: Hopefull	Trung Quốc	2013	2013	cái	1	3.375.900	3.375.900		3.375.900	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
145	Đèn trị mụn ánh sáng xanh ; model: Bio light PDT; seri: A16060; hãng sx: Beautech	Korea	2014	2014	cái	1	67.000.000	67.000.000		67.000.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
146	Monitor theo dõi bệnh nhân; model: BSM-2301K; seri: 8211; hãng sx: Nihon Kohden	Nhật	2004	2004	cái	1	82.500.000	82.500.000		82.500.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
147	Máy đo SpO2; model: 2500; seri: 501958270; hãng sx: Nonin	Mỹ	2015	2015	cái	1	14.490.000	14.490.000		14.490.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
148	Máy đo SpO2; model: 2500; seri: 501776879; hãng sx: Nonin	Mỹ	2015	2015	cái	1	14.490.000	14.490.000		14.490.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
149	Xe đẩy tiêm thuốc; model: YFS-006; hãng sx: Yongfa	Trung Quốc	2015	2016	cái	9	16.720.000	150.480.000		150.480.000	0			9		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
150	Xe tiêm thuốc; model: FYS-006; hãng sx: Yongfa	Trung Quốc	2013	2013	cái	9	16.335.000	147.015.000		147.015.000	0		9		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
151	Băng ca; model: HCB-A02E; hãng sx: Acare	Đài Loan	2015	2015	cái	1	12.200.000	12.200.000		12.200.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
152	Ghế thân nhân; model: Y01; hãng sx: Hopefull	Trung Quốc	2013	2014	cái	13	3.375.900	43.886.700		43.886.700	0		13		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
153	Xe tiêm thuốc; model: YFS-006; hãng sx: Yongfa	Trung Quốc	2014	2015	cái	1	16.335.000	16.335.000		16.335.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
154	Xe tiêm thuốc; model: YFS-006; hãng sx: Yongfa	Trung Quốc	2014	2015	cái	1	16.335.000	16.335.000		16.335.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
155	Ghế thân nhân; model: SKE-001; hãng sx: Saikang	Trung Quốc	2015	2015	cái	3	3.090.000	9.270.000		9.270.000	0		3		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
156	Xe tiêm thuốc; model: YFS-006; hãng sx: Yongfa	Trung Quốc	2017	2017	cái	1	16.720.000	16.720.000		16.720.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
157	Xe tiêm thuốc; model: YFS-006; hãng sx: Yongfa	Trung Quốc	2013	2013	cái	1	16.335.000	16.335.000		16.335.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
158	Ghế thân nhân; model: Y01; hãng sx: Hopefull	Trung Quốc	2013	2013	cái	7	3.375.900	23.631.300		23.631.300	0		7		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
159	Băng ca; hãng sx: Acare	Đài Loan		2013	cái	1	13.420.000	13.420.000		13.420.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
160	Băng ca; model: HCB-E02A; hãng sx: Acare	Đài loan	2013	2015	cái	6	13.420.000	80.520.000		80.520.000	0		6		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
161	Xe tiêm thuốc; model: YFS-006; hãng sx: Yongfa	Trung Quốc	2016	2016	cái	3	16.720.000	50.160.000		50.160.000	0		3		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
162	Ghế thân nhân; model: YFY-1; hãng sx: Yongfa	Trung Quốc	2016	2016	cái	5	2.970.000	14.850.000		14.850.000	0		5		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
163	Bàn ăn; model: 300-CS; hãng sx: Acare	Đài Loan	2013	2013	cái	2	5.729.167	11.458.333		11.458.333	0		2		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
164	Căng cứu thương; model: scoop 65; hãng sx: Ferno	Mỹ	2008		cái	1	11.000.000	11.000.000		11.000.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
165	Máy phun khí dung; model: Pari Boy SX; seri: 2W15C30547; hãng sx: Pari	Đức	2015	2015	cái	1	5.880.000	5.880.000		5.880.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
166	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số; model: PVM-2701; seri: 06348; hãng sx: Nihon Kohden	Nhật	2014	2014	cái	1	90.300.000	90.300.000	90.300.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
167	Giường hồi sức điều khiển điện; model: HK-9018; hãng sx: Hongky	Việt Nam	2015	2015	cái	4	22.044.225	88.176.900	88.176.900	0		4		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
168	Giường hồi sức điều khiển điện; model: HK-9018; hãng sx: Hongky	Việt Nam	2015	2015	cái	16	22.044.225	352.707.600	352.707.600	0		16		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
169	Giường bệnh 3 tay quay; model: DR-G839-1; hãng sx: Dunrui	Trung Quốc	2013	2013	cái	3	11.627.000	34.881.000	34.881.000	0		3		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
170	Giường bệnh 3 tay quay; model: DR-G818; hãng sx: Dunrui	Trung Quốc	2014	2014	cái	3	22.044.225	66.132.675	66.132.675	0		3		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
171	Giường bệnh 3 tay quay; model: YFC-361L; hãng sx: Dunrui	Trung Quốc	2013	2014	cái	4	12.100.000	48.400.000	48.400.000	0		4		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
172	Giường bệnh 3 tay quay; model: DR-G839-1; hãng sx: Dunrui	Trung Quốc	2015	2015	cái	10	11.627.000	116.270.000	116.270.000	0		10		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
173	Máy bơm CO2 -UHI và Máy tưới rửa ổ bụng Olympus A5590, Đầu nối camera AR-TX2; seri: 7711266; hãng sx: olympus	Nhật		1998	cái	1	140.323.326	140.323.326	140.323.326	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
174	Máy tán sỏi Calcutript ; model: 27080B; seri: AH30384; hãng sx: Karl Storz	Đức		2003	cái	1	142.243.000	142.243.000	142.243.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
175	Máy tán sỏi Calcutript ; model: 27080 B; seri: AH 30379; hãng sx: Karl Storz	Đức		2003	cái	1	142.243.000	142.243.000	142.243.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
176	Bộ đo pH dạ dày liên tục 20h; model: Digitrapper 400; seri: 37985; hãng sx: Medtronic	Đan Mạch			bộ	1	154.000.000	154.000.000	154.000.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
177	Máy cắt đốt Force FX (2); model: Force FX; seri: F2I-23489A; hãng sx: Valleylab	Mỹ	2001	2002	cái	1	168.147.000	168.147.000	168.147.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
178	Máy đốt phẫu thuật (7); model: Force FX; seri: F4I-33951A; hãng sx: Valleylab	Hoa Kỳ		2005	cái	1	186.204.000	186.204.000	186.204.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
179	Máy đốt phẫu thuật (5); model: Force FX; seri: F4I-33948A; hãng sx: Valleylab	Hoa Kỳ		2005	cái	1	186.204.000	186.204.000	186.204.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
180	Máy đốt phẫu thuật; model: Force FX; seri: F4I-33950A; hãng sx: Valleylab	Hoa Kỳ	2005	2005	cái	1	186.204.000	186.204.000	186.204.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
181	Máy đốt điện Force 2; model: Force 2; seri: 33949A; hãng sx: Valleylab		2004	2005	cái	1	186.204.000	186.204.000	186.204.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
182	Giường INOX; hãng sx: OEM	VIỆT NAM	2002	2002	Cái	3	2.310.000	6.930.000	6.930.000	0		3		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
183	Giường INOX; hãng sx: OEM	VIỆT NAM	2002	2002	Cái	2	2.310.000	4.620.000		4.620.000	0		2		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
184	Giường INOX; hãng sx: OEM	VIỆT NAM	2011	2011	Cái	6	2.310.000	13.860.000		13.860.000	0		6		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
185	Giường INOX; hãng sx: OEM	VIỆT NAM	2002	2002	Cái	7	1.980.000	13.860.000		13.860.000	0		7		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
186	Giường INOX; hãng sx: OEM	VIỆT NAM	2002	2002	Cái	2	2.310.000	4.620.000		4.620.000	0		2		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
187	Giường INOX; hãng sx: OEM	VIỆT NAM	2002	2002	Cái	3	2.310.000	6.930.000		6.930.000	0		3		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
188	Giường INOX; hãng sx: OEM	VIỆT NAM	2002	2002	Cái	3	2.310.000	6.930.000		6.930.000	0		3		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
189	Giường bệnh nội trú; model: DR-G818; hãng sx: DUNRUI	Trung Quốc	2013	2013	Cái	6	7.001.500	42.009.000		42.009.000	0		6		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
190	Giường bệnh nội trú; model: DR-G818; hãng sx: DUNRUI	Trung Quốc	2013	2013	Cái	2	7.001.500	14.003.000		14.003.000	0		2		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
191	Giường bệnh nội trú; model: DR-G839-1; hãng sx: DUNRUI	Trung Quốc	2013	2013	Cái	1	11.627.000	11.627.000		11.627.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
192	Giường bệnh nội trú; model: DR-G818; hãng sx: DUNRUI	Trung Quốc	2013	2013	Cái	2	7.001.500	14.003.000		14.003.000	0		2		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
193	Giường bệnh nội trú; model: DR-G818; hãng sx: DUNRUI	Trung Quốc	2013	2013	Cái	2	7.001.500	14.003.000		14.003.000	0		2		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
194	Giường bệnh nội trú; model: DR-G818; hãng sx: DUNRUI	Trung Quốc	2013	2013	Cái	3	7.001.500	21.004.500		21.004.500	0		3		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
195	Giường bệnh nội trú; model: DR-G818; hãng sx: DUNRUI	Trung Quốc	2013	2013	Cái	3	7.001.500	21.004.500		21.004.500	0		3		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
196	Giường bệnh nội trú; model: DR-G818; hãng sx: DUNRUI	Trung Quốc	2013	2013	Cái	3	7.001.500	21.004.500		21.004.500	0		3		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
197	Hộp đựng dụng cụ KKMĐC; model: HOP-LON/KKMDC; hãng sx: INOX SÀI GÒN	Việt Nam	2015	2015	cái	4	660.000	2.640.000		2.640.000	0		4		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
198	Hộp đựng dụng cụ KKMĐC; model: HOP-NHO/KKMDC; hãng sx: INOX SÀI GÒN	Việt Nam	2015	2015	cái	1	440.000	440.000		440.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
199	Máy bơm tiêm điện; model: Perfusor compact S; seri: 93448; hãng sx: B. Braun	Đức		2014	cái	1	22.890.000	22.890.000		22.890.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
200	Máy bơm tiêm điện; model: Perfusor compact S; seri: 93082; hãng sx: B. Braun	Đức		2014	cái	1	22.890.000	22.890.000		22.890.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
201	Máy bơm tiêm điện; model: Perfusor compact S; seri: 64662; hãng sx: B. Braun	Đức	2011	2011	cái	1	21.065.688	21.065.688		21.065.688	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
202	Dụng cụ tương thích vuông góc 90 độ, đường kính 4.8 mm, nối ống soi với dây dẫn sáng; model: 495EW; hãng sx: KARL STORZ	Đức		2021	cái	1	14.673.540	14.673.540		14.673.540	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
203	Xe lăn; model: KT-X02; hãng sx: Kiến Tường	Việt Nam	2013	2013	cái	1	3.800.000	3.800.000		3.800.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
204	Máy phun khí dung; model: NE-C29; seri: 6600202; hãng sx: Omron	Nhật		2009	cái	1	997.500	997.500		997.500	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
205	Máy phun khí dung; model: Pari boy SX; seri: 2W14D00122; hãng sx: Pari	Đức			cái	1	5.880.000	5.880.000		5.880.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
206	Máy phun khí dung; model: Pari Boy SX; seri: 2W13F19388; hãng sx: Pari	Đức	2103	2013	cái	1	5.880.000	5.880.000		5.880.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
207	Máy phun khí dung; model: Pari boy SX; seri: 2W14D00091; hãng sx: Pari	Đức			cái	1	5.880.000	5.880.000		5.880.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
208	Máy phun khí dung; model: Pari boy SX; seri: 2W13D24343; hãng sx: Pari	Đức			cái	1	5.880.000	5.880.000		5.880.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
209	Máy đo ECG 3 kênh; model: ECG- 9620L; seri: 03960; hãng sx: Nihon kohden	Nhật	2006	2006	cái	1	22.000.000	22.000.000	22.000.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
210	Kính hiển vi phẫu thuật FRED HOLLOW; model: XSZ 8D; seri: 939908; hãng sx: Ajuthen	TQ		2000	cái	1	12.700.000	12.700.000	12.700.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
211	Máy doppler tim thai cho PK phụ khoa; model: FD-390; seri: 9222-C18; hãng sx: Toitu	Nhật	2008	2008	cái	1	18.000.000	18.000.000	18.000.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
212	Máy phun khí dung; model: Pari Boy; seri: 2W13D00588; hãng sx: Pari	Đức	2013	2013	cái	1	5.588.000	5.588.000	5.588.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
213	Máy SpO2; model: 2500A; seri: 582250004; hãng sx: Nonin	Mỹ			cái	1	14.490.000	14.490.000	14.490.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
214	Máy đo SpO2 Nonin 2500A; model: 2500A; seri: 501942745; hãng sx: Nonin	Mỹ	2015	2015	cái	1	14.490.000	14.490.000	14.490.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
215	Máy đo SpO2 Nonin 2500A; model: 2500A; seri: 501942746; hãng sx: Nonin	Mỹ	2015	2015	cái	1	14.490.000	14.490.000	14.490.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
216	Rửa dụng cụ phẫu thuật bằng sóng siêu âm; hãng sx: Việt Y	Việt Nam		2006	cái	1	72.000.000	72.000.000		72.000.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
217	Tủ sấy dụng cụ; model: S363E300; seri: WAA058610; hãng sx: Getinge	Thụy Điển	2014	2015	cái	1	94.500.000	94.500.000		94.500.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
218	Máy bơm tiêm điện; model: Perfusor compact S; seri: 93077; hãng sx: Bbraun	Đức	2014	2015	cái	1	22.890.000	22.890.000		22.890.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
219	Máy ủ ấm dây truyền máu; model: AM-301-5AF; seri: 2015D0334; hãng sx: Eltec	Nhật	2015	2015	cái	1	19.320.000	19.320.000		19.320.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
220	Máy bơm thức ăn tự động; model: Kangaroo 924; seri: W1012492; hãng sx: Tyco Healthcare Covidien	Nhật	2014	2014	cái	1	26.630.000	26.630.000		26.630.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
221	Máy bơm thức ăn tự động; model: Kangaroo 924; seri: W1156116; hãng sx: Tyco Healthcare Covidien	Nhật	2014	2014	cái	1	26.630.000	26.630.000		26.630.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
222	Máy SPO2; seri: SN502741602; hãng sx: Nonin			2019	cái	1	9.975.000	9.975.000	9.975.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
223	Bàn mổ; seri: 040/98; hãng sx: Meifaf	Việt Nam		2009	cái	1	72.500.000	72.500.000	72.500.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
224	Máy bơm tiêm điện; model: Perfusor compacts S; seri: 93145; hãng sx: Braun	Đức	2014	2014	cái	1	22.890.000	22.890.000	22.890.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
225	Máy bơm tiêm điện; model: Perfusor compacts S; seri: 93180; hãng sx: Braun	Đức	2014	2014	cái	1	22.890.000	22.890.000	22.890.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
226	Đèn mổ; model: Dome Lux 7062; seri: E044-CC0053 E044-CW0050; hãng sx: Trident	Hàn Quốc	2003	2005	cái	1	99.500.000	99.500.000	99.500.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
227	Đèn mổ; model: Dome Lux 7262; seri: E044CA0039; hãng sx: Trident	Hàn Quốc	2003	2005	cái	1	99.500.000	99.500.000	99.500.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
228	Đèn mổ; model: Dome Lux 7262; seri: E044CP0050 E044CC0053; hãng sx: Trident	Đài Loan	2003	2003	cái	1	99.500.000	99.500.000	99.500.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
229	Bàn mổ; model: BM-92; seri: 9; hãng sx: Meifaf	Việt Nam	1999	2000	cái	1	75.744.000	75.744.000	75.744.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
230	Bàn mổ; model: BM-92; seri: 005-04; hãng sx: Meifaf	Việt Nam	1999	2000	cái	1	75.744.000	75.744.000	75.744.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
231	Máy monitor theo dõi BN 5 thông số + thông số thứ 6 IBP; model: B40; seri: SJF14030294WA; hãng sx: GE	Trung Quốc	2014	2014	cái	1	97.000.000	97.000.000	97.000.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
232	Máy monitor theo dõi BN 5 thông số + thông số thứ 6 IBP; model: B40; seri: SJF14030267WA; hãng sx: GE	Trung Quốc	2014	2014	cái	1	97.000.000	97.000.000	97.000.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
233	Máy thờ Lotus (0312009U); model: Lotus SS-1200; seri: 0312009U; hãng sx: Lotus	Nhật		2004	cái	1	70.400.000	70.400.000	70.400.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
234	Máy mê Soft Lander (0401002U); model: SLW-180; seri: 0401002U; hãng sx: Mallo			2004	cái	1	48.500.000	48.500.000	48.500.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
235	Máy bơm tiêm điện; model: Perfusor compact S; seri: 82230; hãng sx: Bbraun	Đức	2004	2004	cái	1	15.300.000	15.300.000	15.300.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
236	Giường y tế 3 tay quay; model: HK-9007; hãng sx: Hong ky	Việt Nam	2013	2013	cái	1	11.896.500	11.896.500	11.896.500	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
237	Giường y tế 3 tay quay; model: HK-9007; hãng sx: Hong ky	Việt Nam	2013	2013	cái	1	11.896.500	11.896.500	11.896.500	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
238	Bàn mổ; model: ST -10; hãng sx: Sturdy Industrial	Đài Loan		1998	cái	1	30.000.000	30.000.000	30.000.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
239	Bàn mổ; model: ST -10; hãng sx: Sturdy Industrial	Đài Loan		1998	cái	1	31.900.000	31.900.000	31.900.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
240	Đèn mổ; model: Domelux 7262; seri: E044-CA0040 (CB0053); hãng sx: Trident	Hàn Quốc		2003	cái	1	99.500.000	99.500.000		99.500.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
241	Máy cắt đốt dùng trong phẫu thuật; model: Force 2; seri: F3K-43124T; hãng sx: Valleylab	Mỹ	2003	2004	cái	1	124.800.000	124.800.000		124.800.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
242	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số; model: PVM-2701; seri: 06347; hãng sx: Nihon Kohden	Nhật	2013	2014	cái	1	90.300.000	90.300.000		90.300.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
243	Máy bơm tiêm điện; model: Perfusor compact S; seri: 66197; hãng sx: Bbraun	Đức	2003	2003	cái	1	16.254.000	16.254.000		16.254.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
244	Xe đẩy, KT: 900x500x840; model: BANDAY; hãng sx: Inox Sài Gòn	Việt Nam	2016	2016	cái	1	6.820.000	6.820.000		6.820.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
245	Máy truyền dịch; model: Infusor P; seri: 48141/48151; hãng sx: bbraun	Đức	2008	2009	cái	1	26.460.000	26.460.000		26.460.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
246	Máy bơm tiêm điện; model: Perfusor Compact S; seri: 89029; hãng sx: B. Braun	Đức	2013	2013	cái	1	22.890.000	22.890.000		22.890.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
247	Hệ thống kích thích điện kết hợp đo trương lực cơ (EMG); model: Intellect Advanced; seri: T2175; hãng sx: Djo	Mexico	2013	2013	cái	1	95.000.000	95.000.000		95.000.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
248	Máy bơm tiêm điện; model: Perfusor Compact S; seri: 93194; hãng sx: B.Braun	Đức	2014	2014	cái	1	22.890.000	22.890.000		22.890.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
249	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số; model: BMS-2301K; seri: 00708; hãng sx: Nihon Kohden	Nhật	2005	2006	cái	1	110.000.000	110.000.000		110.000.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
250	Xe lăn; model: KT-02; hãng sx: Kiến Tường	Việt Nam	2016	2016	cái	1	3.950.000	3.950.000		3.950.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
251	Máy doppler mạch máu ; model: smartdop 45; seri: 8020026; hãng sx: Hadeco	Nhật	2008	2009	cái	1	20.800.000	20.800.000		20.800.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
252	Xe đẩy người bệnh; model: KT-X02; hãng sx: Kiến Tường	Việt Nam		2019	cái	2	3.800.000	7.600.000		7.600.000	0		2		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
253	Máy đo SpO2; model: N-65; seri: G05893577; hãng sx: Nellcor	Phần Lan		2006	cái	1	9.975.000	9.975.000		9.975.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
254	Máy đo SPO2; model: N-65; seri: G08806421; hãng sx: Nellcor	Phần Lan	2008	2008	cái	1	13.000.000	13.000.000		13.000.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
255	Máy đo đa chỉ tiêu; model: HI83300-02; seri: ACC0422021; hãng sx: Hanna	Romania	2019	2019	cái	1	25.685.000	25.685.000		25.685.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
256	Cây dịch truyền di động (tay nắm màu trắng); model: IV01; hãng sx: Bailida	Đài loan	2011		cái	8	2.100.000	16.800.000		16.800.000	0		8		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
257	Cây dịch truyền di động (tay nắm màu trắng); model: IV01; hãng sx: Bailida	Đài loan	2018		cái	4	2.100.000	8.400.000		8.400.000	0		4		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
258	Ghế thân nhân; model: YFY-I; hãng sx: Yongfa	Trung Quốc	2016	2016	cái	1	2.970.000	2.970.000		2.970.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
259	Máy bơm tiêm điện; model: Perfusor compacts S; seri: 93189; hãng sx: Braun	Đức	2014	2014	cái	1	22.890.000	22.890.000		22.890.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
260	Máy bơm tiêm điện Bbraun; model: Perfusor Compact S; seri: 25493; hãng sx: Bbraun	Đức	2005	2006	cái	1	17.400.000	17.400.000		17.400.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
261	Máy bơm tiêm điện Bbraun; model: Perfusor Compact S; seri: 25484; hãng sx: Bbraun	Đức	2005	2006	cái	1	17.400.000	17.400.000		17.400.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
262	Máy đo SpO2 loại cầm tay(có bảo động); model: 2500A; seri: 502096748; hãng sx: Nonin	Mỹ	2016		cái	1	14.490.000	14.490.000		14.490.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
263	Máy đo SpO2 loại cầm tay(có bảo động); model: 2500A; seri: 502112222; hãng sx: Nonin	Mỹ	2016		cái	1	14.490.000	14.490.000		14.490.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
264	Máy đo SpO2 loại cầm tay(có bảo động); model: 2500A; seri: 502135960; hãng sx: Nonin	Mỹ	2016		cái	1	14.490.000	14.490.000		14.490.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
265	Máy đo SpO2 loại cầm tay(có bảo động); model: 2500A; seri: 502135958; hãng sx: Nonin	Mỹ	2016		cái	1	14.490.000	14.490.000		14.490.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
266	Máy đo SpO2 loại cầm tay(có bảo động); model: 2500A; seri: 502202601; hãng sx: Nonin	Mỹ	2017		cái	1	14.490.000	14.490.000		14.490.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
267	Máy đo SpO2 loại cầm tay(có bảo động); model: 2500A; seri: 502202602; hãng sx: Nonin	Mỹ	2017		cái	1	14.490.000	14.490.000		14.490.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
268	Bàn inox 2 tầng 700x600x800; hãng sx: Inox Sài Gòn	Việt Nam			cái	2	10.450.000	20.900.000		20.900.000	0		2		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
269	Giá mayo 560x450x850/1300		2015	2015	cái	1	2.585.000	2.585.000		2.585.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
270	Giá mayo 560x450x850/1300		2015	2015	cái	1	2.585.000	2.585.000		2.585.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
271	Giá mayo 560x450x850/1300		2015	2015	cái	1	2.585.000	2.585.000		2.585.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
272	Già mayo 560x450x850/130		2015	2015	cái	1	2.585.000	2.585.000	2.585.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
273	Máy điện tim 3 cần; model: ECG-1150; seri: 12432K; hãng sx: Nihon Kohden	Trung Quốc	2014	2014	cái	1	33.285.000	33.285.000	33.285.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
274	Phun khí dung; model: Pariboy SX; seri: 2W13F19382; hãng sx: Pari	Nhật	2013	2013	cái	1	5.880.000	5.880.000	5.880.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
275	Máy đo SPO2; model: 2500A; seri: 501637803; hãng sx: Nonin	Hoa kỳ		2013	cái	1	14.490.000	14.490.000	14.490.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
276	Máy đo SPO2; model: 2500A; seri: 501565244; hãng sx: Nonin	Hoa kỳ		2013	cái	1	14.490.000	14.490.000	14.490.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
277	Máy đo SPO2; model: 2500A; seri: 501610045; hãng sx: Nonin	Hoa kỳ		2012	cái	1	14.490.000	14.490.000	14.490.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
278	Máy đo SPO2; model: 2500A; seri: 501565232; hãng sx: Nonin	Hoa kỳ		2013	cái	1	14.490.000	14.490.000	14.490.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
279	Xe tiêm thuốc; model: YFS-006; hãng sx: Yongfa	Trung Quốc	2017	2017	cái	1	16.720.000	16.720.000	16.720.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
280	Ghế bô G-696-Lucass-Trung Quốc			2021	cái	1	1.100.000	1.100.000	1.100.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
281	Ghế bô G-696-Lucass-Trung Quốc			2021	cái	1	1.100.000	1.100.000	1.100.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
282	Cây dịch truyền inox có bộ đỡ; model: IV01; hãng sx: Machan International Co Ltd	Đài loan	2018	2018	cái	6	2.100.000	12.600.000	12.600.000	0		6		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
283	Cây treo dịch truyền			2020	cái	3	750.000	2.249.999	2.249.999	0		3		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
284	Xe đẩy có học 30cm 40x30x80cm (DxRxC); hãng sx: Trung Vương	Việt Nam	2014	2014	cái	1	1.300.000	1.300.000	1.300.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
285	Bàn khám phụ khoa; model: JS-005; seri: 30011220; hãng sx: Jinsol Medical	Hàn Quốc	2014	2014	cái	1	93.000.000	93.000.000	93.000.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
286	Máy phun khí dung; model: Pari; seri: 2W18109713; hãng sx: PariBoy SX	Đức		2014	cái	1	5.880.000	5.880.000	5.880.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
287	Đầu đèn Head Light; model: HK7000; seri: 1015493-MD1000F.O; hãng sx: Heine	Đức	2004	2005	cái	1	32.325.000	32.325.000	32.325.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
288	Monitor theo dõi bệnh nhân; model: B40; seri: SJF14030269WA; hãng sx: GE	Trung Quốc	2014	2014	cái	1	97.000.000	97.000.000	97.000.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
289	Máy truyền dịch; model: Perfusor compact S; seri: 66899; hãng sx: Bbraun	Đức	2011	2011	cái	1	28.665.000	28.665.000	28.665.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
290	Máy hấp tiệt trùng; model: EA-600A; seri: 600A-9301-0472; hãng sx: Trident	ĐL	2004	2004	cái	1	142.976.000	142.976.000	142.976.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
291	Máy giúp thở không xâm nhập chạy điện; model: Stellar 100; seri: 20170131263; hãng sx: Resmed	Đức	2017	2017	cái	1	99.750.000	99.750.000	99.750.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
292	Máy giúp thở không xâm nhập; model: Stellar 100; seri: 20170131264; hãng sx: Resmed	Úc	2018	2018	cái	1	99.750.000	99.750.000	99.750.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
293	Máy đếm giọt; model: Infusomat P; seri: 66711; hãng sx: Bbraun	Đức	2011	2011	cái	1	30.560.712	30.560.712	30.560.712	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
294	Máy hút khói khử mùi; model: M908; seri: 22052020; hãng sx: Đại Nam	Việt Nam	2020	2020	cái	1	19.800.000	19.800.000	19.800.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
295	Máy bơm tiêm điện; model: Perfusor Compact S; seri: 80323; hãng sx: Bbraun	Đức	2012	2013	cái	1	22.480.500	22.480.500	22.480.500	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
296	Hệ thống máy giúp thờ đi động; model: PB560; seri: 4096610050; hãng sx: Convidien	Ireland	2014	2016	cái	1	197.000.000	197.000.000	197.000.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
297	Hệ thống máy giúp thờ đi động; model: PB560; seri: 4096610065; hãng sx: Convidien	Ireland	2014	2016	cái	1	197.000.000	197.000.000	197.000.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
298	Bàn khám phụ sản Acomed AG-801 811609445; model: AG-801; seri: 811609445; hãng sx: ACOMED	Đài Loan	2015	2016	cái	1	99.880.000	99.880.000	99.880.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
299	Xe lăn; model: KTX02; hãng sx: Kiến Tường	Việt Nam	2013	2013	cái	1	3.800.000	3.800.000	3.800.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
300	Cây truyền dịch di động (có bộ đỡ); model: IV01; hãng sx: BAILIDA	Đài Loan	2016	2016	cái	1	2.100.000	2.100.000	2.100.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
301	Xe đẩy người bệnh; model: KT-X02; hãng sx: Kiến Tường	Việt Nam			cái	1	3.800.000	3.800.000	3.800.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
302	Máy bơm tiêm điện; model: Perfusor Compact S; seri: 89682; hãng sx: Bbraun	Đức	2013	2013	cái	1	23.940.000	23.940.000	23.940.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
303	Máy điện chuyển Ion - 2; model: High vitalion; seri: 8103283; hãng sx: Indipa	Nhật	2009	2009	cái	1	39.600.000	39.600.000	39.600.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
304	Đèn mô di động; model: STFfocus-10M; seri: 0054; hãng sx: Francis	Đài Loan		2009	cái	1	92.000.000	92.000.000	92.000.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
305	Xe lăn; model: KT-X02; hãng sx: Kiến Tường	Việt Nam		2014	cái	2	5.700.000	11.400.000	11.400.000	0		2		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
306	Mua đầu in nhiệt; model: UP-25MD; seri: 702833; hãng sx: Sony	Nhật Bản	2010	2011	cái	1	43.690.000	43.690.000	43.690.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
307	Xe lăn ; model: KT-X02; hãng sx: Kiến Tường	VN			cái	2	3.800.000	7.600.000	7.600.000	0		2		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
308	Phun khí dung; seri: TC18102200482; hãng sx: InQuai		2018		cái	1	2.940.000	2.940.000	2.940.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
309	Máy cắt coil Model : 451007- 4; model: 451007- 4; seri: 62829; hãng sx: Boston	Đức	2006	2007	cái	1	28.940.625	28.940.625	28.940.625	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
310	Giường 3 tay quay; model: DR-G839-1; hãng sx: Dunrui	Trung Quốc	2013	2015	cái	4	11.627.000	46.508.000	46.508.000	0		4		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
311	Máy phun khí dung; model: Pari Boy Class; seri: 2Q22C00538; hãng sx: Pari GmbH	Đức	2022	2023	cái	1	6.160.000	6.160.000	6.160.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
312	Máy đo áp suất thẩm thấu; model: OSMOMAT 3000 basic; seri: 300200196; hãng sx: GONOTEC	Đức	2020	2020	cái	1	183.500.000	183.500.000	183.500.000	58.253.976		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
313	Máy bơm tiêm điện; model: Perfusor Compact S; seri: 88973; hãng sx: Bbraun	Đức	2013	2013	cái	1	23.940.000	23.940.000	23.940.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
314	Máy bơm tiêm điện; model: Perfusor Compact S; seri: 88960; hãng sx: Bbraun	Đức	2013	2013	cái	1	23.940.000	23.940.000	23.940.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
315	Bàn ăn trên giường; model: 300-CS; hãng sx: Acare	Đài Loan		2014	cái	2	2.750.000	5.500.000	5.500.000	0		2		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
316	Hệ thống kéo giãn cột sống cột-lưng-ngực T1641; model: Triton traction machine REF 4749; seri: T1641; hãng sx: Chattanooga	Mexico	2013	2013	cái	1	197.000.000	197.000.000	197.000.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
317	Máy đo SPO2; model: 2500A; seri: 501637754; hãng sx: Nonin	Mỹ		2014	cái	1	14.490.000	14.490.000	14.490.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
318	Máy bơm tiêm điện; model: Perfusor Compact S; seri: 38838; hãng sx: B/Braun	Đức	2009	2009	cái	1	16.779.000	16.779.000	16.779.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
319	Máy bơm tiêm điện; model: Perfusor compact S; seri: 93154; hãng sx: B/Braun	Đức		2014	cái	1	22.890.000	22.890.000	22.890.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
320	Máy bơm tiêm điện Perfusor Compact S (46396); model: Perfusor Compact S; seri: 46396; hãng sx: B/Braun	Đức	2009	2009	cái	1	17.199.000	17.199.000	17.199.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
321	Máy bơm tiêm điện; model: Perfusor compact S; seri: 93067; hãng sx: B/Braun	Đức		2014	cái	1	22.890.000	22.890.000	22.890.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
322	Máy bơm tiêm điện; model: Perfusor compact S; seri: 93182; hãng sx: B/Braun	Đức		2014	cái	1	22.890.000	22.890.000	22.890.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
323	Máy bơm tiêm điện; model: Perfusor compact S; seri: 25473; hãng sx: B/Braun	Đức	2006	2006	cái	1	17.400.000	17.400.000	17.400.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
324	Máy bơm tiêm điện; model: Perfusor Compact; seri: 78677; hãng sx: B/Braun	Đức	2004	2004	cái	1	15.300.000	15.300.000	15.300.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
325	Máy bơm tiêm điện; model: Perfusor Compact S; seri: 38787; hãng sx: B/Braun	Đức	2009	2009	cái	1	16.779.000	16.779.000	16.779.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
326	Máy bơm tiêm điện P.Compact - 38811; model: Perfusor Compact S; seri: 38811; hãng sx: B/Braun	Đức	2009	2009	cái	1	16.779.000	16.779.000	16.779.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
327	Máy đếm giọt; model: Perfusor Compact S; seri: 29263; hãng sx: B/Braun	Đức	2006	2006	cái	1	19.800.000	19.800.000	19.800.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
328	Máy đếm giọt; model: Perfusor Compact S; seri: 29269; hãng sx: B/Braun	Đức	2006	2006	cái	1	19.800.000	19.800.000	19.800.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
329	Nguồn sáng nội soi; model: CLV.U40; seri: 7817187; hãng sx: Olympus			2000	cái	1	98.437.000	98.437.000	98.437.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
330	Bơm tiêm điện; model: Bene Fusion SP1; seri: SK10810563; hãng sx: Mindray	Trung Quốc	2022	2022	cái	1	16.000.000	16.000.000	16.000.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
331	Máy giúp thở không xâm lấn áp lực dương; model: Stellar 100; seri: 22181210481; hãng sx: Resmed	Úc	2018	2018	cái	1	134.400.000	134.400.000	134.400.000	5.226.665		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
332	Máy bơm tiêm điện; model: 8714843; seri: 88957; hãng sx: B.Braun	Đức	2014	2014	cái	1	22.890.000	22.890.000	22.890.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
333	Máy bơm tiêm điện; model: Perfusor compact S; seri: 30821; hãng sx: Bbraun	Đức	2008	2008	cái	1	16.779.000	16.779.000	16.779.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
334	Máy bơm tiêm điện; model: Perfusor Compact 8714827; seri: 82229; hãng sx: BBraun	Đức	2004	2004	cái	1	15.300.000	15.300.000	15.300.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
335	Máy bơm tiêm điện; model: Perfusor Compact; seri: 25469; hãng sx: BBraun	Đức	2006	2006	cái	1	17.400.000	17.400.000	17.400.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
336	Máy bơm tiêm điện; model: 8714843; seri: 89016; hãng sx: B.Braun	Đức	2014	2014	cái	1	22.890.000	22.890.000	22.890.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
337	Máy giúp thở không xâm lấn áp lực dương; model: Stellar 100; seri: 22181210485; hãng sx: Resmed	Úc	2018	2018	cái	1	134.400.000	134.400.000	134.400.000	5.226.665			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
338	Máy in ảnh siêu âm; model: CP-910E; seri: 0021661; hãng sx: Mitsubishi	Nhật	2010	2010	cái	1	36.520.000	36.520.000	36.520.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
339	Bộ đèn đặt nội khí quản khó có màn hình camera; model: MCGRATH@MAC VIDEO LARYNGOSCOPE A03 (301-000-000); seri: 102100; hãng sx: AirCraft/Medtronic	Mexico	2021	2022	cái	1	51.469.000	51.469.000	51.469.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
340	Máy in nhiệt Sony; model: UP-25MD; seri: 703102; hãng sx: Sony	Nhật	2011	2011	cái	1	43.690.000	43.690.000	43.690.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
341	Máy đo SPO2; model: NBP-40; seri: G05810108; hãng sx: NellCor	Philippines	2005	2006	cái	1	9.975.000	9.975.000	9.975.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
342	Máy đo SpO2; model: N65; seri: G08806367; hãng sx: Nellcor	Philippines	2008	2008	cái	1	13.000.000	13.000.000	13.000.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
343	Monitor theo dõi bệnh nhân (08209); model: BSM-2301K; seri: 08209; hãng sx: Nihon-Koden	Nhật	2004	2004	cái	1	82.500.000	82.500.000	82.500.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
344	Máy giúp thở SS1200; model: Lotus SS-1200; seri: 0406008U; hãng sx: Shin- ei	Nhật		2004	cái	1	70.400.000	70.400.000	70.400.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
345	Máy gây mê Muraco Model MALLO; model: MA-110; seri: 1139; hãng sx: Muracoma 110	Nhật		1994	cái	1	75.949.000	75.949.000	75.949.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
346	Máy SA Logging S7 Expert; model: S7; seri: 249839SU2; hãng sx: GE	Trung Quốc	2014	2014	cái	1	65.000.000	65.000.000	65.000.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
347	Máy SA Logging S7 Expert; model: S7; seri: 249837SU6; hãng sx: GE	Trung Quốc	2014	2016	cái	1	65.000.000	65.000.000		65.000.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
348	Monitor theo dõi BN 5 thông số; model: PV2701; seri: 07705; hãng sx: Nihon Kohden	Nhật	2015	2015	cái	1	90.300.000	90.300.000		90.300.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
349	Máy châm cứu 6 giác Great WallKWD-8081; model: KWD-8081; hãng sx: Great Wall	Trung quốc	2022	2022	Cái	1	1.722.000	1.722.000		1.722.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
350	Dụng cụ tập trợ giúp cử động tay ; hãng sx: PHANA	Việt Nam	2011	2011	Cái	1	136.500	136.500		136.500	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
351	Máy SPO2 ; model: Sonata F6; hãng sx: Không có	Hongkong	2016	2016	Cái	1	1.300.000	1.300.000		1.300.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
352	Máy đo nồng độ oxy Microlife; hãng sx: Microlife	Trung quốc	2022	2022	Cái	1	840.000	840.000		840.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
353	Giường kéo cột sống ; hãng sx: Không có	Việt Nam	2001	2001	Cái	1	1.930.000	1.930.000		1.930.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
354	Máy ly tâm 6 ống; model: UC-06R; seri: 80514112; hãng sx: Unicare	Trung Quốc	2018	2018	Cái	1	1.600.000	1.600.000		1.600.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
355	Máy ly tâm 12 ống UC-012S; model: UC-012S; seri: 80314032; hãng sx: Unicare	Trung Quốc	2018	2018	Cái	1	2.200.000	2.200.000		2.200.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
356	Máy VLTL đa năng MF,508 (3 chức năng); model: MF5-08; seri: 000144; hãng sx: BỘ QUỐC PHÒNG	Việt Nam	2015	2015	Cái	1	3.550.000	3.550.000		3.550.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
357	Máy VLTL đa năng MPT8-12 (5 chức năng); model: MPT8-12; seri: 000.005.227; hãng sx: BỘ QUỐC PHÒNG	Việt Nam	2015	2015	Cái	1	4.000.000	4.000.000	4.000.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
358	Xe đẩy thuốc ; hãng sx: Mộc Thành Trang	Việt Nam	2019	2019	Cái	1	2.530.000	2.530.000	2.530.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
359	Giường hồi sức điều khiển điện YFD5611K; model: YFD 5611K; hãng sx: Yongfa	Trung Quốc	2014	2024	Cái	1	30.338.000	30.338.000	30.338.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
360	Giường hồi sức điều khiển điện YFD5611K; model: YFD 5611K; hãng sx: Yongfa	Trung Quốc	2014	2024	Cái	1	30.338.000	30.338.000	30.338.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
361	Bàn khám tai mũi họng - Việt Nam	Việt Nam	2011	2011	Cái	1	29.890.000	29.890.000	29.890.000	0		1		hư không sử dụng		
362	Bộ dụng cụ nội soi thanh quản	Trung Quốc	2001	2001	Cái	1	23.100.000	23.100.000	23.100.000	0		1		hư không sử dụng		
363	Đèn mô 2 nhánh ánh sáng lạnh (5-7 bóng) + Tủ điện điều khiển; model: CHS-7LH ; seri: LH7010018; hãng sx: Choongwae	Hàn Quốc	2001	2001	Cái	1	69.659.483	69.659.483	69.659.483	0		1		hư không sử dụng		
364	Đèn mô 2 nhánh ánh sáng lạnh (5-7 bóng) + Tủ điện điều khiển; model: CHS-7LH ; seri: LH5000042; hãng sx: Choongwae	Hàn Quốc	2001	2001	Cái	1	69.659.483	69.659.483	69.659.483	0		1		hư không sử dụng		
365	Đèn mô 2 nhánh ánh sáng lạnh (5-7 bóng) + Tủ điện điều khiển; model: CHS.SLH ; seri: 40056; hãng sx: Chongwae	Hàn Quốc	2001	2001	Cái	1	69.659.483	69.659.483	69.659.483	0		1		hư không sử dụng		
366	Đèn mô treo trần 2 nhánh AS lạnh + Tủ điện điều khiển; model: CHS.SLH 7 ; seri: LH5010012; hãng sx: Chongwae	Hàn Quốc	2004	2004	Cái	1	97.335.000	97.335.000	97.335.000	0		1		hư không sử dụng		

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
367	Đèn Riester cầm điện ; USEON LY; model: USEON LY; seri: 016249; hãng sx: Riester	Đức	2009	2009	Cái	1	9.850.000	9.850.000	9.850.000	0		1		hư không sử dụng		
368	Giường Inox KT: (195x90x55) cm			2005	Cái	72	2.601.000	187.272.000	187.272.000	0		72		hư không sử dụng		
369	Hệ thống nội soi (Bộ Nguồn Sáng + Camera VH7) (Ong NS 004mm, 7006mm, dây dẫn sáng 1,8mx5mm) - Cty Hải Vân - VH7; model: VH7 ; hãng sx: Cty Hải Vân	Việt Nam	2008	2008	Cái	1	46.473.000	46.473.000	46.473.000	0		1		hư không sử dụng		
370	Hệ thống nội soi tai mũi họng { - Monitor (AH14F0927B004); - Nguồn sáng lạnh CT-300 (A10061038); - Camera nội soi (11DG3000036)} - Gyeongbok - CT-300 - AH14F0927B004; model: CT-300; seri: AH14F0927B004; hãng sx: Gyeongbok	Hàn Quốc	2010	2010	Cái	1	140.850.000	140.850.000	140.850.000	0		1		hư không sử dụng		
371	Lồng áp sơ sinh OHMEDA + Kệ đỡ 2 cánh, 2 ngăn (150 x 55 x 170) cm; model: CARE PLUS 2000 ; seri: 6600-0275-901; hãng sx: DATEX - OHMEDA	Mỹ	2004	2004	Cái	1	124.200.000	124.200.000	124.200.000	0		1		hư không sử dụng		
372	Máy bơm tiêm tự động Syringe Pump; model: TOP-5300 ; seri: BM19588E.; hãng sx: TOP	Nhật	2007	2007	Cái	1	14.850.000	14.850.000	14.850.000	0		1		hư không sử dụng		
373	Máy cắt đốt cao tần Bovie - Bovie - IDS-300 - BV1504005; model: IDS-300 ; seri: BV1504005; hãng sx: Bovie	Mỹ	2004	2004	Cái	1	99.750.000	99.750.000	99.750.000	0		1		hư không sử dụng		
374	Máy cắt đốt điện phẫu thuật cao tần 300W; model: HM930; seri: DT4AIE007; hãng sx: HILLMED	Mỹ	2008	2008	Cái	1	141.000.000	141.000.000	141.000.000	0		1		hư không sử dụng		

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
375	Máy cắt đốt điện phẫu thuật cao tần 300W HILL-MED HM-930; model: HM930 ; seri: HM30505001C; hãng sx: HILL-MED	Mỹ	2004	2004	Cái	1	121.506.000	121.506.000	121.506.000	0		1		hư không sử dụng		
376	Máy điện di cao cấp Aqua Mesoderm; model: AQUA MESODERM ; seri: 090149; hãng sx: SENSOL	Italya	2011	2011	Cái	1	170.940.000	170.940.000	170.940.000	0		1		hư không sử dụng		
377	Máy đo điện tim Schiller; model: AT-01; seri: 190-72031; hãng sx: Schiller	Thụy sĩ	2011	2011	Cái	1	33.000.000	33.000.000	33.000.000	0		1		hư không sử dụng		
378	Máy đo độ bão hoà Oxy trong máu OXYON; model: OXYON ; seri: OA008A0068; hãng sx: INFINIUM	Mỹ	2008	2008	Cái	1	23.500.000	23.500.000	23.500.000	0		1		hư không sử dụng		
379	Máy đo SpO2 cầm tay VM-2160; model: VM-2160; seri: 50001669; hãng sx: VIAMED	Đức	2011	2011	Cái	1	25.935.000	25.935.000	25.935.000	0		1		hư không sử dụng		
380	Máy giúp thở Lotus Ventilator ; model: SS - 1200 ; seri: 0309013U; hãng sx: Shin Ei	Nhật	2003	2003	Cái	1	99.500.000	99.500.000	99.500.000	0		1		hư không sử dụng		
381	Máy giúp thở Lotus Ventilator ; model: SS - 1200 ; seri: 0406007U; hãng sx: Shin Ei	Nhật	2007	2007	Cái	1	78.000.000	78.000.000	78.000.000	0		1		hư không sử dụng		
382	Máy kim châm tự động Tri-M; model: TMW110-KA0500N10 ; seri: TM320109130761; hãng sx: TRI-M	Hàn Quốc	2011	2011	Cái	1	22.638.000	22.638.000	22.638.000	0		1		hư không sử dụng		
383	Máy Monitor theo dõi bệnh nhân 750E-3 (5 thông số); model: 0,75; seri: 1346056; hãng sx: Casmed	Mỹ	2014	2014	Cái	1	95.000.000	95.000.000	95.000.000	0		1		hư không sử dụng		
384	Máy phun sương tự động AEROSEPT; model: 100VF ; seri: A1V2917; hãng sx: ANIOS	Pháp	2008	2008	Cái	1	73.432.500	73.432.500	73.432.500	0		1		hư không sử dụng		

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
385	Máy siêu âm Sonopuls 590 (+ 2 Đầu dò1MHz; + 1 Đầu dò 3MHz); model: Sonopuls 590 ; seri: 17685; hãng sx: Enraf - Nonius	Hà Lan	2002	2002	Cái	1	56.240.000	56.240.000	56.240.000	0		1		hư không sử dụng		
386	Nguồn sáng nội soi XENON GL-350D, ; model: GL-350D ; seri: 0505182; hãng sx: HANGZHOU	Trung Quốc	2004	2004	Cái	1	29.192.500	29.192.500	29.192.500	0		1		hư không sử dụng		
387	Xe băng ca inox có bánh xe (180 x 65 x 100) cm	Việt Nam	2007	2007	Cái	3	3.553.000	10.659.000	10.659.000	0		3		hư không sử dụng		
388	Xe băng ca inox có bánh xe (180 x 65 x 100) cm	Việt Nam		2007	Cái	4	3.553.000	14.212.000	14.212.000	0		4		hư không sử dụng		
389	Máy hút dịch Yuwell; model: 7A-23D; hãng sx: Yu Yue	Trung Quốc	2018	2018	Cái	5	2.835.000	14.175.000	14.175.000			5		hư không sử dụng		
390	Máy hút dịch Yuwell 7A-23D; model: 7A-23D; hãng sx: Yu Yue	Trung Quốc		2005	Cái	6	1.850.000	11.100.000	11.100.000	0		6		hư không sử dụng		
391	Tủ mát lưu mẫu WESTPOIN; WPS360X; model: WPS360X	Việt Nam	2015	2015	Cái	1	7.260.000	7.260.000	7.260.000			1		hư không sử dụng		
392	Tủ y tế Alaska MS-166; Alaska MS-166; model: Alaska MS-166; seri: 227530; hãng sx: Alaska	MALAYSIA	2011	2012	Cái	1	7.260.000	7.260.000	7.260.000	0		1		hư không sử dụng		
393	Bàn khám phụ khoa inox (125 c 75 x 70) cm	Việt Nam	2005	2005	Cái	1	1.800.000	1.800.000	1.800.000	0		1		hư không sử dụng		
394	Bàn khám phụ khoa inox (125 c 75 x 70) cm	Việt Nam	2001	2001	Cái	1	1.800.000	1.800.000	1.800.000	0		1		hư không sử dụng		
395	Băng ca chuyên bệnh inox	Việt Nam	2002	2002	Cái	1	3.000.000	3.000.000	3.000.000	0		1		hư không sử dụng		
396	Bục bước chân Inox 2 nấc KT: (50x40x30) cm	Việt Nam	2001	2001	Cái	1	250.000	250.000	250.000	0		1		hư không sử dụng		

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
397	Cây dịch truyền	Việt Nam	2022	2022	Cái	2	200.000	400.000		400.000	0		2		hư không sử dụng	
398	Ghế tròn xoay Inox	Việt nam		2004	Cái	1	1.140.000	1.140.000		1.140.000	0		1		hư không sử dụng	
399	Ghế tròn xoay Inox	Việt nam		2004	Cái	1	1.140.000	1.140.000		1.140.000	0		1		hư không sử dụng	
400	Giường sắt (210x 90x 60) cm			1995	Cái	3	2.800.000	8.400.000		8.400.000	0		3		hư không sử dụng	
401	Xe đẩy 2 tầng (40 x 60) cm	Việt Nam	2005	2005	Cái	1	50.000	50.000		50.000	0		1		hư không sử dụng	
402	Xe đẩy 2 tầng (80 x 40) cm	Việt Nam	2005	2005	Cái	2	50.000	100.000		100.000	0		2		hư không sử dụng	
403	Xe inox 2 tầng (50 x 80 x 80) cm	Việt nam		2002	Cái	1	600.000	600.000		600.000	0		1		hư không sử dụng	
404	Xe inox 2 tầng (50 x 80 x 80) cm	Việt nam		2002	Cái	1	600.000	600.000		600.000	0		1		hư không sử dụng	
405	Xe inox 3 thanh chắn trên (35x60x80) cm	Việt Nam	2014	2014	Cái	1	400.000	400.000		400.000	0		1		hư không sử dụng	
406	Xe làm thuốc inox 2 tầng (90x50x95) cm	Việt Nam	2005	2005	Cái	1	500.000	500.000		500.000	0		1		hư không sử dụng	
407	Xe lăn Inox bánh mâm (105x45x90) cm; Phana; model: Phana; hãng sx: Phana	Việt Nam		2019	Cái	1	2.950.000	2.950.000		2.950.000	0		1		hư không sử dụng	
408	Xe ngồi đẩy NB	Việt Nam		2018	Cái	1	1.893.120	1.893.120		1.893.120	0		1		hư không sử dụng	
409	Xe ngồi đẩy NB	Việt Nam		2018	Cái	1	1.893.120	1.893.120		1.893.120	0		1		hư không sử dụng	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
410	Xe ngồi đẩy NB	Việt Nam		2018	Cái	1	1.893.120	1.893.120		1.893.120	0		1		hư không sử dụng	
411	Xe băng ca inox có bánh xe (200 x 75 x 90) cm	Việt Nam		2002	Cái	1	3.000.000	3.000.000		3.000.000	0		1		hư không sử dụng	
412	Máy hút dịch; YuYue 7A-23D; model: YuYue 7A-23D	Trung Quốc	2014	2014	Cái	1	3.600.000	3.600.000		3.600.000	0		1		hư không sử dụng	
413	Đèn Clar Tian Song (Soi tai mũi họng); hãng sx: Tian Song	Trung Quốc	2014	2014	Cái	1	8.200.000	8.200.000		8.200.000	0		1		hư không sử dụng	
414	Đèn Clar; KD-202A; model: KD-202A; seri: A1109126A2	Trung Quốc	2013	2013	Cái	1	9.850.000	9.850.000		9.850.000	0		1		hư không sử dụng	
415	Đèn khám tai mũi họng cầm tay (dùng pin); No. 3010; model: No. 3010; seri: LOT 420087; hãng sx: Riester	Đức	2017	2017	Cái	1	9.500.000	9.500.000		9.500.000	0		1		hư không sử dụng	
416	Monitor theo dõi bệnh nhân; model: BSM 5135K; seri: 281; hãng sx: Nihon Kohden	Nhật Bản	2007	2007	cái	1	247.800.000	247.800.000		247.800.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
417	Monitor theo dõi BN dùng trong phẫu thuật; model: BSM-5135K; seri: 467; hãng sx: Nihon Kohden	Nhật Bản	2011	2011	cái	1	495.000.000	495.000.000		495.000.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
418	Monitor theo dõi bệnh nhân; model: BSM-5135K; seri: 280; hãng sx: Nihon Kohden	Nhật Bản		2007	cái	1	247.800.000	247.800.000		247.800.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
419	Máy cắt đốt dùng trong phẫu thuật; model: Force FX; seri: F1E67802Ax; hãng sx: Valleylab	Mỹ	2011	2011	cái	1	215.000.000	215.000.000		215.000.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
420	Máy soi đường mắt Olympus (ống nội soi mềm 4 hướng); model: CHF-P20Q; seri: 1420474; hãng sx: Olympus	Nhật Bản		2005	cái	1	202.440.000	202.440.000	202.440.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
421	Máy cắt đốt siêu âm Harmonic Scalpel GEN-2; model: G220; seri: 83252; hãng sx: Hamonic – Scalpel			2001	cái	1	313.212.500	313.212.500	313.212.500	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
422	Máy cắt đốt bằng tia Argon - Ligasure 8; model: Ligasure 8; seri: L4J7909V; hãng sx: Valleylab	Hoa Kỳ	2004	2005	cái	1	344.000.000	344.000.000	344.000.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
423	Dao cắt đốt Sonosurg G2 (Máy cắt đốt Sonosurg); model: Sonosurg G-2; seri: 9422147; hãng sx: Olympus	Nhật Bản		2005	cái	1	470.400.000	470.400.000	470.400.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
424	Monitor theo dõi bệnh nhân; model: BSM-5135K; seri: 00282; hãng sx: Nihon Kohden	Nhật	2007	2007	cái	1	247.800.000	247.800.000	247.800.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
425	Máy sóng ngắn trị liệu DJO - T5311 giao phòng KHTH- tổ VLTL; model: Intellect Shortwave 100; seri: T5311; hãng sx: DJO	Mỹ	2016	2016	cái	1	248.000.000	248.000.000	248.000.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
426	Khối đo nồng độ khí mê và phụ kiện NIHON; model: GF210R; seri: 00186; hãng sx: Nihon Kohden	Nhật	2015	2015	cái	1	252.000.000	252.000.000	252.000.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
427	Máy X quang di động cao tần; seri: 0262P83408; hãng sx: Shimadzu	Nhật	2006	2006	cái	1	302.100.000	302.100.000	302.100.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
428	Máy X quang di động cao tần; seri: 0262P83510; hãng sx: Shimadzu	Nhật	2006	2006	cái	1	302.100.000	302.100.000		302.100.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
429	Hệ thống máy mê số 9 (Máy mê và máy giúp thờ Datex Ohmeda); model: Aestiva 7100; seri: AMVJ 00148; hãng sx: Datex Ohmeda	Mỹ	2005	2005	cái	1	389.900.000	389.900.000		389.900.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
430	Hệ thống máy mê số 16 (Máy mê và máy giúp thờ Datex Ohmeda); model: Aestiva 7100; seri: AMVJ00147; hãng sx: Datex Ohmeda	Mỹ	2005	2005	cái	1	389.900.000	389.900.000		389.900.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
431	Máy tán sỏi tiết niệu bằng sóng siêu âm qua K. Nội soi; model: LUS-2; seri: 7620317; hãng sx: Olympus	Nhật	2005	2006	cái	1	398.000.000	398.000.000		398.000.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
432	Đèn mổ; model: Dome Lux 7272; seri: E087-E1-0001; hãng sx: Trident	Đài Loan		2005	cái	1	407.400.000	407.400.000		407.400.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
433	Đèn mổ; model: Dome Lux 7272; seri: E087-E1-0002; hãng sx: Trident	Đài Loan		2005	cái	1	407.400.000	407.400.000		407.400.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
434	Máy siêu âm đen trắng 2 đầu dò; model: Logiq C3 Premium; seri: 275662WX5; hãng sx: GE	Trung Quốc	2012	2013	cái	1	414.000.000	414.000.000		414.000.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
435	Máy siêu âm đen trắng 2 đầu dò ; model: Logiq C3 Premium; seri: 275661WX7; hãng sx: GE	Trung Quốc	2012	2013	cái	1	414.000.000	414.000.000	414.000.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
436	Máy siêu âm đen trắng 2 đầu dò ; model: Logiq C3 Premium; seri: 275663WX3; hãng sx: GE	Trung Quốc	2012	2013	cái	1	414.000.000	414.000.000	414.000.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
437	Bàn mổ; model: Drmax 7000SK ; seri: A026-E10001; hãng sx: A&E	Đài Loan		2005	cái	1	470.925.000	470.925.000	470.925.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
438	Monitor theo dõi bệnh nhân; model: BSM-5135K; seri: 00468; hãng sx: Nihon Kohden	Nhật	2010	2011	cái	1	495.000.000	495.000.000	495.000.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
439	Máy gây mê kèm giúp thở người lớn/trẻ em; model: Aespire 7100; seri: AMXU00172; hãng sx: GE	Mỹ	2014	2015	cái	1	499.000.000	499.000.000	499.000.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
440	Máy gây mê kèm giúp thở người lớn/trẻ em; model: Aespire 7100; seri: AMXU00180; hãng sx: GE	Mỹ	2016	2016	cái	1	499.000.000	499.000.000	499.000.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
441	Máy Laser CO2 FACTIONAL; model: KLCO2 LASER FACTIONAL ; seri: KLC 40005206; hãng sx: FACTIONAL	Trung Quốc	2011	2011	Cái	1	280.000.000	280.000.000	280.000.000	0		1		hư không sử dụng		
442	Máy cắt đốt điện Colator II - Arthrocare/Mỹ - Coblator II - C10281; model: Coblator II; seri: C10281; hãng sx: Arthrocare/Mỹ	Costa Rica	2010	2010	Cái	1	248.625.000	248.625.000	248.625.000	0		1		hư không sử dụng		

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
443	Máy Siêu âm trắng đen 2 đầu dò - Esaote - MYLAB 15 - 10239025; model: MYLAB 15; seri: 10239025; hãng sx: Esaote	Hà Lan	2010	2010	Cái	1	342.500.000	342.500.000	342.500.000	0		1		hư không sử dụng		
444	Máy Siêu âm trắng đen 2 đầu dò - Esaote - MYLAB 15 - 10239026; model: MYLAB 15; seri: 10239026; hãng sx: Esaote	Hà Lan	2010	2010	Cái	1	342.500.000	342.500.000	342.500.000	0		1		hư không sử dụng		
445	Máy phân tích huyết học tự động 18 thông số - Abbott - CELL-DYN 1800 - 23868AY; model: CELL-DYN 1800; seri: 23868AY; hãng sx: Abbott	Mỹ	2010	2010	Cái	1	393.000.000	393.000.000	393.000.000	0		1		hư không sử dụng		
446	Máy giúp thở tự động E100 New Port - NEWPORT - E 100M - 011MG510; model: E 100M ; seri: 011MG510; hãng sx: NEWPORT	Mỹ	2003	2003	Cái	1	216.499.500	216.499.500	216.499.500	0		1		hư không sử dụng		
447	Máy photocopy; model: IR-1024; seri: DQT21211; hãng sx: Canon	Trung Quốc		2013	cái	1	19.000.000	19.000.000	19.000.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
448	Máy fax; model: L-140; seri: GRS16446; hãng sx: Canon	Trung Quốc		2013	cái	1	7.200.000	7.200.000	7.200.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
449	Máy fax; model: L-140; seri: CRU67519; hãng sx: Canon	Hàn Quốc	2008	2009	cái	1	6.298.000	6.298.000	6.298.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
450	Máy photocopy; model: IR 1024; seri: DQT00161; hãng sx: Canon	Trung Quốc	2009	2009	cái	1	20.400.000	20.400.000	20.400.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
451	Máy photocopy; model: IR1022; seri: MFP11815; hãng sx: Canon	Trung Quốc		2008	cái	1	19.544.000	19.544.000		19.544.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
452	Máy photocopy; model: IR2004N; seri: WQ07442; hãng sx: Canon	Trung Quốc		2018	cái	1	27.200.000	27.200.000		27.200.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
453	Bộ máy tính; model: AE1900; hãng sx: MSI	Trung Quốc		2010	2010	Bộ	1	11.891.000	11.891.000		11.891.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
454	Bộ máy tính; model: Core Duo E5700; hãng sx: Việt Nam lắp ráp	Trung Quốc		2010	2010	Bộ	1	10.335.905	10.335.905		10.335.905	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
455	Bộ máy tính; model: Core Duo E7500; hãng sx: Việt Nam lắp ráp	Trung Quốc		2011	2011	Bộ	1	10.780.375	10.780.375		10.780.375	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
456	Bộ máy tính; model: AE 1920; hãng sx: MSI	Trung Quốc		2011	2011	Bộ	1	12.163.635	12.163.635		12.163.635	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
457	Bộ máy tính; model: Core i3-540; hãng sx: Việt Nam lắp ráp	Trung Quốc		2011	2011	Bộ	1	15.115.296	15.115.296		15.115.296	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
458	Bộ máy tính; model: Core i3-2100; hãng sx: Việt Nam lắp ráp	Trung Quốc	2012	2012	Bộ	1	11.130.000	11.130.000		11.130.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
459	Bộ máy tính; model: Optiplex 390; seri: 94MJG2S; hãng sx: Dell	Malaysia	2013	2013	Bộ	1	12.100.000	12.100.000		12.100.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
460	Bộ máy tính; model: Optiplex 390; seri: 59MJG2S; hãng sx: Dell	Malaysia	2013	2013	Bộ	1	12.100.000	12.100.000		12.100.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
461	Máy in mã vạch; model: Intermec PF8t; seri: 0671250002; hãng sx: Intermec	Đài loan	2012	2012	Cái	1	11.270.000	11.270.000		11.270.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
462	Máy in mã vạch; model: Intermec PF8t; seri: 0671250004; hãng sx: Intermec	Đài loan	2013	2013	Cái	1	11.235.500	11.235.500		11.235.500	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
463	Máy chiếu; model: VPL-EW295; seri: 5104239; hãng sx: Sony	Trung Quốc	2015	2015	Cái	1	37.815.800	37.815.800		37.815.800	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
464	Bộ máy tính; model: Duo Core Q8200; hãng sx: Việt Nam lắp ráp	Trung Quốc	2009	2009	Bộ	1	19.723.050	19.723.050	19.723.050	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
465	Tủ Rack chứa server; model: AR3100; seri: 8N836A01416; hãng sx: APC	Trung Quốc	2009	2009	Cái	1	61.805.000	61.805.000	61.805.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
466	Bộ máy tính; model: AE1900; hãng sx: MSI	Trung Quốc	2010	2010	Bộ	1	11.821.300	11.821.300	11.821.300	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
467	Bộ máy tính; model: Core i3-2100; hãng sx: Việt Nam lắp ráp	Trung Quốc	2011	2011	Bộ	1	10.559.725	10.559.725	10.559.725	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
468	Bộ máy tính; model: Core i3-2100; hãng sx: Việt Nam lắp ráp	Trung Quốc	2011	2011	Bộ	1	10.559.725	10.559.725	10.559.725	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
469	Bộ máy tính; model: Core i3-2100; hãng sx: Việt Nam lắp ráp	Trung Quốc	2011	2011	Bộ	1	10.559.725	10.559.725		10.559.725	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
470	Bộ máy tính; model: Core i3-2100; hãng sx: Việt Nam lắp ráp	Trung Quốc	2011	2011	Bộ	1	10.559.725	10.559.725		10.559.725	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
471	Bộ máy tính; model: Core i3-540; hãng sx: Việt Nam lắp ráp	Trung Quốc	2011	2011	Bộ	1	10.043.000	10.043.000		10.043.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
472	Bộ máy tính; model: Core i5-2400; hãng sx: Việt Nam lắp ráp	Trung Quốc	2011	2011	Bộ	1	18.550.000	18.550.000		18.550.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
473	Bộ máy tính; model: Core i3-2100; hãng sx: Việt Nam lắp ráp	Trung Quốc	2011	2011	Bộ	1	11.341.000	11.341.000		11.341.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
474	Bộ máy tính; model: Core i3-2100; hãng sx: Việt Nam lắp ráp	Trung Quốc	2012	2012	Bộ	1	11.243.650	11.243.650		11.243.650	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
475	Bộ máy tính; model: Core i3-2100; hãng sx: Việt Nam lắp ráp	Trung Quốc	2012	2012	Bộ	1	12.915.000	12.915.000	12.915.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
476	Bộ máy tính; model: Optiplex 390; seri: 93MJG2S; hãng sx: Dell	Malaysia	2013	2013	Bộ	1	12.100.000	12.100.000	12.100.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
477	Bộ máy tính; model: Optiplex 390; seri: 3KMVD2S; hãng sx: Dell	Malaysia	2012	2012	Bộ	1	11.957.000	11.957.000	11.957.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
478	Máy tính xách tay; model: 3400 GDN; seri: JJ3Q9N1; hãng sx: Dell	Malaysia	2012	2012	Cái	1	11.770.000	11.770.000	11.770.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
479	Máy in laser trắng đen; model: M401DN; seri: VNC4701103; hãng sx: HP	Việt Nam	2012	2012	Cái	1	10.668.900	10.668.900	10.668.900	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		
480	Tivi; model: 42LS4600; seri: 210VNWPOF209; hãng sx: LG	Việt Nam	2012	2012	Cái	1	10.990.000	10.990.000	10.990.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng		

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
481	Máy in mã vạch; model: PF8T; seri: 8731051758; hãng sx: Intermec	Trung Quốc	2013	2013	Cái	1	13.112.000	13.112.000		13.112.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
482	Máy in laser trắng đen; model: M401DN; seri: VNC3500041; hãng sx: HP	Việt Nam	2012	2012	Cái	1	10.668.900	10.668.900		10.668.900	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
483	Máy in laser trắng đen; model: 1160; seri: CNM1H66583 ; hãng sx: HP	Trung Quốc	2015	2015	Cái	1	5.120.000	5.120.000		5.120.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
484	Máy in laser trắng đen; model: M401D; seri: VNH6D00052; hãng sx: HP	Việt Nam	2013	2013	Cái	1	7.733.000	7.733.000		7.733.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
485	Máy in màu nước; model: T60; seri: LCYK136572; hãng sx: Epson	Trung Quốc	2014	2014	Cái	1	4.994.000	4.994.000		4.994.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
486	Máy in mã vạch; model: PC43t; seri: 356C1430182; hãng sx: Intermec	Trung Quốc	2015	2015	Cái	1	12.100.000	12.100.000		12.100.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
487	Máy in Nhiệt; model: TM-T88IV; seri: L9LF013752; hãng sx: Epson	Trung Quốc	2012	2012	Cái	1	7.250.000	7.250.000		7.250.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
488	Máy in Nhiệt; model: TM-T88IV; seri: L9LF018212; hãng sx: Epson	Trung Quốc	2013	2013	Cái	1	6.261.200	6.261.200		6.261.200	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
489	Máy in laser trắng đen; model: 1020; seri: CNC2003257; hãng sx: HP	Trung Quốc	2015	2015	Cái	1	2.500.000	2.500.000		2.500.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
490	Máy in laser trắng đen; model: P2055D; seri: CNCJ304246; hãng sx: HP	Trung Quốc	2010	2010	Cái	1	9.570.000	9.570.000		9.570.000	0			1	Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
491	Máy in laser trắng đen; model: 1020; seri: CNC0511047; hãng sx: HP	Trung Quốc	2015	2015	Cái	1	2.500.000	2.500.000		2.500.000	0			1	Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
492	Máy in laser trắng đen; model: M401D; seri: VNH4Y01619; hãng sx: HP	Trung Quốc	2013	2013	Cái	1	8.520.000	8.520.000		8.520.000	0			1	Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
493	Máy in laser trắng đen; model: M401DN; seri: VNH3G05081; hãng sx: HP	Trung Quốc	2015	2015	Cái	1	12.100.000	12.100.000		12.100.000	0			1	Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
494	Máy in laser trắng đen; model: M401D; seri: VNH4Y01428; hãng sx: HP	Trung Quốc	2014	2014	Cái	1	7.238.000	7.238.000		7.238.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
495	Máy in laser màu; model: M252dw; seri: VNC3Y03988; hãng sx: HP	Việt Nam	2017	2017	Cái	1	12.600.000	12.600.000		12.600.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
496	Máy in mã vạch; model: PC43t; seri: 130C1930020; hãng sx: Intermec	Trung Quốc	2017	2017	Cái	1	9.559.000	9.559.000		9.559.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
497	Máy in mã vạch; model: PC43t; seri: 153C1230026; hãng sx: Intermec	Trung Quốc	2015	2015	Cái	1	12.100.000	12.100.000		12.100.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
498	Máy in Nhiệt; model: TM-T88IV; seri: J54F018559; hãng sx: Epson	Trung Quốc	2013	2013	Cái	1	6.261.200	6.261.200		6.261.200	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
499	Máy in laser trắng đen; model: M401DN; seri: VNH3K45850; hãng sx: HP	Trung Quốc	2015	2015	Cái	1	7.999.992	7.999.992		7.999.992	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
500	Máy in laser trắng đen; model: M401D; seri: VNC3G02799; hãng sx: HP	Trung Quốc	2013	2013	Cái	1	8.520.000	8.520.000		8.520.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
501	Máy in laser trắng đen; model: HP LASER P2035; seri: CNC0424563; hãng sx: HP	Trung Quốc	2010	2010	Cái	1	6.499.400	6.499.400		6.499.400	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
502	Máy in + fax; model: M1319f MFP; seri: CNC283VHP5; hãng sx: HP	Trung Quốc	2008	2008	Cái	1	6.050.000	6.050.000		6.050.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
503	Tivi; model: 32CS410; seri: 301VNAX00400; hãng sx: LG	Việt Nam	2014	2014	Cái	1	6.300.000	6.300.000		6.300.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
504	Máy in laser màu; model: M252dw; seri: VNC3K06610; hãng sx: HP	Việt Nam	2017	2017	Cái	1	12.500.000	12.500.000		12.500.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
505	Quạt đứng HAIBIFAN QL; hãng sx: HAIBI	Việt Nam		2021	cái	3	332.933	998.800		998.800	0		3		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
506	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TL 15 OR 2.5 FE; seri: 318006784101 620091597; hãng sx: ARISTON	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.815.067	1.815.067		1.815.067	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
507	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TL 15 OR 2.5 FE; seri: 318006784101620091598; hãng sx: ARISTON	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.815.067	1.815.067		1.815.067	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
508	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TL 15 OR 2.5 FE; seri: 318006784100970046439; hãng sx: ARISTON	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.815.067	1.815.067		1.815.067	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
509	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TL 15 OR 2.5 FE; seri: 318006784101620091560; hãng sx: ARISTON	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.815.067	1.815.067		1.815.067	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
510	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TL 15 OR 2.5 FE; seri: 318006784101620091533; hãng sx: ARISTON	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.815.067	1.815.067		1.815.067	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
511	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TL 15 OR 2.5 FE; seri: 318006784101620091488; hãng sx: ARISTON	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.815.067	1.815.067		1.815.067	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
512	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TL 15 OR 2.5 FE; seri: 318006784101620091609; hãng sx: ARISTON	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.815.067	1.815.067		1.815.067	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
513	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TL 15 OR 2.5 FE; seri: 318006784101620091553; hãng sx: ARISTON	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.815.067	1.815.067		1.815.067	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
514	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TL 15 OR 2.5 FE; seri: 318006784101620091601; hãng sx: ARISTON	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.815.067	1.815.067		1.815.067	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
515	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TL 15 OR 2.5 FE; seri: 318006784101620091620; hãng sx: ARISTON	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.815.067	1.815.067		1.815.067	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
516	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TL 15 OR 2.5 FE; seri: 318006784101620091651; hãng sx: ARISTON	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.815.067	1.815.067		1.815.067	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
517	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TL 15 OR 2.5 FE; seri: 318006784101620091590; hãng sx: ARISTON	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.815.067	1.815.067		1.815.067	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
518	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TL 15 OR 2.5 FE; seri: 318006784101620091477; hãng sx: ARISTON	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.815.067	1.815.067		1.815.067	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
519	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TL 15 OR 2.5 FE; seri: 318006784100970046452; hãng sx: ARISTON	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.815.067	1.815.067		1.815.067	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
520	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TL 15 OR 2.5 FE; seri: 318006784101620091612; hãng sx: ARISTON	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.815.067	1.815.067		1.815.067	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
521	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TL 15 OR 2.5 FE; seri: 318006784101620091527; hãng sx: ARISTON	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.815.067	1.815.067		1.815.067	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
522	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TL 15 OR 2.5 FE; seri: 318006784101620091487; hãng sx: ARISTON	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.815.067	1.815.067		1.815.067	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
523	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TL 15 OR 2.5 FE; seri: 318006784101620091640; hãng sx: ARISTON	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.815.067	1.815.067		1.815.067	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
524	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TL 15 OR 2.5 FE; seri: 318006784101620091666; hãng sx: ARISTON	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.815.067	1.815.067		1.815.067	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
525	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TL 15 OR 2.5 FE; seri: 318006784101620091521; hãng sx: ARISTON	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.815.067	1.815.067		1.815.067	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
526	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TL 15 OR 2.5 FE; seri: 318006784101620091661; hãng sx: ARISTON	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.815.067	1.815.067		1.815.067	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
527	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TL 15 OR 2.5 FE; seri: 318006784101620091668; hãng sx: ARISTON	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.815.067	1.815.067		1.815.067	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
528	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TL 15 OR 2.5 FE; seri: 318029384163431142940; hãng sx: ARISTON	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.815.067	1.815.067		1.815.067	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
529	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TL 15 OR 2.5 FE; seri: 318006784101620091632; hãng sx: ARISTON	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.815.067	1.815.067		1.815.067	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
530	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TL 15 OR 2.5 FE; seri: 318006784101620091520; hãng sx: ARISTON	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.815.067	1.815.067		1.815.067	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
531	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TL 15 OR 2.5 FE; seri: 318006784101620091446; hãng sx: ARISTON	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.815.067	1.815.067		1.815.067	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
532	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TL 15 OR 2.5 FE; seri: 318006784101620091544; hãng sx: ARISTON	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.815.067	1.815.067		1.815.067	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
533	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TL 15 OR 2.5 FE; seri: 318006784101620091648; hãng sx: ARISTON	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.815.067	1.815.067		1.815.067	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
534	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TL 15 OR 2.5 FE; seri: 318006784101390072188; hãng sx: ARISTON	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.815.067	1.815.067		1.815.067	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
535	Máy nước nóng gián tiếp 30L; model: Star N30R25FE; seri: 318029484160513012620; hãng sx: ARISTON	Việt Nam	2010	2018	cái	1	3.150.000	3.150.000		3.150.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
536	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TL 15 OR 2.5 FE; seri: 318006784101620091567; hãng sx: ARISTON	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.815.067	1.815.067		1.815.067	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
537	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TL 15 OR 2.5 FE; seri: 318006784101620091679; hãng sx: ARISTON	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.815.067	1.815.067		1.815.067	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
538	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TL 15 OR 2.5 FE; seri: 318006784101620091551; hãng sx: ARISTON	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.815.067	1.815.067		1.815.067	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
539	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TL 15 OR 2.5 FE; seri: 318006784100970046407; hãng sx: ARISTON	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.815.067	1.815.067		1.815.067	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
540	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: AN 15 R 2.5 FE; seri: 318027084151333043439; hãng sx: ARISTON	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.815.067	1.815.067		1.815.067	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
541	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TL 15 OR 2.5 FE; seri: 318006784101620091595; hãng sx: ARISTON	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.815.067	1.815.067		1.815.067	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
542	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: AN 15R 2.5FE; seri: 318027084151333043438; hãng sx: ARISTON	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.815.067	1.815.067		1.815.067	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
543	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: AN 15R 2.5FE; seri: 318027084151333043468; hãng sx: ARISTON	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.815.067	1.815.067		1.815.067	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng
544	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: AN 15R 2.5FE; seri: 318006784100970046385; hãng sx: ARISTON	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.815.067	1.815.067		1.815.067	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
545	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: AN 15R 2.5FE; seri: 318027084151333043446; hãng sx: ARISTON	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.815.067	1.815.067	1.815.067	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
546	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TL 15 OR 2.5 FE; seri: 318006784101390072215; hãng sx: ARISTON	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.815.067	1.815.067	1.815.067	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
547	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: AN 15R 2.5FE; seri: 318027084151333043428; hãng sx: ARISTON	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.815.067	1.815.067	1.815.067	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
548	Máy nước uống 3 vòi; model: CA3.UV; seri: 05423; hãng sx: Trường Tiền	Việt Nam	2013	2013	cái	1	9.856.000	9.856.000	9.856.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
549	Tủ lạnh; model: RKC52; hãng sx: West Point	Malaysia		2013	cái	1	1.650.000	1.650.000	1.650.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
550	Tủ lạnh; model: SR-5KR; seri: 7DH01356; hãng sx: Sanyo	Việt Nam		2014	cái	1	2.550.000	2.550.000	2.550.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
551	Tủ lạnh; model: SR-9JR (SS); seri: 4S008562; hãng sx: Sanyo	Việt Nam		2013	cái	1	2.992.000	2.992.000	2.992.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
552	Máy lạnh; model: FTV50AXV1V; seri: K000223; hãng sx: Daikin	Việt Nam	2015	2015	cái	1	15.558.000	15.558.000	15.558.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
553	Máy lạnh; model: FTE50LV1V; hãng sx: Daikin	Việt Nam		2013	cái	1	15.486.000	15.486.000	15.486.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
554	Máy lạnh; hãng sx: Daikin	Việt Nam		2013	cái	1	15.480.000	15.480.000	15.480.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
555	Máy lạnh; model: FTE50LV1V; seri: E016097; hãng sx: Daikin	Malaysia		2018	cái	1	15.450.000	15.450.000	15.450.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
556	Máy lạnh; model: FTNE50MV1V; seri: E095501; hãng sx: Daikin	Malaysia		2018	cái	1	15.650.000	15.650.000	15.650.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
557	Máy lạnh; seri: E012097; hãng sx: Daikin	Thái Lan		2013	cái	1	15.480.000	15.480.000	15.480.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
558	Máy lạnh; model: FTE35FV1; seri: E054045; hãng sx: Daikin	Thái Lan			cái	1	15.480.000	15.480.000	15.480.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
559	Máy lạnh; model: 18SKPX-V; seri: 22500059; hãng sx: Toshiba	Thái Lan	2012	2012	cái	1	16.599.000	16.599.000	16.599.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
560	Máy lạnh; model: 12SKPX-V2; seri: 22500279; hãng sx: Toshiba	Thái Lan	2012	2012	cái	1	16.140.300	16.140.300	16.140.300	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
561	Máy lạnh; model: FTE50LV1V; seri: E008836; hãng sx: Daikin	Thái Lan	2013		cái	1	15.486.000	15.486.000	15.486.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
562	Máy lạnh; model: CS-KC18KKH-8; seri: 7777701006; hãng sx: Panasonic	Malaysia	2010		cái	1	15.500.000	15.500.000	15.500.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
563	Máy lạnh; model: CS-PC12GKH; seri: 7887218102; hãng sx: Panasonic	Malaysia	2011	2012	cái	1	11.701.800	11.701.800	11.701.800	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
564	Máy lạnh; model: CS-KC12MKH-8; seri: 2420748663; hãng sx: Panasonic	Malaysia	2011	2011	cái	1	10.871.000	10.871.000	10.871.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
565	Máy lạnh; model: CS-KC18KKH-8; hãng sx: Panasonic	Malaysia		2013	cái	1	17.529.600	17.529.600	17.529.600	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
566	Máy lạnh; model: CS-PC18JKF; hãng sx: Panasonic	Malaysia		2010	cái	1	13.180.000	13.180.000	13.180.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
567	Máy lạnh; model: CS-KC18MKH-8; seri: 2420805213; hãng sx: Panasonic	Thái Lan	2012	2012	cái	1	14.338.500	14.338.500	14.338.500	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
568	Máy hút chân không hệ dầu 5HP; model: ULVAC; seri: 03010	Nhật		2014	cái	1	33.550.000	33.550.000	33.550.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
569	Camera quan sát	VN lắp ráp		2007	cái	1	74.274.366	74.274.366	74.274.366	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
570	Hệ thống camera quan sát khoa nội trú	VN lắp ráp		2008	cái	1	51.543.415	51.543.415	51.543.415	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
571	Ghế inox xanh; hãng sx: Xuân Hòa	Việt Nam		2014	cái	1	170.000	170.000		170.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
572	Locker sắt 12 ngăn				cái	1	4.169.000	4.169.000		4.169.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
573	Bàn kính (1200x600x500)mm	Việt Nam			cái	2	1.727.000	3.454.000		3.454.000	0		2		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
574	Máy nước nóng, lạnh; model: R28; seri: 581WD10250; hãng sx: Alaska	Malaysia	2012	2012	cái	1	2.650.000	2.650.000		2.650.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
575	Máy lạnh LG; model: F12CN; seri: HS-C126; hãng sx: LG	Việt Nam	2011	2011	bộ	1	8.690.000	8.690.000		8.690.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
576	Quạt treo tường; model: LiFan ; hãng sx: LiFan	Việt Nam	2005	2005	cái	1	175.000	175.000		175.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
577	Máy nước nóng ; model: DH-3RL2VH; seri: 908132055; hãng sx: Panasonic	Malaysia	2019	2019	cái	1	2.170.740	2.170.740		2.170.740	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
578	Máy nước nóng; model: DH-3RL2VH; seri: 908132066; hãng sx: Panasonic	Malaysia	2019	2019	cái	1	2.170.740	2.170.740		2.170.740	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
579	Máy nước nóng lạnh ; model: SWD-M25HC; seri: 510000356; hãng sx: Sanyo	Trung Quốc	2015	2015	cái	1	2.700.000	2.700.000		2.700.000	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
580	CPU máy tính; model: Intel Pentium SLGTH 3.0; seri: Máy bộ lắp ráp; hãng sx: Việt Nam lắp ráp	Trung Quốc	2012	2012	Cái	1	7.010.001	7.010.001		7.010.001	0		1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
581	Màn hình máy tính; model: E1715S; seri: CN05YJ8T641805151GJU; hãng sx: Dell	Trung Quốc	2015	2015	Cái	1	2.255.000	2.255.000	2.255.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
582	Màn hình máy tính; model: E1720NRX; seri: MPFRHYTB03217D; hãng sx: Samsung	Trung Quốc	2011	2011	Cái	1	2.045.454	2.045.454	2.045.454	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
583	CPU máy tính; model: Optiplex 3020; seri: BKNUY42; hãng sx: Dell	Trung Quốc	2015	2015	Cái	1	10.208.000	10.208.000	10.208.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
584	Máy hủy giấy; model: S-828; seri: 20041200595; hãng sx: Vision	Trung Quốc		2006	cái	1	2.150.000	2.150.000	2.150.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
585	Máy fax; model: FAX-L220; seri: TKD53094; hãng sx: Canon	Nhật Bản	2008	2008	cái	1	6.095.000	6.095.000	6.095.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	
586	Máy photocopy; model: IR2004N; seri: WDQ1231; hãng sx: Canon	Trung Quốc	2017	2017	cái	1	27.800.000	27.800.000	27.800.000	0			1		Tài sản sử dụng lâu ngày hư không còn sử dụng	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
587	Bộ máy vi tính G630; model: B1930N; seri: 1458HYTZ606051B; hãng sx: SAMSUNG	Trung quốc	2013	2013	Bộ	1	4.774.000	4.774.000	4.774.000	0		1		Hư		
588	Màn hình LCD 17" 1715S- Dell; model: Dell E1715s; seri: CN-05YJ8T-64180; hãng sx: DELL	Trung quốc	2015	2015	Cái	1	2.255.000	2.255.000	2.255.000	0		1		Hư		
589	Máy in Canon LBP 3300; model: LBP3300; seri: LQHA627034; hãng sx: Canon	Việt Nam	2015	2015	Cái	1	4.719.000	4.719.000	4.719.000	0		1		Hư		
590	Màn hình Samsung LCD E1720NRX; model: E1720NRX; seri: MPFRHYTZA00445L; hãng sx: Samsung	Việt Nam	2010	2010	Cái	1	2.476.641	2.476.641	2.476.641	0		1		Hư		
591	PC Dell optiplet 3020MT core i3 4150- 3.5 GB ; DDRAM 4gb ; HDD 500 ; DVD RW Bảo hành : 12 tháng; model: Dell optiplet 3020MT; seri: JQKSF42; hãng sx: Dell	Trung Quốc	2015	2015	Cái	1	10.208.000	10.208.000	10.208.000	0		1		Hư		
592	CPU Dell + keyboard Intel core i3-8100 (3,6GHz, 6MB) 4GB Ram, 16GB Optane memory, 1TB Vostro 3670; model: Vostro 3670; seri: 2RL50T2; hãng sx: Dell Inc	Trung Quốc	2019	2019	Cái	1	10.990.000	10.990.000	10.990.000	0		1		Hư		
593	CPU Dell + keyboard Intel core i3-8100 (3,6GHz, 6MB) 4GB Ram, 16GB Optane memory, 1TB Vostro 3670; model: Vostro 3670; seri: 2RH80T2; hãng sx: Dell Inc	Trung Quốc	2019	2019	Cái	1	10.990.000	10.990.000	10.990.000	0		1		Hư		

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
594	Bộ sạc đa năng; model: BQ-CC18; hãng sx: Không có	Trung Quốc	2017	2017	cái	1	165.000	165.000		165.000	0		1		Hư	
595	Chuột Logitech; model: 810-004721; seri: 1539LOEYJC8; hãng sx: An Phát	Việt Nam	2015	2015	cái	1	450.000	450.000		450.000	0		1		Hư	
596	Chuột Logitech M545; model: 810-004151; seri: 1501LZOH4878; hãng sx: An Phát	Việt Nam	2017	2017	cái	1	530.001	530.001		530.001	0		1		Hư	
597	Thẻ nhớ 8 GB Ultra CF 50MB/20MB ; model: Không có; hãng sx: Ultra	Trung Quốc	2016	2016	cái	1	385.000	385.000		385.000	0		1		Hư	
598	Màn chiếu treo tường; model: 84 inch; hãng sx: 3M	Trung Quốc	2014	2014	cái	1	2.728.000	2.728.000		2.728.000	0		1		màn chiếu ó vàng	
599	Màn chiếu treo tường; model: 100 inch; hãng sx: Apollo	Trung Quốc	2014	2014	cái	1	1.839.200	1.839.200		1.839.200	0		1		màn chiếu mờ	
600	Màn chiếu treo tường; model: 150 inch (300x225)cm; hãng sx: Dalite	Trung Quốc	2016	2016	cái	1	3.520.000	3.520.000		3.520.000	0		1		màn chiếu ó vàng	
601	Màn chiếu treo tường; model: ELS160; hãng sx: Apollo	Trung Quốc	2017	2017	cái	1	1.430.000	1.430.000		1.430.000	0		1		màn chiếu ó vàng	
602	Màn chiếu treo tường; model: Apollo (1,78mx1.78m); hãng sx: Apollo	Trung Quốc	2017	2017	cái	1	770.000	770.000		770.000	0		1		màn chiếu ó vàng	
603	Màn chiếu treo tường; model: Apollo (1,78mx1.78m); hãng sx: Apollo	Trung Quốc	2017	2017	cái	1	770.000	770.000		770.000	0		1		Hồng thanh treo	
604	Máy in Kim; model: LQ590; seri: FSWY054261; hãng sx: EPSON	Trung Quốc	2015	2015	cái	1	10.350.000	10.350.000		10.350.000	0		1		Hồng đầu in, main	
605	Máy in Kim; model: LQ590; seri: FSWY054250; hãng sx: EPSON	Trung Quốc	2015	2015	cái	1	10.350.000	10.350.000		10.350.000	0		1		Hồng main, môn cơ	
606	Máy in Kim; model: Epson LQ590; seri: FSWY068486; hãng sx: EPSON	Indonesia	2017	2018	cái	1	10.505.000	10.505.000		10.505.000	0		1		Hồng nguồn, đầu in	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
607	Máy in Kim; model: Epson LQ590; seri: FSWY068458; hãng sx: EPSON	Indonesia	2018	2018	cái	1	10.505.000	10.505.000		10.505.000	0		1		Hỏng đầu in, main	
608	Máy in Kim; model: Epson LQ590; seri: FSWY068493; hãng sx: EPSON	Indonesia	2018	2018	cái	1	10.505.000	10.505.000		10.505.000	0		1		Hỏng main, môn cơ	
609	Máy in Kim; model: Epson LQ590; seri: FSWY068475; hãng sx: EPSON	Indonesia	2018	2018	cái	1	10.505.000	10.505.000		10.505.000	0		1		Hỏng nguồn, đầu in	
610	Máy in Kim; model: Epson LQ590; seri: FSWY068487; hãng sx: EPSON	Indonesia	2018	2018	cái	1	10.505.000	10.505.000		10.505.000	0		1		Hỏng main, môn cơ	
611	Máy in laser trắng đen; model: HP 1010; seri: SGFB700062; hãng sx: HP	Trung Quốc	2005	2005	cái	1	15.203.729	15.203.729		15.203.729	0		1		hỏng cụm sấy, không sửa được	
612	Máy in laser trắng đen; model: HP P2055D; seri: CNC0309051; hãng sx: HP		2011	2011	cái	1	9.570.000	9.570.000		9.570.000	0		1		hỏng cụm sấy, không sửa được	
613	Máy in laser trắng đen; model: LaserJet Pro 400 M401d; seri: VNC3202919; hãng sx: HP	Trung Quốc	2012	2012	cái	1	7.733.000	7.733.000		7.733.000	0		1		hỏng cụm sấy, không sửa được	
614	Máy in laser trắng đen; model: LaserJet Pro 400 M401d; seri: VNC4402247; hãng sx: HP	Trung Quốc	2013	2013	cái	1	7.733.000	7.733.000		7.733.000	0		1		hỏng cụm sấy, không sửa được	
615	Máy in laser trắng đen; model: LaserJet Pro 400 M401d; seri: VNH4Y01625; hãng sx: HP	Trung Quốc	2013	2013	cái	1	7.733.000	7.733.000		7.733.000	0		1		hỏng cụm sấy, không sửa được	
616	Máy in laser trắng đen; model: LaserJet Pro 400 M401d; seri: VNH4Y01630; hãng sx: HP	Trung Quốc	2013	2013	cái	1	7.733.000	7.733.000		7.733.000	0		1		hỏng cụm sấy, không sửa được	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
617	Máy in laser trắng đen; model: LaserJet Pro 400 M401d; seri: VNH4Y01587; hãng sx: HP	Việt Nam	2013	2013	cái	1	7.733.000	7.733.000	7.733.000	0			1		Máy sử dụng lâu năm, hỏng cụm sấy, không sửa được	
618	Máy in laser trắng đen; model: LaserJet Pro 400 M401d; seri: VNC4402381; hãng sx: HP	Việt Nam	2012	2013	cái	1	8.520.000	8.520.000	8.520.000	0			1		hỏng cụm sấy, không sửa được	
619	Máy in laser trắng đen; model: LaserJet Pro 400 M401d; seri: VNH4Y01618; hãng sx: HP	Việt Nam	2012	2013	cái	1	7.733.000	7.733.000	7.733.000	0			1		hỏng cụm sấy, không sửa được	
620	Máy in laser trắng đen; model: LaserJet Pro 400 M401d; seri: VNH4Y01401; hãng sx: HP	Việt Nam	2012	2013	cái	1	7.733.000	7.733.000	7.733.000	0			1		hỏng cụm sấy, không sửa được	
621	Máy in laser trắng đen; model: LaserJet Pro 400 M401d; seri: VNH5M01590; hãng sx: HP	Trung Quốc	2012	2013	cái	1	7.733.000	7.733.000	7.733.000	0			1		Bộ cơ bị lỗi, main lỗi không nhận mực, băng tải bị rách, không sửa được	
622	Máy in laser trắng đen; model: LaserJet Pro 400 M401d; seri: VNH5M01592; hãng sx: HP	Việt Nam	2012	2013	cái	1	7.733.000	7.733.000	7.733.000	0			1		Main lỗi, gây hỏng, không sửa được	
623	Máy in laser trắng đen; model: LaserJet Pro 400 M401d; seri: VNH4Y01611; hãng sx: HP	Việt Nam	2012	2013	cái	1	7.733.000	7.733.000	7.733.000	0			1		Main lỗi, không sửa được	
624	Máy in laser trắng đen; model: LaserJet Pro 400 M401d; seri: VNC4J02047; hãng sx: HP	Việt Nam	2012	2013	cái	1	6.850.800	6.850.800	6.850.800	0			1		Main lỗi, gây hỏng, không sửa được	
625	Máy in laser trắng đen; model: LaserJet Pro 400 M401d; seri: VNH4Y01606; hãng sx: HP	Việt Nam	2012	2013	cái	1	7.733.000	7.733.000	7.733.000	0			1		Máy sử dụng lâu năm, hỏng cụm sấy, không sửa được	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
626	Máy in laser trắng đen; model: LaserJet Pro 400 M401d; seri: VNH4Y01638; hãng sx: HP	Việt Nam	2013	2014	cái	1	6.849.700	6.849.700		6.849.700	0		1		hồng cụm sấy, không sửa được	
627	Máy in laser trắng đen; model: LaserJet Pro 400 M401d; seri: VNH5M02122; hãng sx: HP	Trung Quốc	2014	2014	cái	1	8.520.600	8.520.600		8.520.600	0		1		hồng cụm sấy, không sửa được	
628	Máy in laser trắng đen; model: LaserJet Pro 400 M401n; seri: VNH6D00041; hãng sx: HP	Trung Quốc	2014	2014	cái	1	7.238.000	7.238.000		7.238.000	0		1		hồng cụm sấy, không sửa được	
629	Máy in laser trắng đen; model: LaserJet Pro 400 M401d; seri: VNH4Y15889; hãng sx: HP	Việt Nam	2015	2015	cái	1	7.238.000	7.238.000		7.238.000	0		1		Bộ cơ bị lỗi, main lỗi không nhận mực, băng tải bị rách, không sửa được	
630	Máy in laser trắng đen; model: LaserJet Pro 400 M401d; seri: VNH4Y15900; hãng sx: HP	Việt Nam	2015	2015	cái	1	7.238.000	7.238.000		7.238.000	0		1		Main lỗi, gây nhiễu, không sửa được	
631	Máy in laser trắng đen; model: LaserJet Pro 400 M401d; seri: VNH4Y15545; hãng sx: HP	Việt Nam	2015	2015	cái	1	7.238.000	7.238.000		7.238.000	0		1		Main lỗi, không sửa được	
632	Máy in laser trắng đen; model: LaserJet Pro 400 M401d; seri: VNH6D00027; hãng sx: HP	Việt Nam	2016	2016	cái	1	7.999.999	7.999.999		7.999.999	0		1		Máy sử dụng lâu năm, hồng cụm sấy, không sửa được	
633	Máy in laser trắng đen; model: LaserJet Pro 400 M401dn; seri: VNH3K43632; hãng sx: HP	Việt Nam	2015	2016	cái	1	7.999.999	7.999.999		7.999.999	0		1		hồng cụm sấy, không sửa được	
634	Máy in laser trắng đen; model: LaserJet Pro 400 M401dn; seri: VNH3K43612; hãng sx: HP	Việt Nam	2015	2016	cái	1	7.999.992	7.999.992		7.999.992	0		1		hồng cụm sấy, không sửa được	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
635	Máy in laser trắng đen; model: LaserJet Pro 400 M401dn; seri: VNH3K43622; hãng sx: HP	Việt Nam	2016	2016	cái	1	7.999.992	7.999.992	7.999.992	0		1		hồng cụm sấy, không sửa được		
636	Máy in laser trắng đen; model: LaserJet Pro 400 M401d; seri: VNH3709150; hãng sx: HP	Việt Nam	2017	2017	cái	1	6.849.700	6.849.700	6.849.700	0		1		Bộ cơ bị lỗi, main lỗi không nhận mực, băng tải bị rách, không sửa được		
637	Máy in laser trắng đen; model: LaserJet Pro M402dn; seri: PHCNF38229; hãng sx: HP	Việt Nam	2017	2018	cái	1	8.150.000	8.150.000	8.150.000	0		1		Main lỗi, gây hỏng, không sửa được		
638	Máy in laser trắng đen; model: LaserJet Pro M402dne; seri: PHC4D06933; hãng sx: HP	Philippines	2019	2019	cái	1	7.707.480	7.707.480	7.707.480	0		1		Main lỗi, không sửa được		
639	Máy in mã vạch; model: PC4; seri: C15170510002; hãng sx: INTERMEC	Trung Quốc	2010	2010	cái	1	10.210.200	10.210.200	10.210.200	0		1		Hỏng main, Hỏng bộ cơ		
640	Máy in mã vạch; model: PF8T; seri: 10371250402; hãng sx: INTERMEC	Taiwan	2012	2012	cái	1	11.320.000	11.320.000	11.320.000	0		1		Main lỗi, không sửa được		
641	Máy in mã vạch; model: EZ-1100Plus; seri: SHG121900724; hãng sx: Godex	Taiwan	2013	2013	cái	1	8.052.000	8.052.000	8.052.000	0		1		Đầu in Hỏng, main lỗi		
642	Máy in mã vạch; model: EZ-1100Plus; seri: SHG3009-1220-00124; hãng sx: Godex	Taiwan	2013	2013	cái	1	8.052.000	8.052.000	8.052.000	0		1		Đầu in Hỏng, không nhận giấy		

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
643	Máy in mã vạch; model: PC43T; seri: 240C1530044; hãng sx: INTERMEC	Trung Quốc	2015	2016	cái	1	12.100.000	12.100.000		12.100.000	0		1		Đầu in hỏng, main lỗi	
644	Máy in mã vạch; model: PC43T; seri: 271C1930036; hãng sx: INTERMEC	Trung Quốc	2019	2019	cái	1	9.867.000	9.867.000		9.867.000	0		1		Đầu in hỏng, không nhận giấy	
645	Máy in màu laser; model: LaserJet Pro 200 color MFP M251nw; seri: VNC3F00194; hãng sx: HP	Việt Nam	2015	2016	cái	1	9.050.000	9.050.000		9.050.000	0		1		Gãy nhông, mòn cơ, không sửa được	
646	Máy in màu laser; model: HP M252dw; seri: VNC3K06809; hãng sx: HP	Việt Nam	2018	2018	cái	1	12.600.000	12.600.000		12.600.000	0		1		Main lỗi, gãy nhông, mòn cơ, không sửa được	
647	Máy in nhiệt; model: TM-T88IV; seri: L9LF021488; hãng sx: EPSON	Trung Quốc	2013	2013	cái	1	6.261.200	6.261.200		6.261.200	0		1		Hỏng main tín hiệu, không cắt giấy, Hỏng nguồn	
648	Máy in nhiệt; model: TM-T82II; seri: TCEY005777; hãng sx: EPSON	Indonesia	2019	2019	cái	1	4.270.000	4.270.000		4.270.000	0		1		Hỏng main tín hiệu, không cắt giấy.	
649	Máy tính để bàn; model: máy lắp ráp (core i3-540); hãng sx:	Việt Nam	2011	2011	cái	1	13.872.063	13.872.063		13.872.063	0		1		Hỏng main, màn hình, lõi nguồn, ổ cứng, ram. Case bể.	
650	Máy tính để bàn; model: máy lắp ráp (H61M-S2P-B3); hãng sx:	Việt Nam	2010	2010	cái	1	10.870.750	10.870.750		10.870.750	0		1		Hỏng màn hình, lõi nguồn, ổ cứng.	
651	Máy tính để bàn; model: máy lắp ráp (DH55HC); hãng sx:	Việt Nam	2010	2010	cái	1	11.613.005	11.613.005		11.613.005	0		1		Hỏng màn hình, lõi nguồn, ổ cứng, Case bể.	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
652	Máy tính để bàn; model: máy lắp ráp (H61M-S2P-B3); hãng sx:	Việt Nam	2011	2011	cái	1	11.341.000	11.341.000		11.341.000	0			1		Hỏng main, màn hình, nguồn, ổ cứng, ram. Case bê.
653	Máy tính để bàn; model: máy lắp ráp (H61M-S2PV); hãng sx:	Việt Nam	2012	2012	cái	1	10.912.000	10.912.000		10.912.000	0			1		Hỏng màn hình, lỗi nguồn, ổ cứng.
654	Máy tính để bàn; model: máy lắp ráp (H61M-S2P-B3); hãng sx:	Trung Quốc	2012	2012	cái	1	11.976.800	11.976.800		11.976.800	0			1		Hỏng màn hình, lỗi nguồn, ổ cứng, Case bê.
655	Máy tính để bàn; model: OptiPlex 390 DT; seri: 1VMVD2S; hãng sx: DELL	Malaysia	2012	2012	cái	1	11.957.000	11.957.000		11.957.000	0			1		Hỏng main, màn hình, nguồn, ổ cứng, ram.
656	Máy tính để bàn; model: OptiPlex 390 DT; seri: DVMVD2S; hãng sx: DELL	Malaysia	2012	2012	cái	1	11.957.000	11.957.000		11.957.000	0			1		Hỏng màn hình, lỗi nguồn, ổ cứng.
657	Máy tính để bàn; model: OptiPlex 390 DT; seri: 5VMVD2S; hãng sx: DELL	Malaysia	2012	2012	cái	1	11.957.000	11.957.000		11.957.000	0			1		Hỏng màn hình, lỗi nguồn, ổ cứng, Case bê.

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
658	Máy tính để bàn; model: OptiPlex 390 DT; seri: 89MJG2S; hãng sx: DELL	Malaysia	2013	2013	cái	1	12.100.000	12.100.000		12.100.000	0			1		Hỏng main, màn hình, nguồn, ổ cứng, ram.
659	Máy tính xách tay; model: Latitude 3440; seri: H1572Z1; hãng sx: DELL	Trung Quốc	2013	2014	cái	1	14.038.200	14.038.200		14.038.200	0			1		Hỏng main
660	Máy tính xách tay; model: Latitude 3440; seri: 10572Z1; hãng sx: DELL	Trung Quốc	2013	2014	cái	1	14.038.200	14.038.200		14.038.200	0			1		Hỏng main, màn hình
661	Máy tính xách tay; model: X454LA-WX577D; seri: G6N0CV01111622D; hãng sx: ASUS	Trung Quốc	2016	2016	cái	1	8.569.000	8.569.000		8.569.000	0			1		Hỏng nguồn, lỗi main, ram
662	Máy tính xách tay; model: X454LA-WX577D; seri: G6N0CV00F846227; hãng sx: ASUS	Trung Quốc	2016	2016	cái	1	8.569.000	8.569.000		8.569.000	0			1		Hỏng main, lỗi main, ram
663	Thiết bị chuyển mạch; model: EnGenius EWS5912FP; seri: 144291678; hãng sx: EnGenius	Trung Quốc	2015	2015	cái	1	10.000.000	10.000.000		10.000.000	0			1		Chập chôn không nhận tín hiệu mạng
664	Thiết bị chuyển mạch; model: Catalyst 2950-24; seri: F0C0906T0DR; hãng sx: Cisco	Trung Quốc	2011	2011	cái	1	9.000.000	9.000.000		9.000.000	0			1		Chập lỗi tín hiệu
665	Thiết bị chuyển mạch; model: Linksys224G4; seri: 3CDF1EB6063C; hãng sx: Cisco	Trung Quốc	2011	2011	cái	1	8.000.000	8.000.000		8.000.000	0			1		Chập chôn không nhận tín hiệu mạng
666	Thiết bị chuyển mạch; model: SF300-48Port; seri: DN1155000JA; hãng sx: Cisco	HongKong	2012	2012	cái	1	10.415.900	10.415.900		10.415.900	0			1		Hỏng main, không nhận tín hiệu mạng

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
667	Thiết bị chuyển mạch; model: SF300-48Port; seri: DN1155000KD; hãng sx: Cisco	HongKong	2012	2012	cái	1	10.415.900	10.415.900	10.415.900	0		1		Hỏng nguồn		
668	Thiết bị chuyển mạch; model: SF300-48Port; seri: DN1155000K8; hãng sx: Cisco	HongKong	2012	2012	cái	1	10.415.900	10.415.900	10.415.900	0		1		Lỗi tín hiệu mạng		
669	Thiết bị chuyển mạch; model: WS-C2960S-48TS-L; seri: FOC1649Y20Y; hãng sx: Cisco	HongKong	2013	2013	cái	1	82.779.400	82.779.400	82.779.400	0		1		Chập chòem không nhận tín hiệu mạng		
670	Thiết bị chuyển mạch; model: SF300-48P; seri: DNII75301VC; hãng sx: Cisco	Trung Quốc	2014	2014	cái	1	10.595.200	10.595.200	10.595.200	0		1		Chạm lỗi tín hiệu		
671	Thiết bị chuyển mạch; model: SF300-48Port; seri: DNII75301YL; hãng sx: Cisco	Trung Quốc	2014	2014	cái	1	10.595.200	10.595.200	10.595.200	0		1		Chập chòem không nhận tín hiệu mạng		
672	Thiết bị chuyển mạch; model: SF300-48Port; seri: DNII847007E; hãng sx: Cisco	Trung Quốc	2015	2015	cái	1	10.375.200	10.375.200	10.375.200	0		1		Hỏng main, không nhận tín hiệu mạng		
673	Thiết bị chuyển mạch; model: SF300-48Port; seri: DNII8260555; hãng sx: Cisco	Trung Quốc	2015	2015	cái	1	10.375.200	10.375.200	10.375.200	0		1		Hỏng nguồn		
674	Thiết bị chuyển mạch; model: SF300-48P; seri: DNII81801F6; hãng sx: Cisco	Trung Quốc	2015	2015	cái	1	10.375.200	10.375.200	10.375.200	0		1		Lỗi tín hiệu mạng		
675	Thiết bị chuyển mạch; model: SF300-48Port; seri: DNII81801FN; hãng sx: Cisco	Trung Quốc	2015	2015	cái	1	10.375.200	10.375.200	10.375.200	0		1		Chập chòem không nhận tín hiệu mạng		
676	Thiết bị chuyển mạch; model: WS-C2960X-48TD-L; seri: FOC1915S5FY; hãng sx: Cisco	Trung Quốc	2015	2015	cái	1	79.382.160	79.382.160	79.382.160	0		1		Hỏng main, không lên nguồn		

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
677	Thiết bị chuyên mạch; model: WS-C2960X-48TD-L; seri: FCW1916B58E; hãng sx: Cisco	Trung Quốc	2015	2015	cái	1	79.382.160	79.382.160	79.382.160	0		1		Hỏng main, tín hiệu chấp chôn		
678	Tivi ; model: UA32F4100AR; seri: MQV23YDD700022N; hãng sx: Samsung	Việt Nam	2013	2014	cái	1	6.589.000	6.589.000	6.589.000	0		1		Hỏng màn hình		
679	Tivi ; model: UA32F4100AR; seri: MQV23YDDB09476T; hãng sx: Samsung	Việt Nam	2013	2014	cái	1	6.534.000	6.534.000	6.534.000	0		1		Hỏng led		
680	Tivi ; model: UA32H4100AR; seri: G0EF3YD606486; hãng sx: SAMSUNG MEDISON	Việt Nam	2014	2014	cái	1	5.700.000	5.700.000	5.700.000	0		1		Hỏng màn hình, led, nguồn		
681	Tivi ; model: UA40H5100AKXXV; seri: G0FL3YDF700614V; hãng sx: SAMSUNG MEDISON	Việt Nam	2014	2014	cái	1	9.900.000	9.900.000	9.900.000	0		1		Hỏng nguồn, led		
682	Tivi ; model: Plasma TH-42PV70H; seri: YT7FCA04107; hãng sx: PANASONIC	Trung Quốc	2008	2008	cái	1	25.980.000	25.980.000	25.980.000	0		1		Hỏng màn hình		
683	Tivi ; model: KLV-46S200A; seri: L0850000255; hãng sx: SONY	Việt Nam	2019	2019	cái	1	8.750.000	8.750.000	8.750.000	0		1		Hỏng led		
684	Tivi ; model: 49UJ652T; seri: 902INYD5Q114; hãng sx: LG	Indonesia	2018	2019	cái	1	13.500.000	13.500.000	13.500.000	0		1		Hỏng màn hình, led, nguồn		
685	Tivi ; model: PS51E490B1; seri: MQD83YED200016H; hãng sx: Samsung	Việt Nam	2013	2013	cái	1	20.900.000	20.900.000	20.900.000	0		1		Hỏng nguồn, led		
686	Tivi ; model: 60LB561T; seri: 412VNULS014; hãng sx: LG	Việt Nam	2015	2016	cái	1	33.800.000	33.800.000	33.800.000	0		1		Hỏng màn hình		

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
687	Tivi ; model: 60UH650T; seri: 602VNWPOZ401; hãng sx: LG	Việt Nam	2016	2016	cái	1	43.650.000	43.650.000	43.650.000	0		1		Hỏng led		
688	Tivi ; model: KDL-65W850C; seri: 34020454; hãng sx: SONY	Malaysia	2015	2016	cái	1	34.500.000	34.500.000	34.500.000	0		1		Hỏng màn hình, led, nguồn		
689	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TL.15OR2.5FE; seri: 318006784100970046391; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0		1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.		
690	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TL.15OR2.5FE; seri: 318006784101390072191; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0		1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.		
691	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TL.15OR2.5FE; seri: 318006784101620091557; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0		1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.		
692	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TL.15OR2.5FE; seri: 318006784101390072212; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0		1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.		

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
693	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TL.15OR2.5FE; seri: 318006784101620091600; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
694	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TL.15OR2.5FE; seri: 318006784092100132248; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
695	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: T115OR2.5FE; seri: 318006784100970046418; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
696	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: T115OR2.5FE; seri: 318006784100970046404; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
697	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: T115OR2.5FE; seri: 318006784100970046449; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
698	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: T115OR2.5FE; seri: 318006784100970046402; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
699	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784101620091552; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
700	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784100970046424; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
701	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784101620091575; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
702	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784101620091555; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
703	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784101390072207; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
704	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784101390072204; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
705	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784092100132194; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
706	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784100970046450; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
707	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784092100132141; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
708	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 31800678400970045465; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
709	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 31800678400970046465; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
710	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784101390072180; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
711	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784101397046448; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
712	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784101620091541; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
713	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784101620091581; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
714	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784101620091613; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
715	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784101620091496; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
716	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784101620091548; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
717	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784101620091623; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
718	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784101620091537; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
719	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784101620091558; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
720	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784100970046397; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
721	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784100970046468; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
722	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784100970046423; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
723	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784100970046430; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
724	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784100970046392; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
725	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784100970046433; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
726	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784100970046414; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
727	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784100970046441; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
728	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784101390072210; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
729	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784100970046412; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
730	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784100970046396; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
731	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784100970046431; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
732	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784101390072203; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
733	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784100970046376; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
734	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784101390072198; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
735	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784100970046451; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
736	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784100970046422; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
737	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784100970046455; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
738	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784100970046427; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
739	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784100970046395; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
740	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784100970046403; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
741	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784100970046445; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
742	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784100970046394; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
743	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784100970046406; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
744	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784100970046386; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
745	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784100970046457; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
746	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784100970046432; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
747	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784100970046398; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
748	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784100970046421; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
749	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784101620091630; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
750	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784101620091574; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
751	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784101620091569; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
752	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784101620091502; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
753	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784101620091639; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
754	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784101620091674; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
755	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784101620091589; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
756	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784101620091617; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
757	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784101620091593; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
758	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784101620091494; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
759	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784101620091447; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060		1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.
760	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784101620091505; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060		1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.
761	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784101620091616; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060		1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.
762	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784100970046388; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060		1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.
763	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784092100132231; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060		1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.
764	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784101390072211; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060		1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
765	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784100970046453; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060		1.985.060	0		1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
766	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784092100132250; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060		1.985.060	0		1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
767	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784092100132235; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060		1.985.060	0		1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
768	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TLPRO15OR2.5FE; seri: 318002784092190141948; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2013	2014	cái	1	2.960.000	2.960.000		2.960.000	0		1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
769	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784092100132253; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060		1.985.060	0		1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
770	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784100970046393; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060		1.985.060	0		1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
771	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784093380281696; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
772	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006474100970046425; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
773	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784093380281703; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
774	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784092100132732; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
775	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784101390072208; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
776	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784100970046438; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
777	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784100970046456; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
778	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784100970046390; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
779	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784101620091586; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
780	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784101620091642; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
781	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784092100132221; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
782	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 31800678410090046436; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
783	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784100970046442; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
784	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784100970046428; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
785	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784100970096419; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
786	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784100970046458; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
787	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784101390072214; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
788	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784092100132157; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
789	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784101390072213; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
790	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318086784092100132738; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
791	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318006784093380281698; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
792	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 31800678100970046399; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
793	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: TI15OR2.5FE; seri: 318050684240711053669; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	1.985.060	1.985.060	1.985.060	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	
794	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: STARN15R2.5FE; seri: 318029384160111003062; hãng sx: Ariston	Việt Nam		2005	cái	1	2.500.000	2.500.000	2.500.000	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
795	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: STARN15R2.5FE; seri: 318029384181711078088; hãng sx: Ariston	Việt Nam		2005	cái	1	2.500.000	2.500.000		2.500.000	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.
796	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: STARN15R2.5FE; seri: 318029384160111003081; hãng sx: Ariston	Việt Nam		2005	cái	1	2.500.000	2.500.000		2.500.000	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.
797	Máy nước nóng gián tiếp 15L; model: STARN15R2.5FE; seri: 318029384172101089851; hãng sx: Ariston	Việt Nam		2005	cái	1	2.500.000	2.500.000		2.500.000	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.
798	Máy nước nóng gián tiếp 30L; model: TL-SS30OR2.5FE; seri: 318020384121460138587; hãng sx: Ariston			2005	cái	1	2.500.000	2.500.000		2.500.000	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.
799	Máy nước nóng gián tiếp 30L; model: STARN30R2.5FE; seri: 318029484170813029666; hãng sx: Ariston	Việt Nam	2010	2013	cái	1	2.850.000	2.850.000		2.850.000	0			1		Bình chứa bị rò rỉ nước, hư hỏng mạch điều khiển.
800	Máy nước nóng lạnh; seri: 0116W0145; hãng sx: Alaska	Việt Nam	2016	2016	cái	1	9.735.000	9.735.000		9.735.000	0			1		Máy cũ, hư ron cách nhiệt ngăn lạnh, thường xuyên chảy nước. Không sửa chữa được.

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
801	Tủ mát (số 1); seri: 115095SH22539; hãng sx: Alaska	China		2010	cái	1	7.000.000	7.000.000		7.000.000	0			1		Tủ cũ, hư ron cách nhiệt, sửa chữa nhiều lần, nhiệt độ không ổn định.
802	Tủ mát (số 3); seri: 10815SH13187; hãng sx: Alaska	China		2010	cái	1	7.000.000	7.000.000		7.000.000	0			1		Tủ cũ, hư ron cách nhiệt, sửa chữa nhiều lần, nhiệt độ không ổn định.
803	Tủ lạnh; model: VR-062; seri: IE1ZE109; hãng sx: Daewoo	Hàn Quốc	2016	2017	cái	1	2.188.000	2.188.000		2.188.000	0			1		Tủ cũ, ri sét do sử dụng lâu ngày. Bị đông đá, nhiệt độ bảo quản không đạt.
804	Tủ lạnh; model: SR-9JR (SS); seri: 3SS27915; hãng sx: Sanyo	Việt Nam		2013	cái	1	2.992.000	2.992.000		2.992.000	0			1		Tủ cũ, hư hỏng máy nén.
805	Tủ lạnh; model: AQR-95AR; seri: 5S031867; hãng sx: Aqua	Việt Nam	2015	2015	cái	1	2.750.000	2.750.000		2.750.000	0			1		Tủ cũ, hư block nén lạnh, không sửa chữa được.
806	Hệ thống điều hòa không khí; model: RD60-L1E; seri: 06050012; hãng sx: Reetech	Việt Nam		2006	cái	1	99.216.000	99.216.000		99.216.000	0			1		Máy cũ, mục dần đồng, hư hỏng máy nén.

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
807	Máy lạnh; model: CS-KC18MKH-8; seri: 2420804372; hãng sx: Panasonic	Malaysia	2010	2010	cái	1	10.296.000	10.296.000		10.296.000	0			1		Máy cũ, dàn lạnh mục xi đã hàn nhiều lần, máy nén hư.
808	Máy lạnh; model: FTE50LV1V; seri: E003954; hãng sx: Daikin	Thái Lan			cái	1	15.480.000	15.480.000		15.480.000	0			1		Máy cũ, hư tản nhiệt dàn lạnh và dàn nóng, trao đổi nhiệt kém, làm lạnh yếu.
809	Máy lạnh; model: 18SKPX; seri: 12400256; hãng sx: Toshiba	Thái Lan	2012	2012	cái	1	16.606.700	16.606.700		16.606.700	0			1		Máy cũ, dàn lạnh bị mục tản nhiệt kém, dàn nóng hư tản nhiệt.
810	Máy lạnh; model: Ras18SKPX-V; seri: 22400293; hãng sx: Toshiba	Thái Lan		2012	cái	1	16.216.200	16.216.200		16.216.200	0			1		Máy cũ, dàn nóng, dàn lạnh bị hư tản nhiệt.
811	Máy lạnh; model: CS-KC-12MKH-8; seri: 2420704796; hãng sx: Panasonic	Malaysia	2011	2011	cái	1	12.999.800	12.999.800		12.999.800	0			1		Máy cũ, dàn nóng, dàn lạnh bị hư tản nhiệt.

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
812	Máy lạnh; model: CS-KC-12MKH-8; seri: 2420756215; hãng sx: Panasonic	Malaysia	2011	2012	cái	1	16.109.500	16.109.500		16.109.500	0			1		Máy cũ, dàn nóng, dàn lạnh bị hư tản nhiệt.
813	Máy lạnh; seri: 22600195; hãng sx: Toshiba	Thái Lan	2012	2012	cái	1	16.241.500	16.241.500		16.241.500	0			1		Máy cũ, dàn nóng, dàn lạnh bị hư tản nhiệt.
814	Máy lạnh; seri: 22600184; hãng sx: Toshiba	Thái Lan		2012	cái	1	16.241.500	16.241.500		16.241.500	0			1		Máy cũ, dàn nóng, dàn lạnh bị hư tản nhiệt.
815	Máy lạnh; seri: 3422441854; hãng sx: Panasonic	Malaysia		2011	cái	1	13.459.600	13.459.600		13.459.600	0			1		Máy cũ, dàn nóng, dàn lạnh bị hư tản nhiệt.
816	Máy lạnh; seri: 012700904RE; hãng sx: Mitsubishi			2010	cái	1	13.230.000	13.230.000		13.230.000	0			1		Máy cũ, dàn nóng, dàn lạnh bị hư tản nhiệt.

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
817	Máy lạnh; model: CS-KC-18MKH-8; seri: 2420812751; hãng sx: Panasonic	Việt Nam		2013	cái	1	13.200.000	13.200.000		13.200.000	0			1		Máy cũ, dàn nóng, dàn lạnh bị hư tản nhiệt, máy nén chạy ồn.
818	Máy lạnh; seri: 7727089289; hãng sx: Panasonic	Malaysia			cái	1	13.048.000	13.048.000		13.048.000	0			1		Máy cũ, dàn nóng, dàn lạnh bị hư tản nhiệt.
819	Máy lạnh; model: FTE60KV1/RE60KV1; seri: E001028/E001221; hãng sx: Daikin	Thái Lan		2013	cái	1	16.020.000	16.020.000		16.020.000	0			1		Máy cũ, dàn nóng, dàn lạnh bị hư tản nhiệt.
820	Máy lạnh; model: RAS-12SKPX-V2; seri: 22500274; hãng sx: Toshiba	Thái Lan	2012	2012	cái	1	13.326.500	13.326.500		13.326.500	0			1		Máy cũ, dàn tản nhiệt bị hư, tản nhiệt kém.
821	Máy lạnh; model: FTE50LV1V; seri: E016015; hãng sx: Daikin	Thái Lan		2012	cái	1	8.250.000	8.250.000		8.250.000	0			1		Máy cũ, dàn tản nhiệt bị hư, tản nhiệt kém.

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
822	Máy lạnh; model: CS-KC-18MKH-8; seri: 7777704728; hãng sx: Panasonic	Malaysia		2010	cái	1	13.557.000	13.557.000		13.557.000	0			1		Máy cũ, dàn lạnh tản nhiệt kém, máy nén hư, đã sửa chữa nhiều lần.
823	Máy lạnh; model: SRK18CL; seri: 433201688; hãng sx: Mitsubishi	Việt Nam		2014	cái	1	17.080.000	17.080.000		17.080.000	0			1		Máy cũ, dàn nóng, dàn lạnh bị hư tản nhiệt.
824	Máy lạnh; model: 12GKH; seri: 2420805167; hãng sx: Panasonic	Malaysia	2005	2008	cái	1	10.790.000	10.790.000		10.790.000	0			1		Máy cũ, dàn lạnh nát, dàn nóng hư tản nhiệt, máy nén hư.
825	Máy lạnh; model: CS-KC12MKH-8; seri: 3422441858; hãng sx: Panasonic	Malaysia		2010	cái	1	12.773.000	12.773.000		12.773.000	0			1		Máy cũ, dàn lạnh dàn nóng hư tản nhiệt, giải nhiệt kém.
826	Máy lạnh; model: CS-KC18MKH-8; seri: 2420800129; hãng sx: Panasonic	Việt Nam		2012	cái	1	10.200.000	10.200.000		10.200.000	0			1		Máy cũ, dàn lạnh mục xi đã hàn nhiều lần, máy nén hư.

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
827	Máy lạnh; model: CS-PC18JKF; seri: 7746961472; hãng sx: Panasonic	Malaysia		2015	cái	1	11.900.000	11.900.000		11.900.000	0			1		Máy cũ, dàn lạnh dàn nóng hư tản nhiệt, giải nhiệt kém.
828	Máy lạnh; model: CSC12JKH; hãng sx: Panasonic			2008	cái	1	17.126.450	17.126.450		17.126.450	0			1		Máy cũ, dàn lạnh dàn nóng mục thường xuyên hư hỏng.
829	Máy lạnh; model: CSC12HKH; hãng sx: Panasonic			2008	cái	1	17.126.450	17.126.450		17.126.450	0			1		Máy cũ, dàn lạnh dàn nóng mục thường xuyên hư hỏng.
830	Máy lạnh; model: FTNE50MV1V; seri: E089767; hãng sx: Daikin	Thái Lan		2017	cái	1	8.250.000	8.250.000		8.250.000	0			1		Máy cũ, dàn nóng dàn lạnh hư giải nhiệt kém, máy hoạt động rất ồn.
831	Máy lạnh; model: CS-PC12EKH; seri: 71832943; hãng sx: Panasonic	Malaysia	2005	2010	cái	1	10.870.000	10.870.000		10.870.000	0			1		Máy cũ, dàn lạnh cũ, hư tản nhiệt và máy nén.

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
832	Máy lạnh; model: FTE50LV1V; seri: E012096; hãng sx: Daikin	Thái Lan	2013	2014	cái	1	15.486.000	15.486.000		15.486.000	0			1	Máy cũ, dàn lạnh dập nát, dàn nóng cũ, đã sửa chữa nhiều lần.	
833	Máy lạnh; model: FTE50LV1V; seri: E008972; hãng sx: Daikin	Malaysia			cái	1	8.640.000	8.640.000		8.640.000	0			1	Máy cũ, dàn nóng dàn lạnh hư giải nhiệt kém, máy nén hoạt động ổn.	
834	Máy lạnh; model: 12S2AX-V3; hãng sx: Toshiba	Thái Lan	2012	2012	cái	1	17.516.400	17.516.400		17.516.400	0			1	Máy cũ, dàn nóng dàn lạnh hư giải nhiệt kém, máy nén hoạt động ổn.	
835	Máy lạnh; model: Ras18SKPX-V; seri: 22500066; hãng sx: Toshiba	Thái Lan	2012	2012	cái	1	17.529.600	17.529.600		17.529.600	0			1	Máy cũ, dàn nóng dàn lạnh hư giải nhiệt kém, máy nén hoạt động ổn.	
836	Máy lạnh; model: CSPC24DKH; seri: 7156107837; hãng sx: Panasonic	Malaysia		2006	cái	1	11.300.000	11.300.000		11.300.000	0			1	Máy hư máy nén, đã sửa chữa nhiều lần.	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
837	Máy lạnh; model: RAS-18SKPX-V; seri: 12400359; hãng sx: Toshiba	Thái Lan		2011	cái	1	15.284.000	15.284.000		15.284.000	0			1	Máy hư máy nén, đã sửa chữa nhiều lần.	
838	Máy lạnh; model: RC9-RT85; seri: 5150787; hãng sx: Reetech	Malaysia		2006	cái	1	6.005.000	6.005.000		6.005.000	0			1	Máy cũ, dàn nóng dàn lạnh hư tản nhiệt, giải nhiệt kém.	
839	Máy lạnh; model: RT9-85; seri: 5111740; hãng sx: Reetech	Malaysia		2006	cái	1	6.005.000	6.005.000		6.005.000	0			1	Máy cũ, dàn nóng dàn lạnh hư tản nhiệt, giải nhiệt kém.	
840	Máy lạnh; model: 18MKH; seri: 2420800134; hãng sx: Panasonic	Malaysia		2011	cái	1	15.500.000	15.500.000		15.500.000	0			1	Máy cũ, dàn nóng dàn lạnh hư tản nhiệt, giải nhiệt kém.	
841	Máy lạnh; model: RAS-18SKPX-V; seri: 12200120-12200023; hãng sx: Toshiba	Thái Lan		2011	cái	1	15.273.500	15.273.500		15.273.500	0			1	Máy cũ, dàn nóng dàn lạnh hư tản nhiệt, giải nhiệt kém.	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
842	Máy lạnh; model: RAS-H18C4KCVG-V; seri: 32100139; hãng sx: Toshiba	Nhật Bản		2012	cái	1	15.754.000	15.754.000		15.754.000	0			1		Máy cũ, dàn nóng dàn lạnh không tản nhiệt, đã sửa chữa nhiều lần.
843	Máy lạnh; model: CS-KC12MKH-8; seri: 2420753573; hãng sx: Panasonic	Malaysia		2011	cái	1	13.459.600	13.459.600		13.459.600	0			1		Máy cũ, dàn nóng dàn lạnh không tản nhiệt, đã sửa chữa nhiều lần.
844	Máy lạnh; model: CS-PC12EKH; hãng sx: Panasonic	Malaysia	2005	2010	cái	1	13.700.000	13.700.000		13.700.000	0			1		Máy cũ, dàn lạnh mục, hư máy nén, đã sửa chữa nhiều lần.
845	Máy lạnh; hãng sx: Mitshubishi	Thái Lan			cái	1	10.820.000	10.820.000		10.820.000	0			1		Máy cũ, dàn lạnh mục, máy nén hư đã sửa chữa nhiều lần.
846	Máy lạnh; seri: 82109378; hãng sx: Panasonic	Việt Nam		2008	cái	1	10.435.335	10.435.335		10.435.335	0			1		Máy cũ, dàn nóng dàn lạnh đã mục nát tản nhiệt, hư máy nén.

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
847	Máy lạnh; seri: 82105181; hãng sx: Panasonic	Malaysia		2008	cái	1	10.435.335	10.435.335		10.435.335	0			1	Máy cũ, dàn nóng dàn lạnh đã mục nát tản nhiệt, hư máy nén.	
848	Máy lạnh; model: 18HKH; seri: 780591500; hãng sx: Panasonic	Việt Nam		2009	cái	1	14.860.000	14.860.000		14.860.000	0			1	Máy cũ, dàn nóng dàn lạnh đã mục nát tản nhiệt, hư máy nén.	
849	Máy lạnh; model: CUKC18KKH; seri: 7852402061; hãng sx: Panasonic	Malaysia		2010	cái	1	13.091.000	13.091.000		13.091.000	0			1	Máy cũ, dàn nóng dàn lạnh đã mục nát tản nhiệt, hư máy nén.	
850	Máy lạnh; model: KC18MKH; seri: 7887300708; hãng sx: Panasonic	Malaysia		2011	cái	1	15.000.000	15.000.000		15.000.000	0			1	Máy cũ, dàn nóng dàn lạnh đã mục nát tản nhiệt, hư máy nén.	
851	Máy lạnh ; model: KC12MKH; seri: 7887202805; hãng sx: Toshiba	Malaysia		2011	cái	1	10.956.000	10.956.000		10.956.000	0			1	Máy cũ, dàn nóng dàn lạnh hư giải nhiệt kém. Sửa chữa nhiều lần.	
852	Máy lạnh; model: FTNE50MV1V; seri: E077548; hãng sx: Daikin	Thái Lan		2017	cái	1	16.790.000	16.790.000		16.790.000	0			1	Máy cũ, dàn lạnh mục xi đã hàn nhiều lần, máy nén hư.	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
853	Quạt đứng; hãng sx: Haibifan	Việt Nam	2021	2021	cái	2	249.700	499.400		499.400	0			2	Quạt sử dụng lâu, cũ, bị cháy cuộn dây. Không sửa chữa được.	
854	Locker 6 ngăn (915*457*1830)mm; model: CA T982-3K; hãng sx: Hòa Phát	Việt Nam	2013	2013	cái	1	3.762.000	3.762.000		3.762.000	0			1	Tủ cũ, rỉ sét do sử dụng lâu ngày.	
855	Ghế đôn (nệm xanh)	Việt Nam	2019	2019	cái	1	231.000	231.000		231.000	0			1	Ghế rách nệm, gãy khung ghế, đã hàn nhiều lần không còn sử dụng được.	
856	Ghế inox xanh; hãng sx: Xuân Hòa	Việt Nam		2014	cái	1	170.000	170.000		170.000	0			1	Ghế rách nệm, gãy khung ghế, đã hàn nhiều lần không còn sử dụng được.	
857	Ghế inox xanh; hãng sx: Xuân Hòa	Việt Nam	2015	2015	cái	1	176.300	176.300		176.300	0			1	Ghế rách nệm, gãy khung ghế, đã hàn nhiều lần không còn sử dụng được.	
858	Ghế đầu	Việt Nam	2015	2015	cái	7	214.500	1.501.500		1.501.500	0			7	Ghế rách nệm, gãy khung ghế, đã hàn nhiều lần không còn sử dụng được.	
859	Ghế xếp nệm xanh (ghế dựa); model: GM-05; hãng sx: Xuân Hòa	Việt Nam	2013	2013	cái	9	374.000	3.366.000		3.366.000	0			9	Ghế rách nệm, gãy khung ghế, đã hàn nhiều lần không còn sử dụng được.	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
860	Ghế tròn xanh (nệm xanh); hãng sx: Xuân Hòa	Việt Nam	2018	2018	cái	1	231.000	231.000		231.000	0		1		Ghế rách nệm, gãy khung ghế, đã hàn nhiều lần không còn sử dụng được.	
861	Ghế xếp nệm xanh (ghế tựa); model: GI-05-00	Việt Nam	2020	2020	cái	2	451.000	902.000		902.000	0		2		Ghế rách nệm, gãy khung ghế, đã hàn nhiều lần không còn sử dụng được.	
862	Bàn làm việc chân sắt (120x600x750)mm	Việt Nam		2014	cái	1	3.190.000	3.190.000		3.190.000	0		1		Bàn cũ, hư, mục, chân bàn rỉ sét không còn sử dụng được.	
863	Quạt đứng DTS1607; model: DTS1607; hãng sx: Senko	Việt Nam	2021	2021	cái	2	418.000	836.000		836.000	0		2		Hư	
864	Ghế đôn ; hãng sx: Qui Phúc	Việt Nam	2019	2019	cái	3	181.500	544.500		544.500	0		3		Hư	
865	Ghế xếp; model: HP M18; seri: 761671; hãng sx: Hòa Phát	Việt Nam	2019	2019	cái	1	402.600	402.600		402.600	0		1		Hư	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
866	Máy lạnh; model: PNF108079; seri: 7740108407; hãng sx: Panasonic	Malaysia	2009	2009	bộ	1	8.282.667	8.282.667		8.282.667	0		1		Máy cũ, hư Block, không lạnh	
867	Ghế đôn có đệm	Việt Nam	2019	2019	cái	1	198.000	198.000		198.000	0		1		Hư	
868	Máy lạnh Daikin; model: FTNE35MV1V9; seri: E206634; hãng sx: Daikin	Thái Lan	2017	2017	cái	1	9.300.000	9.300.000		9.300.000	0		1		Máy lạnh cũ, hư tản nhiệt dàn lạnh, dàn nóng trao đổi nhiệt kém, làm lạnh kém	
869	Máy lạnh Daikin ; model: FTHE35MV1V9; seri: E083119; hãng sx: Daikin	Thái Lan	2015	2015	cái	1	9.600.000	9.600.000		9.600.000	0		1		Máy lạnh cũ, hư tản nhiệt dàn lạnh, dàn nóng trao đổi nhiệt kém, làm lạnh kém	
870	Máy lạnh Daikin; model: FTC35NV1V; seri: E058486; hãng sx: DAIKIN	Thái Lan	2018	2018	cái	1	11.340.000	11.340.000		11.340.000	0		1		Máy lạnh cũ, hư tản nhiệt dàn lạnh, dàn nóng trao đổi nhiệt kém, làm lạnh kém	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
871	Quạt đứng; model: D18003; seri: 3744332	Việt Nam	2012	2012	cái	1	570.000	570.000		570.000	0		1		Hư	
872	Ghế xoay inox	Việt Nam		2021	cái	5	473.000	2.365.000		2.365.000	0		5		Hư	
873	Loa thùng 16 cm (3T) 1B+1T; hãng sx: Tiến Đạt	Việt Nam	2012	2012	cái	1	360.000	360.000		360.000	0		1		Hư	
874	Máy Photocopy Bizhub 283 - KONICA MINOLTA - Bizhub 283 - A1UFO41008724; model: Bizhub 283 ; seri: A1UFO41008724; hãng sx: KONICA MINOLTA	Nhật	2011	2011	Cái	1	87.360.000	87.360.000		87.360.000	0		1		hư không sử dụng	
875	Máy Photocopy Canon iR2422L - Canon - iR2422L - HWB03924; model: iR2422L; seri: HWB03924; hãng sx: Canon	Trung Quốc	2014	2014	Cái	1	49.110.000	49.110.000		49.110.000	0		1		hư không sử dụng	
876	Core I3 2100 3.10 Ghz, DDR2Gb SSD250; Optiplex 3040MT ; model: Optiplex 3040MT ; hãng sx: Dell	Malaysia	2016	2019	Cái	1	10.942.000	10.942.000		10.942.000	0		1		Main lỗi, không sửa được	
877	CPU: i3-4130/3.40GHz - 4GB, 64bit; model: Máy ráp; hãng sx: Dell	Malaysia	2015	2015	Cái	1	10.437.000	10.437.000		10.437.000	0		1		Main lỗi, không sửa được	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
878	CPU: Pentium (R) Dual-core/E5700 - 4GB, 64bit; model: Máy ráp; hãng sx: Dell	Malaysia	2017	2017	Cái	1	9.500.000	9.500.000	9.500.000	0		1		Main lỗi, không sửa được		
879	CPU:Core I3 3220 3.3 Ghz 6 Gb SSD 500 Gb; ; model: Máy ráp; hãng sx: INTEL	Malaysia	2012	2012	Cái	1	8.900.000	8.900.000	8.900.000	0		1		Main lỗi, không sửa được		
880	Bộ máy vi tính LENOVO - LENOVO - Think Centre M70E - R80VBYK, 0829CTO; model: Think Centre M70E; seri: R80VBYK, 0829CTO; hãng sx: LENOVO	Trung Quốc	2010	2010	Cái	1	11.236.000	11.236.000	11.236.000	0		1		Main lỗi, không sửa được		
881	Core I3 3220 3.3 Ghz 2 Gb "HDD 500 Gb SSD 250 GB"; ; hãng sx: Intel	Trung Quốc	2013	2013	Cái	1	7.400.000	7.400.000	7.400.000	0		1		Main lỗi, không sửa được		
882	CPU Core I3 3220 3.3 Ghz; model: Design Innovation ; seri: ZB8045706036		2013	2013	cái	1	7.400.000	7.400.000	7.400.000	0		1		Main lỗi, không sửa được		

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
883	CPU Core I3 3220 3.3 Ghz; model: Máy ráp	Trung Quốc	2013	2013	cái	1	7.400.000	7.400.000		7.400.000	0		1		Main lỗi, không sửa được	
884	CPU Core I3 3220 3.3 Ghz; model: Máy ráp	Trung Quốc	2013	2013	cái	1	7.400.000	7.400.000		7.400.000	0		1		Main lỗi, không sửa được	
885	CPU Core I3 3220 3.3 Ghz; model: Máy ráp	Trung Quốc	2013	2013	cái	1	7.400.000	7.400.000		7.400.000	0		1		Main lỗi, không sửa được	
886	CPU Core I3 3220 3.3 Ghz; model: Máy ráp	Trung Quốc	2013	2013	cái	1	7.400.000	7.400.000		7.400.000	0		1		Main lỗi, không sửa được	
887	CPU Core I3 3220 3.3 Ghz; model: Máy ráp	Trung Quốc	2013	2013	cái	1	7.400.000	7.400.000		7.400.000	0		1		Main lỗi, không sửa được	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
888	CPU Core I5 2500 3.3 Ghz 4 Gb SSD 250 Gb;; model: Máy ráp	Trung Quốc	2011	2011	Cái	1	9.300.000	9.300.000	9.300.000	0		1		Main lỗi, không sửa được		
889	CPU i5-2400, Ram 4GB, HDD 250GB - DELL; model: Máy ráp; hãng sx: DELL	Trung Quốc	2011	2011	Cái	1	10.900.000	10.900.000	10.900.000	0		1		Main lỗi, không sửa được		
890	CPU i5-2500 Asus, MAINBOARD P8A621 Max, DDRam 2GB, HDD 250GB; model: Máy ráp	Trung Quốc	2012	2012	Cái	1	11.900.000	11.900.000	11.900.000	0		1		Main lỗi, không sửa được		
891	CPU i5-2500 Asus, MAINBOARD P8A621 Max, DDRam 2GB, HDD 250GB; model: Máy ráp	Trung Quốc	2012	2012	Cái	1	11.900.000	11.900.000	11.900.000	0		1		Main lỗi, không sửa được		
892	CPU i5-2500 Asus, MAINBOARD P8A621 Max, DDRam 2GB, HDD 250GB; model: Máy ráp	Trung Quốc	2012	2012	Cái	1	11.900.000	11.900.000	11.900.000	0		1		Main lỗi, không sửa được		

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
893	CPU i5-2500 Asus, MAINBOARD P8A621 Max, DDRam 4GB, HDD 500GB; model: Máy ráp	Trung Quốc	2012	2012	Cái	1	12.400.000	12.400.000	12.400.000	0		1		Main lỗi, không sửa được		
894	Dell Optiplex 3020MT Core I3 4130 3.4 Ghz, DDR4: 4G, Ổ Cứng: HDD 500G; model: Optiplex 3020MT; seri: 75QPG52; hãng sx: DELL	Trung Quốc	2015	2016	Cái	1	11.052.000	11.052.000	11.052.000	0		1		Main lỗi, không sửa được		
895	Hệ thống máy vi tính: CPU Intel E7500, Mainboard Asus P5KPL, Ram 2G, HDD 160GB; Monitor LCD 17 Samsung - Samsung - MPFRHYTZ903284A; seri: MPFRHYTZ903284A; hãng sx: Samsung	Trung Quốc	2010	2010	Cái	1	13.959.000	13.959.000	13.959.000	0		1		Main lỗi, không sửa được		
896	Màn hình vi tính (LCD); model: E2020H ; seri: 84LTF23; hãng sx: Dell	Trung Quốc	2021	2021	cái	1	2.565.000	2.565.000	2.565.000	0		1		Hư bóng đèn hình, không sửa chữa được		
897	Màn hình vi tính (LCD); model: E1720NRX; seri: MPFRHYTB01823D; hãng sx: SAMSUNG	Trung Quốc	2013	2013	cái	1	2.400.000	2.400.000	2.400.000	0		1		Màn hình bị ố vàng		
898	Màn hình vi tính (LCD); model: B1930N; seri: 1458HYTB304438J; hãng sx: SAMSUNG	Trung Quốc	2013	2013	cái	1	2.551.500	2.551.500	2.551.500	0		1		Màn hình bị ố vàng		
899	Màn hình vi tính (LCD); model: 743NX; seri: MY17HYDQC00859B; hãng sx: SAMSUNG	Trung Quốc	2013	2013	cái	1	2.551.500	2.551.500	2.551.500	0		1		Màn hình bị ố vàng		
900	Màn hình vi tính (LCD); model: E1720NRX; seri: MPFRHYTZB00991T; hãng sx: SAMSUNG	Trung Quốc	2013	2013	cái	1	2.400.000	2.400.000	2.400.000	0		1		Màn hình bị ố vàng		

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
901	Màn hình vi tính (LCD); model: 743NX; seri: MY17HYDQC02840X; hãng sx: SAMSUNG	Trung Quốc	2013	2013	cái	1	2.551.500	2.551.500	2.551.500	0		1		Hư bóng đèn hình, không sửa chữa được		
902	Màn hình vi tính (LCD); model: 733NW; seri: MY17HYTS501103F; hãng sx: SAMSUNG	Trung Quốc	2013	2013	cái	1	2.551.500	2.551.500	2.551.500	0		1		Hư bóng đèn hình, không sửa chữa được		
903	Màn hình vi tính (LCD); model: E1720NRX; seri: MPFRHYTB500166L; hãng sx: SAMSUNG	Trung Quốc	2020	2020	cái	1	2.500.000	2.500.000	2.500.000	0		1		Hư bóng đèn hình, không sửa chữa được		
904	Màn hình vi tính (LCD); model: E1720NRX; seri: MPFRHYTBA01154B; hãng sx: SAMSUNG	Trung Quốc	2020	2020	cái	1	2.500.000	2.500.000	2.500.000	0		1		Hư bóng đèn hình, không sửa chữa được		
905	Màn hình vi tính (LCD); model: E1720NRX; seri: MPFRHYTZB06253V; hãng sx: SAMSUNG	Trung Quốc	2020	2020	cái	1	2.500.000	2.500.000	2.500.000	0		1		Hư bóng đèn hình, không sửa chữa được		
906	Màn hình vi tính (LCD); model: 743NX; seri: MY17HYTS309715R; hãng sx: SAMSUNG	Trung Quốc	2013	2013	cái	1	8.602.000	8.602.000	8.602.000	0		1		Màn hình bị ó vàng		
907	Màn hình vi tính (LCD); model: E1720NRX; seri: MPFRHYTB701802K; hãng sx: SAMSUNG	Trung Quốc	2020	2020	cái	1	2.500.000	2.500.000	2.500.000	0		1		Màn hình bị ó vàng		
908	Màn hình vi tính (LCD); model: E1720NRX; seri: MPFRHYTZB08177R; hãng sx: SAMSUNG	Trung Quốc	2020	2020	cái	1	2.500.000	2.500.000	2.500.000	0		1		Màn hình bị ó vàng		
909	Màn hình vi tính (LCD); model: 193V5L; seri: ZV0A2130004916; hãng sx: Philip	Trung Quốc	2021	2021	cái	1	1.857.000	1.857.000	1.857.000	0		1		Màn hình bị ó vàng		
910	Màn hình vi tính LCD 17 in; 743AE; model: 743AE; seri: 1433HYTZ203606K; hãng sx: SAMSUNG	Trung Quốc	2010	2014	Cái	1	2.500.000	2.500.000	2.500.000	0		1		Hư bóng đèn hình, không sửa chữa được		

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
911	Màn hình vi tính LCD 17 in; E1713SC; model: E1713SC; seri: CN-ODM06C-64180-36B-1Y2L; hãng sx: Dell	Trung Quốc	2014	2014	Cái	1	2.500.000	2.500.000	2.500.000	0		1		Hư bóng đèn hình, không sửa chữa được		
912	Màn hình vi tính LCD 17 in; E1713SC; model: E1713SC; seri: CNODMO6C-6418036B-OE5L; hãng sx: DELL	Trung Quốc	2013	2014	Cái	1	2.475.000	2.475.000	2.475.000	0		1		Hư bóng đèn hình, không sửa chữa được		
913	Màn hình vi tính LCD 17 in; E1715SC; model: E1715SC; seri: CN-ODM06C-64180-37B-01TL; hãng sx: DELL	Trung Quốc	2013	2014	Cái	1	2.475.000	2.475.000	2.475.000	0		1		Hư bóng đèn hình, không sửa chữa được		
914	Màn hình vi tính LCD 17 in; E1715SC; model: E1715SC; seri: CN-0YMF4D-TV100-958-0M1U-A07; hãng sx: DELL	Trung Quốc	2019	2019	Cái	1	2.610.000	2.610.000	2.610.000	0		1		Hư bóng đèn hình, không sửa chữa được		
915	Màn hình vi tính LCD 17 in; E1715SC; model: E1715SC; seri: CN-05YJ8T-64180-465-2XKU; hãng sx: DELL	Trung Quốc	2014	2014	Cái	1	2.475.000	2.475.000	2.475.000	0		1		Hư bóng đèn hình, không sửa chữa được		
916	Màn hình vi tính LCD 17 in; E1715Sc; model: E1715Sc; seri: CN-05YJ8T-64180-5B3-202U; hãng sx: Dell	Trung Quốc	2006	2006	Cái	1	2.500.000	2.500.000	2.500.000	0		1		Hư bóng đèn hình, không sửa chữa được		
917	Màn hình vi tính LCD 17 in; E1715Sc; model: E1715Sc; seri: CN-0YMF4D-TV100-9A9-08FU-A07; hãng sx: Dell	Trung Quốc	2020	2020	Cái	1	1.870.000	1.870.000	1.870.000	0		1		Hư bóng đèn hình, không sửa chữa được		
918	Màn hình vi tính LCD 17 in; E1720NRX; model: E1720NRX; seri: MPFRHYTZB00853V; hãng sx: Samsung	Trung Quốc	2010	2010	Cái	1	2.500.000	2.500.000	2.500.000	0		1		Hư bóng đèn hình, không sửa chữa được		
919	Màn hình vi tính LCD 17 in; E1720NRX; model: E1720NRX; seri: MPFRHYTZB07917N; hãng sx: Samsung	Trung Quốc		2018	Cái	1	2.450.000	2.450.000	2.450.000	0		1		Hư bóng đèn hình, không sửa chữa được		

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
920	Màn hình vi tính LCD 17 in; E1720NRX; model: E1720NRX; seri: MPFRHYTZC02131J; hãng sx: Samsung	Trung Quốc		2020	Cái	1	2.551.500	2.551.500	2.551.500	0		1		Hỏng màn hình		
921	Màn hình vi tính LCD 17 in; LS17CMNSFMXV; model: LS17CMNSFMXV; seri: CM17HYTS802143P; hãng sx: Samsung	Trung Quốc	2009	2009	Cái	1	2.500.000	2.500.000	2.500.000	0		1		Hỏng màn hình		
922	Màn hình vi tính LCD 17" dell; model: E1715S; seri: CN-OVHPD1-64180-6C2-OTJU-A01; hãng sx: Dell	Trung Quốc	2016	2019	Cái	1	2.610.000	2.610.000	2.610.000	0		1		Hỏng màn hình		
923	Màn hình vi tính HP; seri: 3CQ80505XG; hãng sx: HP	Trung Quốc		2006	Cái	1	1.870.000	1.870.000	1.870.000	0		1		Hỏng màn hình		
924	Màn hình vi tính SAMSUNG; model: 743AE; seri: 1433HYTSC01763F; hãng sx: SAMSUNG	VN	2013	2013	Cái	1	2.400.000	2.400.000	2.400.000	0		1		Hỏng màn hình		
925	Màn hình vi tính SAMSUNG; model: E1720NRX; seri: MPFRHYTZ800281J; hãng sx: SAMSUNG	VN	2013	2013	Cái	1	2.400.000	2.400.000	2.400.000	0		1		Hỏng màn hình		
926	Màn hình vi tính SAMSUNG; model: E1720NRX; seri: MPFRHYTZB01973 A; hãng sx: SAMSUNG	VN	2013	2013	Cái	1	2.400.000	2.400.000	2.400.000	0		1		Hỏng màn hình		
927	Màn hình vi tính SAMSUNG; model: 743AE; seri: 1433HYTZ204559N; hãng sx: SAMSUNG	VN	2007	2007	Cái	1	8.602.000	8.602.000	8.602.000	0		1		Hỏng màn hình		
928	Máy In HP Laser màu M553DN - HP - M553DN - JPBXJ37H258; model: M553DN; seri: JPBXJ37H258; hãng sx: HP	Trung Quốc	2016	2016	Cái	1	30.602.000	30.602.000	30.602.000	0		1		Lỗi Fuser Error 50.2, không sửa được		

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
929	Máy In HP Laser P2055 - HP - P2055DM - VMC3T28910; model: P2055DM ; seri: VMC3T28910; hãng sx: HP	Trung Quốc	2011	2011	Cái	1	11.500.000	11.500.000	11.500.000	0			1		Lỗi Fuser Error 50.2, không sửa được	
930	Máy in laser; model: M401DN; seri: VNH3G03965; hãng sx: HP	Trung Quốc	2013	2013	Cái	1	8.602.000	8.602.000	8.602.000	0			1		Lỗi Fuser Error 50.2, không sửa được	
931	Máy in laser; model: M401DN; seri: VNH3709159; hãng sx: HP	Trung Quốc	2013	2013	Cái	1	8.602.000	8.602.000	8.602.000	0			1		Lỗi Fuser Error 50.2, không sửa được	
932	Máy in laser; model: M401DN; seri: VNH4Y19170; hãng sx: HP	Trung Quốc	2013	2013	Cái	1	8.602.000	8.602.000	8.602.000	0			1		Bộ cơ bị lỗi, main lỗi không nhận mực, băng tải bị rách, không sửa được	
933	Máy in laser; model: P1102; seri: VNC6F00570; hãng sx: HP	Trung Quốc		2007	Cái	1	1.900.000	1.900.000	1.900.000	0			1		Bộ cơ bị lỗi, main lỗi không nhận mực, băng tải bị rách, không sửa được	
934	Máy in laser; model: P1102; seri: VNC3L26256; hãng sx: HP	Trung Quốc		2007	Cái	1	1.900.000	1.900.000	1.900.000	0			1		Lỗi Fuser Error 50.2, không sửa được	
935	Máy in laser; model: P1102; seri: VNC3L54442; hãng sx: HP	Trung Quốc		2007	Cái	1	1.900.000	1.900.000	1.900.000	0			1		Lỗi Fuser Error 50.2, không sửa được	
936	Máy Scan HP; 3500F1; model: 3500F1; seri: CN791B605K; hãng sx: HP	Trung Quốc	2020	2020	Cái	1	15.750.000	15.750.000	15.750.000	0			1		Hư đầu scan	
937	Ti vi LCD Sony Bravia 26" - SONY - KLV-26S400A - L3450000896; model: KLV-26S400A ; seri: L3450000896; hãng sx: SONY	Nhật	2008	2008	Cái	1	12.490.000	12.490.000	12.490.000	0			1		Hư bóng đèn hình, không sửa chữa được	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
938	Ti vi LCD Sony Bravia 26" - SONY - KLV-26S400A - L3450000926; model: KLV-26S400A ; seri: L3450000926; hãng sx: SONY	Nhật	2008	2008	Cái	1	12.490.000	12.490.000	12.490.000	0		1		Hư bóng đèn hình, không sửa chữa được		
939	Tivi LCD Asanzo; 40S890; model: 40S890; hãng sx: Asanzo	Việt Nam		2018	Cái	1	4.690.000	4.690.000	4.690.000	0		1		Hư bóng đèn hình, không sửa chữa được		
940	Bàn chữ nhật Inox (dài 1m2 - ngang 80)	Việt Nam	2002	2002	Cái	1	1.800.000	1.800.000	1.800.000	0		1		Bàn cũ không sử dụng		
941	Bàn sắt máy tính 1 hộc (70 x 120 x 80) cm	Việt Nam	2015	2015	Cái	1	4.400.000	4.400.000	4.400.000	0		1		Bàn sắt cũ không còn phù hợp sử dụng tại đơn vị		
942	Bàn sắt máy tính 1 hộc (70 x 120 x 80) cm	Việt Nam	2017	2017	Cái	1	4.400.000	4.400.000	4.400.000	0		1		Bàn sắt cũ không còn phù hợp sử dụng tại đơn vị		
943	Bàn sắt sơn tĩnh điện 6 hộc (140 x 70 x 75) cm	Việt Nam	2017	2017	Cái	1	4.400.000	4.400.000	4.400.000	0		1		Bàn sắt cũ không còn phù hợp sử dụng tại đơn vị		

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
944	Bàn sắt sơn tĩnh điện, mặt kính 4 hộc KT: (77.C x 120.D x 70.R) cm	Việt Nam	2009	2009	Cái	1	4.400.000	4.400.000	4.400.000	0			1		Bàn sắt cũ không còn phù hợp sử dụng tại đơn vị	
945	Bàn sắt sơn tĩnh điện, mặt kính 4 hộc KT: (77.C x 120.D x 70.R) cm	Việt Nam	2009	2009	Cái	1	4.400.000	4.400.000	4.400.000	0			1		Bàn sắt cũ không còn phù hợp sử dụng tại đơn vị	
946	Bàn sắt vi tính (120x80x70) cm; hãng sx: Tấn Phát	Việt Nam	2003	2003	Cái	6	2.600.000	15.600.000	15.600.000	0			6		Bàn sắt cũ không còn phù hợp sử dụng tại đơn vị	
947	Máy điều hoà nhiệt độ 2cụm 2HP - Daikin - FTE50FVM - E119716; model: FTE50FVM; seri: E119716; hãng sx: Daikin	Thái Lan		2010	Cái	1	14.278.000	14.278.000	14.278.000	0			1		Máy lạnh hư, sửa chữa nhiều lần, không sử dụng được	
948	Máy điều hoà nhiệt độ 2cụm 2HP - Daikin - FTE50FVM - E119812; model: FTE50FVM; seri: E119812; hãng sx: Daikin	Thái Lan		2010	Cái	1	14.278.000	14.278.000	14.278.000	0			1		Máy lạnh hư, sửa chữa nhiều lần, không sử dụng được	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
949	Máy điều hoà nhiệt độ 2cụm 2HP - Daikin - FTE50FVM - E123449; model: FTE50FVM; seri: E123449; hãng sx: Daikin	Thái Lan		2010	Cái	1	11.700.000	11.700.000	11.700.000	0			1		Máy lạnh hư, sửa chữa nhiều lần, không sử dụng được	
950	Máy điều hoà nhiệt độ 2cụm 2HP - Daikin - FTE50FVM - E123468; model: FTE50FVM; seri: E123468; hãng sx: Daikin	Thái Lan	2010	2010	Cái	1	8.200.000	8.200.000	8.200.000	0			1		Máy lạnh hư, sửa chữa nhiều lần, không sử dụng được	
951	Máy điều hoà nhiệt độ 2cụm 2HP - Daikin - FTE50FVM - E123524; model: FTE50FVM; seri: E123524; hãng sx: Daikin	Thái Lan		2010	Cái	1	11.700.000	11.700.000	11.700.000	0			1		Máy lạnh hư, sửa chữa nhiều lần, không sử dụng được	
952	Máy Điều Hoà Nhiệt Độ MITSUBISHI 2 cụm 2HP - Misubishi Heavy - ; model: SRK/SRC18CEV-4; seri: 012703865RE; hãng sx: Misubishi Heavy	Nhật		2010	Cái	1	16.628.300	16.628.300	16.628.300	0			1		Máy lạnh hư, sửa chữa nhiều lần, không sử dụng được	
953	Máy Điều Hoà Nhiệt Độ MITSUBISHI 2 cụm 2HP - Misubishi Heavy - SRK/SRC18CEV-4 - 012703854RE; model: SRK/SRC18CEV-4; seri: 321800515RS; hãng sx: Misubishi Heavy	Nhật		2010	Cái	1	16.628.300	16.628.300	16.628.300	0			1		Máy lạnh hư, sửa chữa nhiều lần, không sử dụng được	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
954	Máy Điều Hoà Nhiệt Độ MITSUBISHI 2 cụm 2HP - Misubishi Heavy - SRK/SRC18CEV-4 - 012703908RE; model: SRK/SRC18CEV-4; seri: 433200208BE; hãng sx: Misubishi Heavy	Nhật		2010	Cái	1	15.763.000	15.763.000	15.763.000	0			1		Máy lạnh hư, sửa chữa nhiều lần, không sử dụng được	
955	Máy điều hoà nhiệt độ Mitsubishi 2 cụm 1,5 HP - Mitshubishi - SRK/SRC 18 CEV-4 - L:023305539RE N:040505326RE; model: SRK/SRC 18 CEV-4 ; hãng sx: Mitshubishi	Thái Lan		2011	Cái	1	11.943.800	11.943.800	11.943.800	0			1		Máy lạnh hư, sửa chữa nhiều lần, không sử dụng được	
956	Máy điều hoà nhiệt độ Mitsubishi 2 cụm 1,5 HP - Mitshubishi - SRK/SRC 18 CEV-4 - L:023306073RE N:040506068RE; model: SRK/SRC 18 CEV-4 ; hãng sx: Mitshubishi	Thái Lan		2011	Cái	1	11.943.800	11.943.800	11.943.800	0			1		Máy lạnh hư, sửa chữa nhiều lần, không sử dụng được	
957	Máy điều hoà nhiệt độ Mitsubishi 2 cụm 1.5 HP; model: SRK 19CK ; hãng sx: Mitsubishi	Thái Lan	2012	2012	Cái	1	12.600.000	12.600.000	12.600.000	0			1		Máy lạnh hư, sửa chữa nhiều lần, không sử dụng được	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
958	Máy điều hoà nhiệt độ Mitsubishi 2 cụm 2 HP - Mitshubishi - SRK/SRC 18 CEV-4 - L:012704918RE N:032712839RE; model: SRK/SRC 18 CEV-4 ; seri: L:012703406RE N:032704309RE; hãng sx: Mitshubishi	Thái Lan	2011	2011	Cái	1	15.763.000	15.763.000	15.763.000	0			1		Máy lạnh hư, sửa chữa nhiều lần, không sử dụng được	
959	Máy điều hoà nhiệt độ Mitsubishi 2 cụm 2 HP - Mitshubishi - SRK/SRC 18 CEV-4 - L:111401981RE N:141490152RE; model: SRK/SRC 18 CEV-4 ; seri: 330106274RE; hãng sx: Mitshubishi	Thái Lan		2011	Cái	1	13.685.100	13.685.100	13.685.100	0			1		Máy lạnh hư, sửa chữa nhiều lần, không sử dụng được	
960	Máy điều hoà nhiệt độ Mitsubishi 2 cụm 2 HP - Mitsubishi - SRK 19CK; model: SRK 19CK ; hãng sx: Mitsubishi	Thái Lan	04/2012	2012	Cái	1	7.590.000	7.590.000	7.590.000	0			1		Máy lạnh hư, sửa chữa nhiều lần, không sử dụng được	
961	Máy điều hoà nhiệt độ Mitsubishi 2 cụm 2 HP - Mitsubishi - SRK 19CK - 123802106RE; model: SRK 19CK ; hãng sx: Mitsubishi	Thái Lan		2012	Cái	1	7.590.000	7.590.000	7.590.000	0			1		Máy lạnh hư, sửa chữa nhiều lần, không sử dụng được	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
962	Máy hàn túi; model: RF-900; hãng sx: China	Trung Quốc	2018	2018	Cái	1	3.700.000	3.700.000		3.700.000	0		1		Máy hư không sửa chữa được	
963	Máy lạnh AIKIBI 2 cụm 2HP; model: AWF18C; seri: B28295321703N00472; hãng sx: AIKIBI			2010	cái	1	11.700.000	11.700.000		11.700.000	0		1		Máy lạnh hư, sửa chữa nhiều lần, không sử dụng được	
964	Máy lạnh Caire 2HP 1 cục	Thái Lan		2005	Cái	1	10.780.000	10.780.000		10.780.000	0		1		Máy lạnh hư, sửa chữa nhiều lần, không sử dụng được	
965	Máy lạnh daikin 2 cụm 5,5 HP - Daikin - FH48PUV2V/R48PUY2V ; model: FH48PUV2V/R48PUY2V; hãng sx: Daikin	Thái Lan	2014	2014	Cái	1	46.010.800	46.010.800		46.010.800	0		1		Máy lạnh hư, sửa chữa nhiều lần, không sử dụng được	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
966	Máy lạnh Panasonic 2 cục 2 HP - Panasonic; model: 05/2007; seri: Panasonic; hãng sx: Nhật	Thái Lan	2008	2008	Cái	1	14.760.000	14.760.000	14.760.000	0			1		Máy lạnh hư, sửa chữa nhiều lần, không sử dụng được	
967	Máy lạnh Reetech 2 cục 2 HP; model: RT/RD 18CD; seri: 15122715; hãng sx: Reetech	Việt Nam	2016	2016	Cái	1	9.680.000	9.680.000	9.680.000	0			1		Máy lạnh hư, sửa chữa nhiều lần, không sử dụng được	
968	Máy lạnh Reetech 2 cục 2 HP; model: RT/RD 18CD; seri: 15122708; hãng sx: Reetech	Việt Nam	2016	2016	Cái	1	9.680.000	9.680.000	9.680.000	0			1		Máy lạnh hư, sửa chữa nhiều lần, không sử dụng được	
969	Máy lạnh Reetech 2 cục 2 HP; RT/RD 18CD; seri: 15122712; 15122705; hãng sx: Reetech	Việt Nam	2016	2016	Cái	1	19.360.000	19.360.000	19.360.000	0			1		Máy lạnh hư, sửa chữa nhiều lần, không sử dụng được	
970	Máy lạnh Reetech 2 cục 2 HP; RT/RD 18CD; model: RT/RD 18CD; seri: 15122711; hãng sx: Reetech	Việt Nam	2016	2016	Cái	1	9.680.000	9.680.000	9.680.000	0			1		Máy lạnh hư, sửa chữa nhiều lần, không sử dụng được	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
971	Máy lạnh Reetech 2 cụm 2 HP; RT/RD 18CD; model: RT/RD 18CD; seri: 15122697; hãng sx: Rectech	Việt Nam	2016	2016	Cái	1	9.680.000	9.680.000		9.680.000	0		1		Máy lạnh hư, sửa chữa nhiều lần, không sử dụng được	
972	Máy lạnh Reetech 2 cụm 2 HP; RT/RD 18CD; model: RT/RD 18CD; seri: 15122698; hãng sx: Rectech	Việt Nam	2016	2016	Cái	1	9.680.000	9.680.000		9.680.000	0		1		Máy lạnh hư, sửa chữa nhiều lần, không sử dụng được	
973	Máy lạnh Reetech 2 cụm 2HP; RT/BM9RC18-BM9; model: RT/BM9RC18-BM9; seri: 01810102215; hãng sx: Reetech	Thái Lan	2016	2016	Cái	1	9.680.000	9.680.000		9.680.000	0		1		Máy lạnh hư, sửa chữa nhiều lần, không sử dụng được	
974	Máy nén khí (Dekton); model: DK3930; hãng sx: China	Trung Quốc	2018	2018	Cái	1	4.158.000	4.158.000		4.158.000	0		1		Máy nén khí yếu không sử dụng được	
975	Máy nén khí (Shark); model: SKD-25N; seri: D18010996; hãng sx: China	Trung Quốc	2018	2018	Cái	1	4.500.000	4.500.000		4.500.000	0		1		Máy hư không sửa chữa được	
976	Ôn áp; model: NL-2000NM; hãng sx: Lioa			2017	Cái	1	2.166.000	2.166.000		2.166.000	0		1		Máy cũ không còn nhu cầu sử dụng	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
977	Ôn áp Lioa ; Lioa NL-2000NM; model: Lioa NL-2000NM; hãng sx: Lioa	Việt Nam	2001	2001	Cái	1	1.600.000	1.600.000		1.600.000	0		1		Máy cũ không còn nhu cầu sử dụng	
978	Ôn áp Lioa ; Lioa NL-3000NM; model: Lioa NL-3000NM; hãng sx: Lioa	Việt Nam	2005	2005	Cái	1	1.600.000	1.600.000		1.600.000	0		1		Máy cũ không còn nhu cầu sử dụng	
979	Quạt hơi nước Sunhouse; SHD 7772; model: SHD 7772; seri: 0000003123833; hãng sx: Sunhouse	Trung Quốc	2020	2020	Cái	1	6.525.000	6.525.000		6.525.000	0		1		Quạt hơi nước hư không có linh kiện sửa chữa	
980	Thanh nâng 350Kg (ben)			2003	Cái	1	13.650.000	13.650.000		13.650.000	0		1		Thanh nâng hư, sửa chữa không được	
981	Tủ 12 hộc (90 x 45 x 180) cm	Việt Nam	2010	2010	Cái	1	1.800.000	1.800.000		1.800.000	0		1		Tủ cũ không còn nhu cầu sử dụng	
982	Tủ đồ cá nhân 10 hộc (90 x 45 x 165) cm	Việt Nam	2002	2002	Cái	1	1.150.000	1.150.000		1.150.000	0		1		Tủ cũ không còn nhu cầu sử dụng	
983	Tủ đồ cá nhân 10 hộc (90 x 45 x 165) cm	Việt Nam	2002	2002	Cái	1	1.150.000	1.150.000		1.150.000	0		1		Tủ cũ không còn nhu cầu sử dụng	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
984	Tủ inox 201, 4 cánh (2 cánh gương, 2 cánh inox) KT: (80x40x160)cm (dài x rộng x cao)	Việt Nam		2018	Cái	1	3.950.000	3.950.000		3.950.000	0		1		Tủ cũ không còn nhu cầu sử dụng	
985	Tủ Inox 4 cánh (80 x 40 x 150) cm	Việt Nam		2004	Cái	2	2.700.000	5.400.000		5.400.000	0		2		Tủ cũ không còn nhu cầu sử dụng	
986	Tủ lạnh 120L; hãng sx: SANYO	SR-11CD		2002	Cái	1	3.550.000	3.550.000		3.550.000	0		1		Tủ hư, sửa chữa nhiều lần	
987	Tủ lạnh 140L; hãng sx: SANYO	SR-14D(H)		2002	Cái	1	3.550.000	3.550.000		3.550.000	0		1		Tủ hư, sửa chữa nhiều lần	
988	Tủ lạnh Panasonic; NR-BJ188; model: NR-BJ188; seri: ARAHLDQ00030; hãng sx: Panasonic	Việt Nam	2013	2013	Cái	1	4.650.000	4.650.000		4.650.000	0		1		Tủ hư, sửa chữa nhiều lần	
989	Tủ mát Alaska ; LC210; model: LC210; seri: SH-104497; hãng sx: Alaska	MALAYSIA	2006	2015	Cái	1	7.260.000	7.260.000		7.260.000	0		1		Tủ hư, sửa chữa nhiều lần	
990	Tủ mát Westpoint; hãng sx: Westpoint	Trung Quốc	2006	2006	Cái	1	7.260.000	7.260.000		7.260.000	0		1		Tủ hư, sửa chữa nhiều lần	
991	Tủ nhôm 2 cánh kính (180 x 80 x 40) cm	Việt Nam	2002	2002	Cái	1	3.600.000	3.600.000		3.600.000	0		1		Tủ nhôm cũ không còn phù hợp sử dụng tại đơn vị	
992	Tủ nhôm kiếng 2 cánh, KT: (160x60x48) cm	Việt Nam		2002	Cái	5	1.200.000	6.000.000		6.000.000	0		5		Tủ nhôm cũ không còn phù hợp sử dụng tại đơn vị	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
993	Tủ nhôm kính 4 cánh 4 ngăn (80 x 40 x 160) cm	Việt Nam	2001	2001	Cái	1	1.100.000	1.100.000		1.100.000	0			1		Tủ nhôm cũ không còn phù hợp sử dụng tại đơn vị
994	Tủ nhôm kính 4 cánh 4 ngăn (80 x 40 x 160) cm	Việt Nam	2001	2001	Cái	1	1.100.000	1.100.000		1.100.000	0			1		Tủ nhôm cũ không còn phù hợp sử dụng tại đơn vị
995	Tủ nhôm kính 4 cánh 4 ngăn (80 x 40 x 160) cm	Việt Nam	2002	2002	Cái	1	2.400.000	2.400.000		2.400.000	0			1		Tủ nhôm cũ không còn phù hợp sử dụng tại đơn vị
996	Tủ nhôm kính 4 cánh 4 ngăn (80 x 40 x 160) cm	Việt Nam	2002	2002	Cái	1	1.200.000	1.200.000		1.200.000	0			1		Tủ nhôm cũ không còn phù hợp sử dụng tại đơn vị
997	Tủ nhôm kính 4 cánh 4 ngăn (80 x 40 x 160) cm			2002	Cái	2	1.200.000	2.400.000		2.400.000	0			2		Tủ nhôm cũ không còn phù hợp sử dụng tại đơn vị
998	Tủ sắt 1 cánh ; hãng sx: Tấn Phát	Việt Nam	2002	2002	Cái	1	1.400.000	1.400.000		1.400.000	0			1		Tủ nhôm cũ không còn phù hợp sử dụng tại đơn vị

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
999	Tủ sắt 12 hộc; hãng sx: Tấn Phát	Việt Nam	2001	2001	Cái	1	1.050.000	1.050.000		1.050.000	0		1		Tủ cũ không còn phù hợp sử dụng tại đơn vị	
1000	Tủ sắt 2 cánh (175x100x50) cm; hãng sx: Tấn Phát	Việt Nam	2008	2008	Cái	5	1.400.000	7.000.000		7.000.000	0		5		Tủ cũ không còn phù hợp sử dụng tại đơn vị	
1001	Tủ sắt 4 cánh ; hãng sx: Tấn Phát	Việt Nam	2002	2002	Cái	1	1.650.000	1.650.000		1.650.000	0		1		Tủ cũ không còn phù hợp sử dụng tại đơn vị	
1002	Tủ sắt sơn tĩnh điện 4 cánh cửa (42x90x190) cm	Việt Nam	2019	2019	Cái	1	3.410.000	3.410.000		3.410.000	0		1		Tủ cũ không còn phù hợp sử dụng tại đơn vị	
1003	Hệ thống Tổng đài điện thoại; KX-TD1232DBX; Panasonic; model: KX-TD1232DBX; hãng sx: Panasonic	Nhật Bản	2002	2002	Cái	1	58.749.900	58.749.900		58.749.900	0		1		Tổng đài hư	
1004	Hệ thống sao lưu dự phòng và phần mềm backup; model: DataDomain DD2200; seri: FLC22151400011; hãng sx: EMC	Ireland	2018	2018	Cái	1	358.180.944	358.180.944		358.180.944	0		1		Hỏng main, không khởi động được.	
1005	Máy bơm chữa cháy; model: VC52AS; seri: 1363AB; hãng sx: Tohatsu	Nhật		2012	cái	1	200.178.000	200.178.000		200.178.000	0		1		Hư hỏng, không còn sử dụng.	
1006	Thiết bị tường lửa; model: FG300C-BDL; seri: FG300C3911602297; hãng sx: Fortinet	Trung Quốc	2012	2012	cái	1	206.800.000	206.800.000		206.800.000	0		1		Lỗi nguồn, không nhận tín hiệu mạng	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
1007	SERVER IBM System x3400 Demsey (797514A) Intel Xeon Dual Core 5050 3.0 GHz/667 MHz 2x2MB L2; hãng sx: IBM	Trung Quốc	2007	2007	Cái	1	128.480.250	128.480.250	128.480.250	0		1		Hư main không sửa chữa được		
1008	MÁY SERVER X 3650M4, Xeon 6C E5-260 2.0 GHz, 2x8GB, 2x300GB; model: X 3650M4		2012	2012	Cái	1	224.080.644	224.080.644	224.080.644	0		1		Hư main không sửa chữa được		
XVII	Thư viện					10	166.896.388			0						
1	Ôn áp - LiOA- 50kva	Việt nam	2002	2002	Cái	1	16.816.800	16.816.800	16.816.800	0		1		Hư, không sử dụng được		
2	Máy Photocopy - Cannon IR1600 S/n RSN09739	China	2003	2003	cái	1	38.075.688	38.075.688	38.075.688	0		1		Hư, không sử dụng được		
3	Máy in màu Epson aculaser S/N : E442001312	China	2003	2003	Cái	1	24.083.900	24.083.900	24.083.900	0		1		Hư, không sử dụng được		
4	Máy vi tính: MSP TCN i5-4460	Vn	2015	2015	cái	7	12.560.000	87.920.000	87.920.000	0		7		Hư, không sử dụng được		
XVIII	Ký túc xá					66	1.279.976.005			0		0				
1	Tivi Sony 25 inch			2006		1	6.590.000	6.590.000	6.590.000	0				Hư không sử dụng được		
2	Tivi Sony 25 inch			2006		1	6.590.000	6.590.000	6.590.000	0				Hư không sử dụng được		
3	Tivi Sony 25 inch			2006		1	6.590.000	6.590.000	6.590.000	0				Hư không sử dụng được		
4	Tivi Sony 25 inch			2006		1	6.590.000	6.590.000	6.590.000	0				Hư không sử dụng được		
5	Tivi Sony 25 inch			2006		1	6.590.000	6.590.000	6.590.000	0				Hư không sử dụng được		
6	Tivi Sony 25 inch			2006		1	6.590.000	6.590.000	6.590.000	0				Hư không sử dụng được		
7	Tivi Sony 25 inch			2006		1	6.590.000	6.590.000	6.590.000	0				Hư không sử dụng được		
8	Tivi Sony 19 inch			2001		1	3.200.000	3.200.000	3.200.000	0				Hư không sử dụng được		
9	Bơm hơi AIR COMPRESSORS 5.0HP HP25LRPM530(National)			2008		1	15.800.000	15.800.000	15.800.000	0				Hư không sử dụng được		
10	Máy bơm PCCC2500W (Tohatsu)			1995		1	43.500.000	43.500.000	43.500.000	0				Hư không sử dụng được		

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
11	Máy bơm PCCC2500W (Tohatsu)			1995		1	43.500.000	43.500.000	43.500.000		0				Hư không sử dụng được	
12	Máy bơm PCCC2500W (Tohatsu)			1995		1	43.500.000	43.500.000	43.500.000		0				Hư không sử dụng được	
13	Máy bơm PCCC2500W (Tohatsu)			1995		1	43.500.000	43.500.000	43.500.000		0				Hư không sử dụng được	
14	Máy bơm PCCC2500W (Tohatsu)			1995		1	43.500.000	43.500.000	43.500.000		0				Hư không sử dụng được	
15	Bồn chứa nước ionx 1.000L(Đại Thành)			2003		1	2.500.000	2.500.000	2.500.000		0				Hư không sử dụng được	
16	Bồn chứa nước ionx 5.000L			1998		1	4.945.000	4.945.000	4.945.000		0				Hư không sử dụng được	
17	Tủ lạnh Sanyo			1999		1	16.000.000	16.000.000	16.000.000		0				Hư không sử dụng được	
18	Tủ lạnh Sanyo			1999		1	16.000.000	16.000.000	16.000.000		0				Hư không sử dụng được	
19	Tủ lạnh Sanyo			2006		1	4.550.000	4.550.000	4.550.000		0				Hư không sử dụng được	
20	Tủ lạnh Sanyo			2006		1	4.550.000	4.550.000	4.550.000		0				Hư không sử dụng được	
21	Tủ lạnh Sanyo			2006		1	4.550.000	4.550.000	4.550.000		0				Hư không sử dụng được	
22	Tủ lạnh Sanyo			1996		1	3.200.000	3.200.000	3.200.000		0				Hư không sử dụng được	
23	Máy lạnh điều hòa (Trane) dự án			2003		1	41.269.667	41.269.667	41.269.667		0				Hư không sử dụng được	
24	Máy lạnh điều hòa (Trane) dự án			2003		1	41.269.667	41.269.667	41.269.667		0				Hư không sử dụng được	
25	Máy lạnh điều hòa (Trane) dự án			2003		1	41.269.667	41.269.667	41.269.667		0				Hư không sử dụng được	
26	Máy lạnh điều hòa (Trane) dự án			2003		1	41.269.667	41.269.667	41.269.667		0				Hư không sử dụng được	
27	Máy lạnh điều hòa (Trane) dự án			2003		1	41.269.667	41.269.667	41.269.667		0				Hư không sử dụng được	
28	Máy lạnh điều hòa (Trane) dự án			2003		1	41.269.667	41.269.667	41.269.667		0				Hư không sử dụng được	
29	Máy lạnh điều hòa (Trane) dự án			2003		1	41.269.667	41.269.667	41.269.667		0				Hư không sử dụng được	
30	Máy lạnh điều hòa (Trane) dự án			2003		1	41.269.667	41.269.667	41.269.667		0				Hư không sử dụng được	
31	Máy lạnh điều hòa (Trane) dự án			2003		1	41.269.667	41.269.667	41.269.667		0				Hư không sử dụng được	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
32	Máy lạnh điều hòa (Trane) dự án			2003		1	41.269.667	41.269.667	41.269.667		0				Hư không sử dụng được	
33	Máy lạnh điều hòa (Trane) dự án			2003		1	41.269.667	41.269.667	41.269.667		0				Hư không sử dụng được	
34	Máy lạnh điều hòa (Trane) dự án			2003		1	41.269.667	41.269.667	41.269.667		0				Hư không sử dụng được	
35	Máy lạnh điều hòa (Trane) dự án			2003		1	41.269.667	41.269.667	41.269.667		0				Hư không sử dụng được	
36	Máy lạnh điều hòa (Trane) dự án			2003		1	41.269.667	41.269.667	41.269.667		0				Hư không sử dụng được	
37	Máy lạnh điều hòa (Trane) dự án			2003		1	41.269.667	41.269.667	41.269.667		0				Hư không sử dụng được	
38	Máy lạnh điều hòa (Trane) 2HP			2003		1	19.340.000	19.340.000	19.340.000		0				Hư không sử dụng được	
39	Máy lạnh điều hòa (Trane) 2HP			2003		1	19.340.000	19.340.000	19.340.000		0				Hư không sử dụng được	
40	Máy in photocopy (Canon) NP 7160 PUZ08462			2008		1	38.467.000	38.467.000	38.467.000		0				Hư không sử dụng được	
41	Máy lạnh 1 cục Nasonal			1997		1	7.500.000	7.500.000	7.500.000		0				Hư không sử dụng được	
42	Máy nước uống nóng lạnh			2008		1	6.875.000	6.875.000	6.875.000		0				Hư không sử dụng được	
43	Máy nước uống nóng lạnh			2008		1	6.875.000	6.875.000	6.875.000		0				Hư không sử dụng được	
44	Máy nước uống nóng lạnh			2008		1	6.875.000	6.875.000	6.875.000		0				Hư không sử dụng được	
45	Máy nước uống nóng lạnh			2008		1	6.875.000	6.875.000	6.875.000		0				Hư không sử dụng được	
46	Máy nước uống nóng lạnh			2008		1	6.875.000	6.875.000	6.875.000		0				Hư không sử dụng được	
47	Máy nước uống nóng lạnh			2008		1	6.875.000	6.875.000	6.875.000		0				Hư không sử dụng được	
48	Máy nước uống nóng lạnh			2008		1	6.875.000	6.875.000	6.875.000		0				Hư không sử dụng được	
49	Máy nước uống nóng lạnh			2008		1	6.875.000	6.875.000	6.875.000		0				Hư không sử dụng được	
50	Máy bơm nước (Teco)			2008		1	34.400.000	34.400.000	34.400.000		0				Hư không sử dụng được	
51	Máy bơm nước (Ebar)			2008		1	16.500.000	16.500.000	16.500.000		0				Hư không sử dụng được	
52	Máy bơm nước (Luckypro)			2008		1	7.900.000	7.900.000	7.900.000		0				Hư không sử dụng được	

TT	TÀI SẢN	NƯỚC SX	NĂM SX	NĂM SD	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG			LÝ DO ĐỀ NGHỊ THANH LÝ	
								Nguyên giá			Giá trị còn lại	QLNN	HD sự nghiệp			HD khác
								Thành tiền	Nguồn NS	Nguồn khác			KD	Không KD		
53	Máy bơm nước (Luckypro)			2008		1	7.900.000	7.900.000	7.900.000		0				Hư không sử dụng được	
54	Máy bơm (Eba)			2005		1	13.384.000	13.384.000	13.384.000		0				Hư không sử dụng được	
55	Máy bơm (Eba)			2005		1	13.384.000	13.384.000	13.384.000		0				Hư không sử dụng được	
56	Máy bơm (Eba)			2005		1	13.384.000	13.384.000	13.384.000		0				Hư không sử dụng được	
57	Máy bơm Pentax			2003		1	12.400.000	12.400.000	12.400.000		0				Hư không sử dụng được	
58	Miro khoảng dây Shure SM58			2003	2003	2	7.850.000	15.700.000	15.700.000		0				Hư không sử dụng được	
59	Máy Cattsset VCD Sumno			2005	2005	2	3.820.000	7.640.000	7.640.000		0				Hư không sử dụng được	
60	Đầu máy Sharp A80S			2003	2003	1	2.925.000	2.925.000	2.925.000		0				Hư không sử dụng được	
61	Đầu máy Cali Pro 128AR			2003	2003	2	8.875.000	17.750.000	17.750.000		0				Hư không sử dụng được	
62	Đầu máy VCD 9999K			2003	2003	2	9.546.000	19.092.000	19.092.000		0				Hư không sử dụng được	
	Tổng cộng:					3.367		57.130.637.351	-	-	68.707.306					